



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Vấn đề trong tháng

Kỳ họp quốc hội tháng 10 bệ tắc của chính quyền cộng sản

Dư luận đã không dành cho kỳ họp thứ 6 của Quốc Hội khóa 9, diễn ra trong 10 ngày cuối của tháng 10, một chú ý nào. Báo chí trong nước, ngay cả báo của Đảng đã chỉ tường thuật một cách có lệ. Báo chí hải ngoại hầu như không biết đến khóa họp này. Không hề có một bài bình luận nào chung quanh những vấn đề được đem ra bàn cãi.

Sự kiện này dễ hiểu bởi vì Quốc Hội hiện nay không đáng được gọi là một quốc hội và các đại biểu không đáng được gọi là đại biểu, họ chỉ là những người thừa hành cấp thấp của đảng cộng sản.

Tuy nhiên, người ta sẽ rất lầm lẫn nếu không chú ý tới kỳ họp lần này của Quốc Hội. Nó chứng tỏ chính quyền cộng sản đã đi vào giai đoạn bế tắc thực sự và cục diện đất nước đã thay đổi.

Trước hết có những sự kiện đáng chú ý vì đã không diễn ra như thông lệ. Không còn cảnh hoan nghênh nhiệt liệt các "đồng chí lãnh đạo đảng" đến khai mạc, bế mạc và ban huấn từ. Không một lần nào những cụm từ "chủ nghĩa xã hội", "chủ nghĩa Mác-Lênin", "tư tưởng Hồ Chí Minh" được nhắc tới. Rõ ràng là những cụm từ này đã trở thành vô duyên và lạt lẽo đến nỗi người ta phải ngượng miệng khi nói ra. Đảng cộng sản cũng hoàn toàn vắng mặt trong mọi cuộc bàn cãi. Đúng ra là đảng cũng có được nhắc tới hai lần, nhưng là nhắc tới để phàn nàn.

Cùng đáng chú ý là những phát biểu về "chống diễn biến hòa bình" vừa ít ỏi, vừa yếu ớt, vừa lạt lẽo. Mọi người đều nhận ra sự vô vọng và vô lý của chiến dịch này. Cái thời cách đây hai năm khi đảng tổ chức cả một hội nghị kéo dài mấy tháng với chủ đề chống diễn biến hòa bình đã đi vào quá khứ. Tuyệt nhiên không có một phát biểu nào chống dân chủ đa nguyên.

Các phát biểu ve vãn lấy điểm không thiếu, nhưng chính những phát biểu này cũng đầy ý nghĩa, nó nói lên sự cô lập lớn của chế độ. Chẳng hạn như khi ông Phan Khắc Từ, người trước đây được biết đến với danh hiệu "linh mục hốt rác phản chiến", đề nghị nên "tăng cường hợp tác với các phong trào quần chúng tiến bộ trên thế giới" để tìm hậu thuẫn cho chế độ. Lời phát biểu đã lạt lẽo và không gây được sự chú ý nào bởi vì các "phong trào quần chúng tiến bộ" hiểu theo nghĩa ủng hộ chủ nghĩa xã hội và đảng cộng sản Việt Nam đã tan biến hết rồi, chỉ còn lại những tổ chức tiến bộ thực sự, nghĩa là cổ võ cho tự do, dân chủ, nhân quyền và bênh vực tù nhân chính trị đang làm đảng và nhà nước nhức nhối.

Uy tín không đáng kể của Quốc Hội, trình độ nhận thức sơ sài của các đại biểu, cách trình bày của các bộ trưởng và sự thiếu vắng một nhật thức nghiêm túc, càng làm nổi bật những sự kiện được phơi bày một cách vô tình trong kỳ họp Quốc Hội lần này.

Trước hết là đòi hỏi tăng cường vai trò giám sát của Quốc Hội đối với chính phủ của hầu hết các đại biểu, trước sự đồng tình bất lực của đảng và nhà nước. Ông Vũ Minh Thắng đòi chấm dứt sự lệ thuộc của Quốc Hội với chính phủ và đòi một văn kiện xác định vai trò giám sát của Quốc Hội. Bà Huỳnh Thị Nhân tố cáo tình trạng thiếu luật và luật không được áp dụng. Quốc Hội cũng đã đi đến quyết định cụ thể kể từ kỳ họp tới sẽ họp trong 45 ngày thay

Trong số này

1. <i>Vấn đề trong tháng</i>	Thông Luận
3. Hoa Kỳ: dân chủ tại đây...	Huỳnh Hùng
4. Cuộc cách mạng dân chủ tại Hoa Kỳ	Trần Bình Nam
5. Pháp trị thời xưa	Trần Thanh Hiệp
9. Đảng và phương pháp "cây kiềng"	Mai Chi
11. Về một nhà nước pháp trị	Lê Chí Viễn
12. Dân chủ nào cho tương lai?	Lê Minh Văn
15. Ổn định chính trị và diễn tiến...	Võ Xuân Minh
18. Tình trạng Đại học VN	Tôn Thất Long
22. Nửa Đời Còn Lại	Phạm Ngọc Lân
24. Tâm sự của một người	Phan Minh Hiến
27. <i>Thời sự - Tin tức</i>	
30. Giáng Sinh: tuyên ngôn hoà bình...	Nguyễn Văn Thế
31. <i>Độc giả viết</i>	
32. <i>Sổ tay:</i>	Phù Du

vì 10 ngày như từ trước tới nay. Phải chăng là giai đoạn của một Quốc Hội bù nhìn bắt đầu chấm dứt? Nếu quả như vậy thì cũng không phải là Việt Nam đã dần chủ hơn, mà chỉ có nghĩa là đảng cộng sản không còn kiểm soát được tình thế.

Quan trọng hơn hết, những phát biểu tại Quốc Hội đã bộc lộ một giai đoạn mới rất khó khăn cho chính quyền cộng sản. Chính sách đổi mới kinh tế mà không đổi mới chính trị đã đạt tới giới hạn của nó.

Bộ trưởng tài chính Hồ Tế giải thích sự mất quân bình ngân sách là vì trước đây khi lập ngân sách, chính phủ đã dựa trên một bối cảnh kinh tế xã hội thuận lợi nhưng thực tế đã không như vậy. Nói cách khác chính phủ nhìn nhận tình hình kinh tế đã xấu đi.

Ông Phan Văn Khải báo động Việt Nam đang đứng trước nguy cơ tụt hậu hơn nữa so với các nước trong vùng, rằng Việt Nam càng ngày càng mất sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư ngoại quốc; ông cũng phản ánh sự bức tức của các công ty ngoại quốc trước tệ tham nhũng, móc ngoặc.

Những con số được đưa ra trước Quốc Hội đủ để nói lên tình trạng khốn khổ của chính quyền.

Ngân sách bị thâm thủng nặng. Số dự thu tối đa là 46.700 tỷ đồng trong khi những đòi hỏi chi tiêu là 76.800 tỷ. Nếu nhìn kỹ, tình trạng còn bi đát hơn nữa: 70% của số gia tăng thu là do xuất nhập cảng, chỉ có 30% do hoạt động trong nước. Nói một cách khác, hoạt động kinh tế đã khựng lại. Ngân sách giáo dục xác nhận hệ thống giáo dục hoàn toàn sụp đổ: 90% ngân sách, được dùng để trả lương, 5% có thể bị cắt vì giảm chi, chỉ còn lại 5%. Phần 5% này không đủ cho những chi phí rất bình thường như điện, nước, văn phòng phẩm, di chuyển, thư tín, điện thoại, v.v... Cả bộ trưởng giáo dục lẫn các đại biểu đều không còn nhắc tới sự thiếu hụt hơn 10.000 giáo chức nữa. Tiền đâu mà trả lương cho họ?

Số tiền phải bỏ ra để trả nợ hàng năm đã vượt quá 1 tỷ USD, và 75% số tiền này phải lấy ở tiền vốn, tiền vay và viện trợ được dự trù cho đầu tư. Chính phủ tuyên bố không còn tiền cho đầu tư cơ bản nữa. Nhà nước cũng tuyên bố thặng thủng là không còn tiền để cho các xí nghiệp quốc doanh vay nữa.

Bức tranh kinh tế cực kỳ đen tối đó vẫn còn thiếu một con số đáng sợ khác: Ông Phan Văn Khải cho biết hiện nay số tiền lãi ngân hàng cao gấp từ 3 đến 5 lần tiền lời của cùng một khoản tiền nếu bỏ ra làm vốn kinh doanh, trong trường hợp có lời! Vậy ai còn dám đầu tư nữa? Sự kiện này có nghĩa là hoạt động kinh tế sẽ tắc nghẽn.

Những biện pháp cứu chữa do Quốc Hội và chính phủ đề ra lại càng tỏ cáo một sự bất lực tuyệt vọng: giảm 200 tỷ có nghĩa lý gì với một ngân sách sẽ phải thiếu hụt 30.000 tỷ? Và giảm chi cái gì trong khi mọi khoản chi đều cần thiết và thúc bách? Tăng thu 800 tỷ có thấm thía gì, nhưng tăng thu ở những mục nào? Quyết định ngưng tăng lương cho cán bộ công nhân viên trong những năm sắp tới, sẽ chỉ làm yếu thêm một bộ máy chính quyền vốn đã rã rượi, và sẽ còn làm mỏng thêm đội ngũ giáo chức vốn đã rất thiếu. Quốc Hội ra nghị quyết, với sự chấp nhận thụ động của chính phủ, là phải giới hạn mức lạm phát trong năm 1995 ở mức dưới 10%. Nếu có một nghị quyết hoàn toàn duy ý chí thì đúng là nghị quyết này. Làm sao lạm phát trong tương lai có thể ở dưới 10%? Hiện nay nó đã là 13%, và ngân sách càng ngày càng thâm thủng trong khi hoạt động kinh tế đình đốn. Hơn thế nữa, Quốc Hội cũng như chính phủ đều không lưu ý tới một sự kiện mới là việc lưu hành chi phiếu (chèque), bắt đầu từ năm nay và càng ngày càng phổ biến, sẽ làm gia tăng vận tốc lưu hành tiền tệ và do đó gây thêm áp lực lạm phát. Khi nói tới lạm phát thì phải kể đến cả khối lượng tiền tệ lưu hành lẫn vận tốc lưu hành của tiền tệ. Nếu kinh tế trong vài năm qua đã được coi là điểm son để bảo chữa cho những thất bại trên các mặt khác, thì trong thời gian tới, chính kinh tế cũng sẽ là một điểm yếu cho nhà nước cộng sản.

Các cuộc thảo luận tại Quốc Hội cũng xác nhận xã hội Việt Nam đang khủng hoảng nặng về mọi mặt. Bộ trưởng Lâm Nghiệp Nguyễn Quang Hải đã tránh né không giám trả lời trực tiếp câu chất vấn của một đại biểu nói rằng nếu đã này tiếp tục thì chỉ trong hai năm nữa Việt Nam sẽ không còn rừng. Đại biểu Tô Tử Thành (đơn vị Bình Định) tố giác rằng đồng tiền đã trở thành cán cân công lý; việc bắt người oan và trái phép, xử án bất công đã trở thành thông lệ, quan tòa xử xong đi nhậu với bị cáo. Ông Thành đã không được trả lời. Viện trưởng Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao xác nhận đa số thẩm phán thiếu khả năng xét xử. Chánh án Tòa Án Tối Cao Phạm Hưng gây xúc động khi ông nhìn nhận một sự kiện mà mấy năm nay chỉ có Thông Luận lên tiếng cảnh giác là "Mafia quốc tế đã có mặt tại Việt Nam". Mọi đại biểu nhìn nhận con người Việt Nam xuống cấp, các giá trị đạo đức bị băng hoại, buôn lậu và tham nhũng tiếp tục gia tăng.

Đất nước Việt Nam đang đứng trước một viễn ảnh cực kỳ đen tối. Phải làm gì để thoát hiểm? Ông Phan Văn Khải kêu gọi mọi đơn vị, mọi người phải hiểu rõ và ý thức trách nhiệm trước tình hình nguy ngập. Lời kêu gọi này đúng, nhưng làm sao có thể kêu gọi mọi người có ý thức trách nhiệm trong khi chính quyền và đảng cộng sản vẫn giữ độc quyền trên mọi mặt?

Đây ý nghĩa là lời tuyên bố với báo chí của ông Lê Đức Anh trong ngày bé mạc. Ông Lê Đức Anh báo động tình trạng mất chủ quyền và rất khàng khái nói rằng dù giàu có mà mất chủ quyền thì cũng chỉ là một nước mặt hàng. Ông nhận định một chính quyền mất lòng dân thì trước sau gì cũng sụp đổ. Quá đúng. Nhưng như thế thì tại sao không để lòng dân thể hiện qua bầu cử tự do?

Ông Lê Đức Anh kêu gọi mọi người "hãy quên quá khứ đi, để cùng nhìn về tương lai". Đồng ý, đồng ý hoàn toàn và tức khắc. Nhưng nếu đảng cộng sản muốn người khác quên quá khứ thì chính đảng cộng sản cũng phải quên quá khứ. Không thể kêu gọi người khác quên quá khứ trong khi chính mình lại không chịu quên quá khứ, luôn luôn nhân danh công lao "tranh đấu giành độc lập" để giữ độc quyền chính trị. Không thể kêu gọi quên quá khứ và đoàn kết dân tộc trong khi vẫn giam giữ các tù nhân chính trị. Nếu ông Lê Đức Anh thành thực với lời kêu gọi của ông thì chính ông và đảng cộng sản hãy bắt đầu đi, chắc chắn nhân dân sẽ hưởng ứng mạnh mẽ. Hay là đảng cộng sản muốn giữ độc quyền không quên quá khứ?

Đất nước ta đang đi vào một giai đoạn vô cùng nghiêm trọng và đang đứng trước những hiểm họa rất lớn, quá lớn để những người thực sự yêu nước có thể dành thời giờ và ưu tư cho những câu hạn, mọi vấn đề chỉ có thể giải quyết nếu chúng ta tái lập được đồng thuận dân tộc và ý thức trách nhiệm nơi mọi người. Chỉ có một chính sách thực sự dân chủ và bao dung, chỉ có một chính quyền thực sự được nhân dân tin nhiệm và kính trọng mới làm được điều đó. Chính quyền hiện nay không phải là chính quyền đó và vì thế đã bế tắc.

Đảng cộng sản đã được bốn năm ăn huệ nhờ chuyển hóa về kinh tế thị trường, họ đã dựa vào đó để thách thức một cách xác xược mọi khát vọng dân chủ hóa. Thời gian ăn huệ đã chấm dứt. Đã đến lúc phải có thay đổi chính trị. Tiến trình dân chủ hóa có thể sẽ đòi hỏi một thời gian, nhưng đó càng là lý do để bắt đầu ngay từ bây giờ. Nếu không thì tình trạng bất phục tùng thụ động sẽ vẫn tiếp tục, các khó khăn càng chồng chất, bất mãn càng lên cao, quyền lực của đảng và nhà nước cộng sản càng suy sụp, và cái gì chờ đợi đất nước trước mắt sẽ là khủng hoảng và bạo loạn. Lúc đó thay đổi sẽ đến, nhưng sẽ đến với rất nhiều đổ vỡ.

Thông Luận

Hoa Kỳ: dân chủ tại đây và ngay bây giờ

Ngày 8-11-1994 nhiều cuộc bầu cử đã được tổ chức tại Hoa Kỳ để bầu lại 435 dân biểu Hạ Viện, 1/3 dân biểu Thượng Viện, 36 trên 50 thống đốc tiểu bang và một số lớn viên chức trong các guồng máy tiểu bang.

Đây là một cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ (tổng thống).

Đảng Cộng Hòa, đối lập với đảng Dân Chủ của tổng thống Clinton đã đại thắng. Tại Thượng Viện chỉ cần thêm bảy ghế là chiếm đa số, họ đã được thêm chín ghế (từ 44 lên 53). Tại Hạ Viện, chỉ cần lấy của đảng Dân Chủ 40 ghế là có đa số, họ lấy 52 ghế (từ 178 lên 230). Họ đã đánh bại các thống đốc Dân Chủ tại 11 tiểu bang, trong đó có tám tiểu bang trong số chín tiểu bang lớn nhất, cho phép họ có nhiều hy vọng trong kỳ bầu cử tổng thống vào năm 1996.

Để biểu lộ sự bất tín nhiệm với tổng thống Dân Chủ Clinton, cử tri Hoa Kỳ đã hành sử quyền dân chủ tại đây (trong cuộc bầu cử có tính địa phương này) và ngay bây giờ (không đợi cuộc bầu cử tổng thống trong hai năm tới).

Trong khoảng thời gian hai năm ngồi ghế tổng thống, Clinton đã giảm lạm chi ngân sách từ 290 tỷ USD xuống 220 tỷ USD, đã ban hành nhiều đạo luật chống tội ác với phí tổn lên đến 33 tỷ USD. Lạm phát và thất nghiệp giảm sút. Với những thành quả trên, tại sao dân chúng bất tín nhiệm đến nỗi gây lên một trận động đất chính trị rộng lớn như vậy?

Lý do chính là Clinton đã chọn những hướng đi không đúng, dẫn đến những chính trị sai lầm. Một cuộc thăm dò ý kiến cho biết 50% cử tri không thích một số việc Clinton đã làm cũng như cách Clinton làm những việc đó. Họ chỉ trích Clinton về thái độ bất nhất khi lấy những quyết định, về khuynh hướng tự do quá tả phải như cho phép những người đồng tình luyến ái nhập ngũ, phá thai...

Nhưng thật ra, Clinton là nạn nhân của chính mình. Clinton đã thành khẩn khi tuyên bố tại Đông Phòng (East Room) của Tòa Bạch Ốc, ngay hôm sau ngày tuyên bố kết quả: "Tôi chia sẻ trách nhiệm trong thất bại này". Đó là trách nhiệm của một tổng thống đã không thực thi những điều cam kết. Khi ứng cử vào năm 1992, Clinton xuất hiện như một người dân chủ mới, ôn hòa, có quyết tâm cải cách. Nhưng sau khi đắc cử vì quá say men chiến thắng hoặc vì bị cố vấn sai lầm, ông đã có những chính sách quá cấp tiến hoặc đi ngược lại những cam kết khi tranh cử.

Một thí dụ thất hứa điển hình có liên quan đến cộng đồng người Mỹ gốc Việt. Vào năm 1992, chủ trương của ứng cử viên Clinton là Hoa Kỳ sẽ không a-dua với các chính phủ hoặc chế độ độc tài, trái lại Hoa Kỳ phải có tham vọng ủng hộ đường hướng chung của nhân loại là tự do, dân chủ. Ông

Phan Quang Đán đã vận động tranh cử cho Clinton trong giới cử tri Mỹ gốc Việt và đã được Clinton viết thư cảm ơn và cam kết giúp đỡ khi đã đắc cử. Nhưng sau đó, Clinton đã đi ngược lại những cam kết và ông Đán đã lên tiếng trong một lời kêu gọi. Sau đây là trích dẫn nguyên văn một đoạn liên hệ đến Clinton:

"...Lúc bấy giờ chúng ta ủng hộ ứng cử viên Clinton, vì những lời long trọng tuyên bố và hứa hẹn của ông tranh đấu cho nhân quyền, dân chủ, tự do và sẽ áp dụng thái độ cứng rắn đối với Trung Cộng và nhất là Việt Cộng. Nay ông đã thất tín và phản bội thì chúng ta không những có quyền mà còn có bổn phận chống đối ông ta.

[...] Ngày 2-7-1993 ông ta cho Việt Cộng được vay tiền của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế và các ngân hàng của Liên Hiệp Quốc. Ngày 3-2 năm nay, sau khi vận động được 62 nghị sĩ yêu cầu ông bỏ lệnh cấm vận, giúp ông được chỗ ẩn núp chính trị (political cover), ông ta liền hủy bỏ lệnh cấm vận và trên đường thiết lập bang giao với Việt Cộng.

Tôi viết thư ngay cho ông ta, chống đối việc thất tín và phản bội của ông ta đối với dân Việt Nam. Chúng ta cần tiếp tục chống đối để góp phần đánh bại ông ta.

Ông ta và người tay chân vẫn tiếp tục viết thư và điện thoại yêu cầu tôi tiếp tục ủng hộ" (hết trích dẫn).

Cuộc bầu cử vừa qua sẽ ảnh hưởng nhiều đến đời sống chính trị nội bộ của Hoa Kỳ. "Giao kèo với Hoa Kỳ" (Contract with America) đã được 300 nhân vật đảng Cộng Hòa ủng hộ sẽ được đòi áp dụng. Những điểm chính của giao kèo này là gia tăng ngân sách quốc phòng, giảm 200 tỷ USD thuế cho các nhà đầu tư và giai cấp trung lưu trong bốn năm. Nhưng đặc biệt lần này, chính sách ngoại giao Hoa Kỳ sẽ có nhiều thay đổi. Chủ tịch tương lai của Ủy Ban Ngoại Giao tại Thượng Viện, ông Jesse Helms, là một người cực kỳ bảo thủ. Trong một bức thư gởi cho ngoại trưởng Warren Christopher, ông đã đòi hỏi xét lại chính sách ngoại giao. Ông ít có thiện cảm với Liên Hiệp Quốc, không chấp nhận để quân lính Hoa Kỳ dưới quyền chỉ huy ngoại bang, chống việc gởi lính Mỹ qua Bosnia, Haiti, Golan Heights, đề ra một "chương trình hành động" cho Cuba hậu Castro, chấp nhận cho các nước Đông Âu, trừ Nga, được vào NATO, v.v...

Còn đối với Việt Nam? Thiết lập bang giao và cho hưởng điều khoản tối huệ quốc? Đặt điều kiện thực thi dân chủ, nhân quyền? Cái nào trước, cái nào sau? Jesse Helms và Bill Clinton có khác nhau trên vấn đề này không?

Huỳnh Hùng

Cuộc cách mạng dân chủ tại Hoa Kỳ

Trần Bình Nam

Kết quả cuộc bầu cử ngày 8-11-1994 vừa qua là một thông điệp quan trọng của dân chúng Mỹ.

Đảng Cộng Hòa thắng lớn. Không những thắng tại Thượng Viện như sự tiên đoán của các cuộc thăm dò dư luận trước ngày bầu cử, đảng Cộng Hòa đã thắng lớn tại Hạ Nghị Viện và chiếm hầu hết các chức thống đốc tiểu bang. Tại Thượng Viện từ 44 ghế trên 100 lên 53, tại Hạ Nghị Viện từ 178 ghế trên 435 lên 227 và từ 19 thống đốc lên 31 sau ngày bầu cử.

Có phải đó là hiệu báo đảng Cộng Hòa là đảng của tương lai như lời của thượng nghị sĩ Richard Shelby (tiểu bang Alabama) khi - chỉ một ngày sau ngày bầu cử - ông tuyên bố đổi đảng tịch từ Dân Chủ sang Cộng Hòa không?

Không ai chối cãi kết quả cuộc bầu cử ngày 8-11-1994 là một thông điệp bất tín nhiệm đảng Dân Chủ và là dấu hiệu báo trước sự chấm dứt nhiệm vụ tổng thống của ông Bill Clinton. Nhưng chưa có gì vững chắc để kết luận dân chúng Hoa Kỳ bày tỏ sự tin cậy hoàn toàn vào đảng Cộng Hòa qua cuộc bầu cử vừa qua.

Thay đổi quyền hành từ đảng này sang đảng khác có thể chỉ là một dấu hiệu bất mãn của quần chúng. Khi bất mãn họ không có sự lựa chọn nào khác là chuyển quyền sang đảng kia trong một hệ thống lưỡng đảng.

Tuy nhiên sự thất bại lớn lao của đảng Dân Chủ qua cuộc bầu cử cho thấy sự bất mãn của quần chúng đã đến mức báo động, báo hiệu trước những thay đổi lớn trong tương lai.

Dấu hiệu bất mãn của quần chúng xuất hiện hai năm trước đây khi George Bush thất cử. Tổng thống Bush lãnh đạo Hoa Kỳ qua một thời đại huy hoàng của Mỹ quốc, chứng kiến sự sụp đổ của đế quốc Liên Xô và hệ thống cộng sản tại Đông Âu, tiếp theo đó là chiến thắng vẻ vang của quân đội Hoa Kỳ đối với Iraq. Thế nhưng ông đã thất cử trước một đối thủ nhẹ cân của đảng Dân Chủ như Bill Clinton, thống đốc của tiểu bang chưa tới 3 triệu dân, trước đó một năm, ít người Mỹ nào sống ngoài tiểu bang Arkansas nghe đến tên.

Tại sao? Vì dân chúng Hoa Kỳ chán ngán trước tình trạng kinh tế suy sụp và các vấn đề xã hội như y tế, giáo dục, tội phạm ngày càng gia tăng trong khi tổng thống Cộng Hòa và quốc hội Dân Chủ cứ kèn cựa nhau, và tổng thống Bush không khai dụng nổi khối nhân lực tài ba của nước Mỹ để chỉ tới lui mọi sự đều nhờ vào một tay ông James Baker III, một người bạn và là một công sự viên vốn cùng không xuất sắc gì lắm.

Bầu Clinton vào Bạch Cung dân chúng muốn thấy hành pháp và lập pháp thống nhất trong tay một đảng để chính quyền rộng tay ưu tiên giải quyết các vấn đề quốc gia.

Thế nhưng từ 1992 đến 1994, chính quyền Dân Chủ hoàn toàn bất lực. Tổng thống mất uy tín vì vụ làm ăn luộm thuộm thời còn là thống đốc tiểu bang Arkansas đã làm dân chúng thất vọng. Bên cạnh đó là các thất bại liên tiếp về chính sách ngoại giao, nhất là đối với Á Châu vì thiếu kinh nghiệm. Một dự án có thể được sự hậu thuẫn của nhiều tầng lớp quần chúng, kể cả tầng lớp trung lưu như dự án cải tổ hệ thống bảo hiểm sức khỏe thì tổng thống Clinton đã quan niệm thành dự luật một cách thiếu cân đối, nặng nề cho chính phủ, trong khi quốc hội Dân Chủ chẳng những không giúp tổng thống mà lại có thái độ lưng chừng dưới áp lực của các khối thế lực nên cuối cùng phải dẹp sang một bên. Kết

quả là dù nắm cả hành pháp lẫn lập pháp, đảng Dân Chủ đã chẳng làm được gì trong hai năm qua. Đến đây sự bất mãn của quần chúng đối với cá nhân tổng thống Clinton và đảng Dân Chủ xem như là cùng cực.

Qua các thùng phiếu toàn quốc, dân chúng bày tỏ sự bất mãn đối với các ứng viên Dân Chủ. Ngay cả Thomas Foley, chủ tịch Hạ Nghị Viện, cũng không tránh được búa rìu. Thomas Foley thuộc vùng Spokane, đại diện tiểu bang Washington từ năm 1964, năm nay 65 tuổi, là một người có tài hùng biện, tính khí chừng mực, biết lo cho đơn vị nhà và còn khỏe mạnh. Nhờ Foley, căn cứ không quân Fairchild chưa bị đóng cửa, duy trì công ăn việc làm cho dân chúng Spokane. Nhưng ông đã thất cử dưới tay của ứng cử viên Cộng Hòa George Nethercutt, nguyên thượng nghị sĩ tiểu bang.

Dương kim chủ tịch Hạ Nghị Viện tái ứng cử và thất cử chỉ xảy ra một lần trong lịch sử Hoa Kỳ với chủ tịch William Pennington năm 1862. Lúc đó cuộc nội chiến Bắc-Nam đang diễn ra và quốc gia đang bị chia rẽ trầm trọng về vấn đề nô lệ.

Hiện nay tuy Hoa Kỳ đang là siêu cường duy nhất trên thế giới, sự thất cử của Thomas Foley là một báo hiệu không lành cho nước Mỹ. Đó là một dấu hiệu dân chúng mất tin tưởng vào định chế quốc gia.

Trong những hậu quả của cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ 1994, hậu quả dễ thấy nhất là sự chấm dứt sự nghiệp chính trị của tổng thống Clinton. Dù còn trẻ, còn nhiều tham vọng và còn hai năm trước mắt để chứng tỏ khả năng, những trở lực chính trị của Clinton quá lớn để ông có thể thoát qua cơn bão táp.

Và cuộc "cách mạng" của nước Mỹ bắt đầu với cuộc bầu cử này có thể sẽ được tiếp tục với một tổng thống Cộng Hòa và một quốc hội Cộng Hòa kể từ năm 1996 để chuẩn bị nước Mỹ đón chào thế kỷ 21 mới mẻ, đa cực với các trung tâm quyền lực Âu Châu, Nhật Bản, Trung Hoa, Liên Bang Nga và khối ASEAN.

Nhưng trước mắt đảng Cộng Hòa là bản "Giao kèo với quốc dân" (Contract with America) 10 điểm do đảng Cộng Hòa đơn phương cam kết cuối tháng 9-1994 trước khi về đơn vị chuẩn bị tranh cử gồm những điểm chính như:

1. tu chính hiến pháp, buộc chính phủ liên bang cân bằng ngân sách và cho phép tổng thống phủ quyết ngân sách từng mục;
2. cải tổ hệ thống trợ cấp xã hội, giới hạn trợ cấp xã hội trong hai năm cho mỗi người;
3. thông qua luật cấm đặt quân đội Hoa Kỳ dưới quyền của Liên Hiệp Quốc và tăng ngân sách quốc phòng;
4. giảm thuế trên tiền lời thu được do buôn bán chứng khoán và đầu tư;
5. không cắt giảm tiền trợ cấp An Sinh Xã Hội cho thợ thuyền về già nếu lợi tức hàng năm dưới 30.000 USD (hiện nay là 11.000 USD);
6. giới hạn số nhiệm kỳ của các đại diện dân cử liên bang.

Bản Giao kèo đã góp một phần không nhỏ giúp đảng Cộng Hòa thắng lớn trong cuộc bầu cử vừa qua nên thi hành giao kèo là điều ưu tiên của đảng Cộng Hòa. Dân biểu Newt Gingrich, chủ tịch tương lai của Hạ Nghị Viện và thượng nghị sĩ Bob Dole, người sẽ trở thành trưởng khối đa số tại Thượng Viện đều quả quyết như vậy.

(Xem tiếp trang 10)

Phần I: pháp trị thời xưa

Trần Thanh Hiệp

Cuộc thảo luận kéo dài hơn bảy tháng nay - qua hai diễn đàn (1) và trên nhiều báo (2) - về "pháp quyền, pháp trị", theo chiều hướng bác bỏ từ ngữ "pháp quyền" và thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" trên cơ sở những yếu tố cộng sản, đã đưa tới một đòi hỏi mới: phải đào sâu thêm vấn đề "pháp trị".

Bài viết này phản ánh một cách nhìn vấn đề pháp trị dưới ánh sáng luật học và chính trị học Phương Tây, với sự cố ý giảm bớt mức độ chuyên môn về mặt khái niệm cũng như về mặt thuật ngữ để việc tìm hiểu vấn đề này thêm phần dễ dàng và phổ cập.

Mặc dù vậy vẫn còn có một số từ ngữ không mấy quen thuộc hoặc tuy quen thuộc nhưng lại có những ngữ nghĩa mới lạ, không chờ đợi. Rất tiếc đó là điều không thể tránh được.

1. Tầm quan trọng đặc biệt và sự phức tạp của vấn đề pháp trị

Những ai đã theo dõi cuộc trao đổi ý kiến nhắc lại ở trên chắc đã nhận thấy rằng lấy luật pháp để chế-độ-hóa hầu khắp phục bạo lực trong sinh hoạt xã hội là sự phát huy cao độ của lý trí, tự do, phẩm giá con người, là một bước nhảy vọt cao cả của nhân loại trong quá trình đi từ dã man tiến lên văn minh. Và bước nhảy vọt ấy đã mang danh xưng pháp trị. Nhưng nói đến pháp trị trong khung cảnh nước Việt Nam hiện nay, là phải nói tới nhiều điều, nhiều việc đã xảy ra từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây và nói qua nhiều thứ tiếng.

Tiếng Việt, tư tưởng Việt không đủ để bao quát pháp trị nên pháp trị phải coi là một vấn đề hầy còn mới đối với người Việt, dù rằng từ ngữ Hán Việt "pháp trị" xuất hiện đã lâu đời trong ngôn ngữ Việt. "Danh" có từ lâu nhưng "thực" đã biến đổi qua các thời đại, đã xa lìa "danh" và điều cốt yếu là phải nắm bắt được ruột là "thực" thay vì chỉ trụ vào vỏ là "danh". Bởi vậy bàn về pháp trị là bàn về cái "thực" của từ ngữ này và như thế là làm một công việc rất phức tạp.

Nhưng biết là phức tạp mà vẫn phải làm vì sinh hoạt xã hội hiện nay ở Việt Nam vẫn còn ở dưới sự chi phối của bạo lực. Nói cách khác, người Việt Nam vẫn chưa nhảy được bước nhảy vọt để đạt tới cấp độ văn minh và nhu cầu bức thiết được đặt ra cho người Việt Nam là trên đất nước mình phải có pháp trị, "ở đây và ngay bây giờ". Pháp trị là đầu mối đồng thời còn là điều kiện cơ bản của tiến bộ cho dân tộc Việt Nam, cho mỗi người Việt Nam. Tầm quan trọng đặc biệt của pháp trị, như sẽ được duyệt xét dưới đây, dẫn tới sự lâm thức rằng đó là vấn đề hàng đầu của quốc gia, cần phải được ưu tiên giải quyết, dĩ nhiên giải quyết thật đúng đắn.

2. Tìm một số định nghĩa tạm để tạm định nghĩa pháp trị

Pháp trị là gì? Đó là câu hỏi tất nhiên phải nêu lên ngay khi bắt đầu việc tìm hiểu pháp trị. Nhưng là một câu hỏi không dễ

trả lời hay thường chỉ được trả lời một cách đơn giản, chung chung. Nếu tạm ví pháp trị như một tòa nhà nhiều phòng ốc, ngõ ngách thì câu hỏi trên có thể đổi thành một loạt câu hỏi: "nhà này là nhà của ai?", "ai là ai?" nghĩa là "người ấy là người thế nào, tài năng, tài sản, đức độ ra sao, địa vị xã hội như thế nào?" v.v... Có trả lời đầy đủ được chuỗi những câu hỏi đó thì mới mong hiểu rõ được căn nhà hữu quan thật sự là của "ai" và nó ra sao. Thí dụ này nhằm mục đích nhấn mạnh rằng có nhiều cách định nghĩa, trái với thành kiến thông thường là chỉ có một cách định nghĩa độc nhất mà thôi.

Đằng khác, khi định nghĩa pháp trị là phải định nghĩa từng "từ" một trong câu hỏi "pháp trị là gì?": "pháp là gì?", "trị là gì" và nhất là còn phải hỏi thêm "là là gì?", nghĩa là phải nói rõ khi khai triển tiếng "là", người định nghĩa chỉ muốn miêu tả đối tượng định nghĩa căn cứ vào bề ngoài hay là còn có tham vọng đi sâu vào nội dung nó hòng tìm đến bản thể của đối tượng ấy?

Bởi vậy, ngay từ lúc nhập cuộc, phải hết sức minh bạch về mặt định nghĩa để tránh tình trạng ông nói gà, bà nói vịt.

Vấn đề tiên quyết là vấn đề định nghĩa, bắt đầu bằng "định nghĩa việc định nghĩa" (définir la définition), một vấn đề khá rắc rối! Người ta có thể định nghĩa một cách triết học (philosophique) với tham vọng nắm bắt được hết các ngữ nghĩa của từ ngữ cùng lý giải những ý kiến tổng quát có liên hệ với nó, vạch ra được bản thể các vật (choses) mà nó chỉ định. Hay khiêm nhượng hơn, chỉ đứng về mặt thuần túy ngữ văn (philologique) duyệt xét hết các ngữ nghĩa ổn định đã được xã hội chấp nhận qua những thí dụ cụ thể, hoặc lấy trong tiếng nói hàng ngày, hoặc qua văn chương. Đó là cách định nghĩa của các từ điển. Ngoài ra, khe khắt hơn, là những định nghĩa thuật ngữ (terminologiques) có tính cách bắt buộc phải theo vì là cơ sở của những lý thuyết khoa học, toán học, luật học v.v... không thể hiểu theo nhiều cách, nhiều nghĩa. Tự trung, những cách định nghĩa khác nhau, định nghĩa tự nhiên (définition naturelle), định nghĩa qui ước (définition conventionnelle), định nghĩa siêu ngôn ngữ (définition métalinguistique), định nghĩa hàm sinh (définition dérivationnelle) v.v... như trên đã nói qua, đưa tới hai loại định nghĩa: a) định nghĩa miêu tả (définition descriptive), thí dụ "pháp trị là..." và b) định nghĩa quy chuẩn (définition normative), thí dụ "pháp trị phải..."

Cần nhấn mạnh rằng vì có nhiều cách định nghĩa và pháp trị không ngừng biến hóa để ngày càng hoàn mỹ hơn cho nên chỉ có thể thấu góp được một số định nghĩa tạm để tạm định nghĩa pháp trị.

Dưới độ góc khảo sát ấy, người ta có thể khởi đi bằng định nghĩa tự nhiên và tối thiểu "pháp trị là cai trị bằng luật pháp" rồi khai triển thêm thành "Nhà nước pháp trị là một Nhà nước

tự đặt mình dưới sự chi phối của luật pháp, tổ chức xã hội trong một khung pháp lý và bảo vệ nhân quyền" để đi tới một định nghĩa tương đối đầy đủ hơn "pháp trị là một tình trạng xã hội trong đó luật pháp được thượng tôn và có nhiệm vụ chống mọi hình thức chuyên chế để bảo vệ nhân quyền với sự bảo đảm rằng Nhà nước, dù ở địa vị chủ yếu hay ở địa vị thứ yếu, phải bị kiểm sát chặt chẽ trong việc thi hành luật pháp hầu tránh sự lạm quyền, phải thực thi tự do, bình đẳng cho mọi cá thể đồng thời điều tiết được cuộc sống chung cho tập thể".

Trên cơ sở những đặc tính chung gói ghém trong một giới thuyết "lập nghĩa" (définition stipulatoire) như vậy, có thể tìm hiểu pháp trị qua những nội dung thay đổi tùy thời đại, quốc gia.

Dưới đây xin bàn sơ về nền pháp trị thời xưa, nhân dịp này, làm hiện rõ sự khác biệt giữa nền pháp trị này và nền pháp trị thời nay rồi từ đó nhận xét về những thành kiến sai lầm trong cách dùng từ ngữ pháp trị để đi tới giải quyết dứt khoát việc lựa chọn giữa từ ngữ này và "pháp quyền".

3. Pháp trị thời xưa (3)

Theo nhiều tác giả Việt, Pháp, Hoa thì không có tín sử để người thời nay nghiên cứu về pháp trị thời xưa theo tiêu chuẩn khoa học. Những sách pháp trị được truyền tụng là do các "pháp gia" trước tác phần lớn chỉ là những sách giả, hoặc đã bị người đời sau thêm bớt! Ngay cả đến từ ngữ "pháp gia" cũng bị coi là khả nghi (không có một học phái duy nhất, một nền pháp lý học thống nhất). Tuy nhiên pháp trị thời tiền Tần (khoảng từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên) không phải là câu chuyện hoang đường, những người như Quản Trọng, Thận Bát Hại, Thận Đáo, Thương Ưởng, Hàn Phi, Lý Tư v.v... và một số ý kiến, chủ trương cai trị bằng luật pháp đã thực sự hiện hữu trên đất Trung Quốc vào thời đó. Ngày nay bàn về những dữ kiện này không phải vì óc hiếu kỳ khoa học mà là để đính chính một số sai lầm trong thuật ngữ luật học, để tìm hiểu thêm về truyền thống pháp lý của Việt Nam.

Thường thường người ta hiểu pháp trị một cách đơn giản là chủ trương của một học phái coi trọng hình pháp hơn nhân nghĩa trong việc trị quốc, học phái "pháp gia" mà Quản Trọng là người khởi xướng mà Hàn Phi là lý thuyết gia. Và bởi lẽ học phái này ra đời từ các thời Xuân Thu, Chiến Quốc nghĩa là đã quá cổ sơ, ngoài ra lại còn rất phong kiến nên không dùng từ ngữ "pháp trị", hãy tạm dùng từ ngữ "pháp quyền", trong khi chờ đợi tìm được một từ ngữ mới, hoàn chỉnh hơn.

Trước khi đánh giá đề nghị này, thiết tưởng nên nhìn lại - bằng khán pháp hiện đại - nội dung của cái được gọi là pháp trị thời xưa. Chỉ nói "cai trị bằng pháp luật" không thôi, chưa đủ. Phải nói rõ thêm là pháp luật ấy do ai làm ra, ai áp dụng, áp dụng như thế nào và áp dụng cho những ai, để cho ai cai trị, cai trị như thế nào? Phải trả lời cho hết những nghi vấn này mới có thể hiểu thấu nền pháp trị thời xưa. Và trả lời như thế thì sẽ thấy ngay rằng pháp trị thời xưa không phải chỉ là cai trị bằng "pháp" mà còn cả bằng "vua" (nhất là vua), "quan", "thế", "thuật" nữa.

A. Pháp là gì?

Trước hết hãy nói về "pháp" tức là những luật pháp thời đó được áp dụng để cai trị. Theo giáo sư Hồ Thích, tác giả quyển Trung Quốc triết học sử, chữ pháp có nhiều nghĩa mà hai nghĩa

cổ sơ là "khuôn mẫu" và "hình phạt". Hai nghĩa này tồn tại lâu dài khiến chữ pháp đương thời bao hàm ý nghĩa tiêu chuẩn khuôn mẫu và ý nghĩa hình luật, dùng vào việc cai trị dân, (trị chúng chi pháp), thống nhất hành động của dân để dân nhất tề tuân theo pháp độ, tạo ổn định trong cuộc sống chung (tề thiên hạ chi động, chí công đại định chi chế độ). Do đó, hình phạt đã được chép thành văn, khắc trên các thẻ tre hay vào các đỉnh đồng hay soạn thành sách - hình thư - rồi công bố cho dân chúng biết điều nào phải làm điều nào không nên làm và lưu trữ cho dân chúng khỏi quên.

Sự thật thì học phái nhân trị cũng chủ trương đặt ra hình phạt nhưng không lấy việc triệt để áp dụng hình phạt làm chính mà chỉ muốn dùng nhân đức để cảm hóa (vi chính dĩ đức) đồng thời dùng hình phạt để răn đe với hy vọng không trị mà trị (vô trị nhi trị) mà thôi. Học phái pháp trị công kích kịch liệt chủ trương đức trị. Thận Đáo, một "pháp gia" nói: "*Bậc vua chúa nếu bỏ luật pháp mà tự mình trị dân thì việc thưởng, phạt, cho, lấy sẽ theo tâm ý của vua mà định đoạt. Như vậy ắt có kẻ được thưởng tuy xứng đáng nhưng lòng mong muốn sẽ vô cùng; kẻ phải chịu hình phạt tuy đáng tội nhưng mong được giảm tội không biết đâu mà giới hạn... Luật pháp tuy chưa được hoàn bị nhưng vẫn còn hơn là không có luật pháp...*". Hàn Phi nói: "*Bỏ luật pháp để dùng tâm trị thì vua Nghiêu cũng không trị được một nước. Bỏ thước vuông, thước tròn để dùng ý đo bừa bãi thì Hề Trọng cũng không làm được một bánh xe... Nếu khiến một nhà lãnh đạo bậc trung giữ pháp thuật, hay là một người thợ vụng giữ thước quy, củ, xích, thốn thì vạn sự không sai hỏng...*" Hàn Phi còn nói: "*Lập ra cạm bẫy không phải để phòng bị loài chuột mà chỉ để cho kẻ hèn yếu có cách chế phục được hổ dữ... Lập ra luật pháp... để cho bậc vua chúa tầm thường có thể ngăn chặn được bọn đạo chính*".

Pháp là khuôn mẫu, là hình phạt ép buộc theo khuôn mẫu, nhưng khuôn mẫu nào? Trung Quốc vốn là một nước có truyền thống lâu đời về luật pháp, từ đời nhà Hạ (thế kỷ 21 trước Công nguyên) đã có luật hình, nhà tù. Nhà Thương sửa đổi luật nhà Hạ đặt ra luật hình của vua Thang với năm hình phạt: mặc (rạch mặt), tị (xẻo mũi), phi (chặt chân), cung (thiến), đại tích (tử hình). Tử hình có nhiều loại: chém đầu, chém ngang lưng, băm làm rước, làm mắm, đốt, khoét thịt, róc thịt, mổ lấy quả tim v.v... Nhà Chu đặt ra chín loại hình phạt, phân biệt làm lỗ với cố ý, ngẫu nhiên với nhất quán để định tội lượng hình, qui định thủ tục tố tụng. Đầu thời Chiến Quốc, Lý Khôi nước Ngụy "tập hợp các sách hình luật của các nước làm thành sáu thiên Pháp kinh đình tội danh Đạo, Tặc (trộm cướp), Vòng (lưới), Bỏ (bắt), Tạt (lừa đảo, cờ bạc, vay mượn, tham lam, xa xỉ v.v...) và Cự (gia giảm). Bộ Pháp kinh sau này làm nền tảng cho pháp chế nhà Tần do Thương Ưởng chế định. Các nước khác ngoài pháp chế cơ bản dựa trên nền tảng pháp kinh, còn ban hành nhiều luật lệ riêng như luật giữ, luật kho, luật chợ, luật về pháp quan, luật ruộng, luật về chuồng vườn, luật cho, luật phụ dịch v.v... Các pháp gia không có những đóng góp thật đặc biệt về hình phạt nhưng đã đưa ra nhiều sáng kiến về mặt áp dụng hình phạt. Họ không chủ trương dùng hình phạt mà dùng pháp để trị quốc. "Pháp" đối với họ là một thứ pháp luật tiêu chuẩn, có tính cách khách quan, dùng như một công cụ điều hành xã hội dưới sự chi phối của vương quyền, dùng để hạn chế những quá

lạm trong hình phạt tùy thích, dân chúng có tiêu chuẩn để theo mà hành động, vua chúa quan lại có tiêu chuẩn để theo mà thưởng phạt.

Hàn Phi nói: *"Bậc thánh nhân trị nước, không đợi cho mọi người làm điều thiện theo ý mình mà chỉ làm cách nào cho mọi người không làm được điều trái ngược. Đợi cho mọi người làm điều thiện theo ý mình thì trong phạm vi của mình không có đến số mười người. Dùng cách nào để cho người ta không thể làm điều phi phạm thì toàn quốc có thể như nhau. Kẻ trị nước thì dùng số đông mà bỏ số ít cho nên không chú ý vào đức mà chỉ chú ý vào luật pháp. Ôi! nếu phải đợi gỗ thẳng mới làm tên bắn thì trăm đời chưa hề có tên, nếu cứ đợi có gỗ tròn mới làm bánh xe thì trăm đời chưa có bánh xe vậy mà trong bao nhiêu thế hệ, người ta vẫn đi xe, vẫn bắn cung. Vì sao? Vì người ta vẫn thường áp dụng thuật biết nắm và uốn gỗ..."*

Công lớn của học phái pháp trị là đã chỉnh đốn việc cai trị bằng luật pháp nhờ có những quan niệm tiến bộ về luật pháp với những tính chất trước đó chưa có như: được chép thành văn, được công bố, được áp dụng nhất trí và cho tất cả mọi người (trừ vua!), không giống như thời trước (hình phạt không lên tới hàng đại phu...).

B. Vua, quan là gì ?

Lẽ ra, để hiểu thấu đáo chủ trương pháp trị thời Chiến Quốc, Xuân Thu, cần phải bàn về "vua" trước khi bàn đến "pháp" vì các pháp gia là những người tôn quân, để vua lên trên luật pháp. Vì vậy vua mới là cột trụ của nền pháp trị thời xưa chứ không phải luật pháp. Tuy nhiên quan niệm tôn quân của pháp gia khác với quan niệm tôn quân của Khổng giáo. Với pháp gia, vua không phải là thiên tử (con trời), không cần phải có đức độ cao nghĩa là một "nhân giả" mà Nghiêu, Thuấn là những kiểu mẫu. Vua là người bình thường nhưng có "thế" để cai trị dân, đủ sáng suốt, mưu mẹo nghĩa là có "thuật" để áp dụng luật pháp.

Quan điểm của Hàn Phi về vua, gọi là thuyết "Tam thế" tóm lược dưới đây, cho ta thấy rõ tại sao có vua: *"Trời đất dựng lên sinh ra dân... Trong lúc hỗn độn, theo tự nhiên dân chỉ biết thân với người thân (thân thân)... Thân với người thân thì sinh ra phân biệt, yêu riêng cái gì của mình thì tham độc. Dân đông quá mà ai cũng lo phân biệt và tham độc thì sinh loạn. Lúc đó người ta sinh ra lòng muốn thắng kẻ khác bằng sức mạnh (...) Muốn thắng thì phải tranh nhau, dùng sức để xâm lấn thì sinh ra kiện nhau. Kiện mà không có phép nào làm chính thì không yên được lòng mọi người. Cho nên bậc hiền giả (...) đặt phép vô tư mà dân vui với đạo nhân. Lúc đó bỏ 'thân với người thân' mà trọng người hiền... Nhưng rồi các bậc hiền giả tranh nhau thì hành thuyết của mình... và dân lại sinh loạn nên bậc thánh nhân phải phân định đất đai, tiền của, trai gái... phải đặt ra những điều cấm. Lập điều cấm rồi mà không có ai cai quản thì không được cho nên phải đặt ra quan. Quan đặt ra rồi mà không có ai làm chủ thì không được nên phải đặt ra vua. Đã đặt ra vua thì bỏ chính sách thượng hiền để quý những chức cao (nghĩa là bất tất phải là quý tộc, phải có đức, hề được vua cất nhắc lên chức cao thì dân phải kính trọng). Vậy đời ở trên hết là thân với người thân và yêu riêng, đời ở giữa là thượng hiền mà*

vui với đạo nhân, đời ở sau cùng là trọng chức cao quý mà tôn quân". Thuyết "Tam thế" này là tiền thân của nhân loại học (anthropologie).

Nhưng vua một mình không đủ sức cai trị toàn dân nên cần có một lớp người trung gian, những quan chức, do vua tuyển chọn, bổ nhiệm để thay vua trực tiếp cai trị dân. Trong một chế độ pháp trị thì vua cai trị "quan" và quan cai trị "dân" (Mình chủ trị lại bắt trị dân, *Hàn Phi*). Quan chế thời pháp trị không có gì đặc biệt khác quan chế thời cổ đại; dĩ nhiên đã có những thay đổi về tên gọi hay về chức vụ (Tam công, Tam cô, Lục khanh, Khanh si liêu, Thái sử liêu, chấp chính, tư đồ, tư mã, tư khấu, tư không v.v...). Nói chung tước vị của các quan viên chia làm ba cấp: khanh, đại phu, sĩ và ba đẳng: thượng, trung, hạ.

Nhưng điểm đặc biệt của pháp trị là thái độ của quan chức đối với vua. Theo Hàn Phi, quan phải "trung" với vua nhưng không "trung" theo quan niệm của nhân trị. Trung nghĩa là phải tuyệt đối tuân lệnh vua, chẳng những không được can ngăn mà còn không được gián tiếp phê bình vua *"không được khen Nghiêu, Thuấn là hiền, khen Thang, Vũ là đã giết bạo chúa, không được nói đức của liệt sĩ là cao, cứ tận lực giữ phép, chuyên tâm thờ chúa, như vậy mới là trung thần"*.

Chính các pháp gia đã mở đường và củng cố cho nền quân chủ chuyên chế - chứ không phải Khổng Tử - mà thời Tần Thủy Hoàng là cao điểm.

C. Thế là gì ?

Các pháp gia không định nghĩa thật rõ ràng (bằng định nghĩa miêu tả chẳng hạn) "thế" là gì. Quản Trọng chỉ nói: *"Vua sở dĩ là vua là do cái thế"* (*Quân chi sở dĩ vi quân giả, thế dã*). Cái "thế" đó không bắt buộc phải do vua mà có. Kẻ nào được lập ra để làm vua là có "thế", đáng được tôn, không cần biết tới tài đức. Nếu vua không có tài đức thì quần thần có tài đức để giúp vua. Như Quản Trọng đã giúp Tề Hoàn Công dựng nên nghiệp bá cho Tề Hoàn Công.

Thận Đào đưa ra một thí dụ để giải nghĩa chữ "thế": rồng cưỡi mây mà bay là nhờ có mây. Không có mây thì rồng không thiêng. Vua cũng vậy, sở dĩ đáng tôn là nhờ thế, nhờ địa vị, không cần nhờ tài đức. Hiền, tài đức, như vua Nghiêu mà chỉ là kẻ thường dân thì cũng chẳng trị được ai cả; ác như Kiệt nhưng nhờ làm vua mà khuấy động được thiên hạ. Cho nên cứ tôn một người lên làm vua rồi dùng luật pháp để bắt ép mọi người phải trung với vua là nước sẽ yên.

Hàn Phi tuy cho rằng làm vua ít ra cũng phải có tài đức, chỉ ở mức trung bình thôi, nhưng nếu chẳng may gặp ông vua thiếu tài đức "thì cũng cứ phải tôn trọng". Có tài đức như Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ chỉ tỏ làm trái nghĩa vua tôi, làm loạn hậu thế. *"Nghiêu làm vua mà lại thờ bề tôi mình làm vua (vì đã nhường ngôi cho bề tôi là Thuấn); Thuấn là bề tôi mà lại coi vua của mình như bề tôi của mình; Thang, Vũ là bề tôi mà giết vua, chém thầy vua mà thiên hạ khen, vì vậy nên thiên hạ đến nay vẫn còn loạn"*.

Nhà Nho tôn quân là tôn cái đức (đức trị) của vua, Pháp gia tôn quân là tôn cái địa vị, cái thế của vua, tôn "chức năng" của người làm vua. Giống như Machiavel, Hàn Phi công kích đạo đức, gạt bỏ chính trị ra ngoài đạo đức. Ông cho rằng khi có sự

xung đột giữa nhà và nước thì bỏ nhà mà theo nước, chứ không như nhà Nho, bỏ nước theo nhà.

Dưới ánh sáng của luật học, chính trị học bây giờ thì "thế" là sự "chính thống" (légitimité) làm cơ sở cho vua hành sử vương quyền, ban hành, dùng bạo lực áp dụng luật pháp. Sự chính thống này còn có thể hiểu như đã có sự đồng thuận của quan chức, dân chúng về sự cầm quyền của vua.

D. Thuật là gì?

Chữ thuật cũng khó định nghĩa như chữ "thế" vì pháp gia không đưa ra một định nghĩa rành rọt nào. Chỉ thấy nói rằng "thuật là để cho bày tôi, tuy có trí năng nhưng cũng không dám làm trái phép mà tự ý chuyên quyền, khiến cho bề tôi luôn luôn sợ vua mà không giám che giấu vua, không dám nuôi ý phản loạn.

Dường như Thân Bất Hại là pháp gia đầu tiên nêu lên vấn đề thuật nhưng người đã hệ thống hóa vấn đề này là Hàn Phi. Giữa vua và bề tôi, theo Hàn Phi, tuyệt nhiên không có tín nghĩa, nhân ái gì cả, "Trên dưới một ngày chiến đấu với nhau đến cả trăm lần". Bề tôi nào cũng thêm, cũng dòm ngó địa vị của vua, vua nào cũng sợ bề tôi cướp ngôi! Do đó, làm vua phải biết xét lòng gian của bề tôi, hề thấy bề tôi nào muốn gây thanh thế riêng thì phải triệt ngay. Vua phải đề phòng năm điều: bề tôi phản vua, bề tôi chế ngự hết tài lợi, bề tôi tự ý ra lệnh, bề tôi giao kết với nhau, bề tôi gây vây cánh. Vua đừng yêu riêng ai cả, phải xa bọn nịnh thần, "đừng tin một ai cả mà mất nước". Không chuyên tin ai thì phải tham khảo ý kiến nhiều người. Dò xét ý bề tôi nhưng không để cho bề tôi dò xét lại ý vua. Phải kín đáo để cho bề tôi luôn luôn hoang mang không biết vua nghĩ gì, muốn gì, phải bỏ lòng thích, lòng ghét để bề tôi không biết được lòng vua... Người thời nay cho rằng Hàn Phi là một Machiavel của Trung Quốc.

Hàn Phi đưa ra một thí dụ về "thuật": "Xưa Hàn Chiêu Hầu say rượu rồi ngủ. Viên quan coi về mũ (điển quan) thấy vậy sợ vua lạnh, lấy áo đắp cho vua. Khi vua tỉnh dậy, thấy có áo đắp, rất hài lòng, hỏi tả hữu ai là người đã đắp áo cho mình và biết là viên điển quan. Vua bèn phạt tội viên điển y (quan coi về áo) đã không làm tròn nhiệm vụ, không biết lấy áo đắp cho vua rồi ra lệnh giết viên quan coi về mũ vì đã vược chức (chỉ coi về mũ, không có nhiệm vụ gì về áo). Hàn Chiêu Hầu không phải là không sợ lạnh nhưng không muốn cho bề tôi vượt chức, có hại hơn là bị lạnh".

Theo Hàn Phi thì thuật là để nắm vững quan lại, không phải để trị dân, là cơ trí ngầm của vua, không cho quan và dân biết.

Nhưng Thương Ưởng lại dùng cả "thuật" đối với dân để dân tin vào hiệu lực của luật pháp.

Nói tóm lại, bàn về pháp trị thời xưa là bàn về toàn bộ của một chế độ trong đó luật pháp chỉ là một công cụ của vua để thi hành quân chủ chuyên chế đối với quan lại cũng như đối với dân chúng, theo công thức Pháp trị = Vua + Quan + Pháp + Thế + Thuật. So với nhân trị, pháp trị vừa có những điểm tiến bộ lại vừa có những điểm bảo thủ.

Tiến bộ về mặt pháp lý học: làm cho luật pháp có tính cách khách quan và khuôn mẫu cho tất cả mọi người (trừ vua). Đó là nhờ dựa được vào cái đà tư tưởng do hai nhân vật lỗi lạc đương thời là Thận Đáo và Tuân Tử, nhất là Tuân Tử (Tuân

Khanh). Ông là học trò của Khổng Tử nhưng đã xét lại nhiều điểm tư tưởng của thầy mình. Mặt khác ông còn tiếp thu có phê phán tư tưởng của các bậc chư tử để phân định trời, người lấy người làm gốc, không cúi đầu theo thiên mệnh. Ông cũng khai triển thuyết chính danh của Khổng Tử hay còn quá sơ lược để mở rộng luận lý học, tâm học. Khác hẳn với Mạnh Tử, ông chủ trương tính người vốn ác chứ không vốn thiện. Tuy người vốn có tính ác, nhưng sự thật là "khả thiện, khả ác" nên phải dùng lễ, nhạc, pháp để giúp con người biết "tích thiện" và xã hội được an trị. Ông báo hiệu xu hướng con người tự xác lập quyền hành đối với trời, thần, thánh, tránh cho con người cái mà thuật ngữ bây giờ gọi là vong thân. Ông đã sớm tiếp cận được với tư tưởng khoa học tuy ông bài xích tư tưởng khoa học riêng về mặt không thực dụng. Học trò xuất sắc của Tuân Tử là Hàn Phi, ngôi sao sáng của pháp gia. Một học trò khác nữa là Lý Tư, người kỳ sư và thi công của triều đại Tần Thủy Hoàng. Có thể nói rằng Tuân Tử, chứ không phải Quản Trọng, là sư tổ của pháp trị mà không sợ bị chỉ trích là sai lầm.

Nhưng về mặt tự do của con người, pháp trị là một chế độ bảo thủ lạc hậu, đã đưa nền quân chủ chuyên chế lên tới tột đỉnh của nó với sự toàn thắng của bạo lực và thủ đoạn phi luân lý: "Luật pháp do vua ban ra" và "án do vua xử". Trật tự xã hội của chế độ pháp trị thời xưa không phải là một trật tự pháp lý xây dựng trên cơ sở luật pháp thuần túy mà là trật tự của riêng vua do "thế, thuật, pháp", một trật tự mà chính dân Trung Quốc đã từ bỏ khi cuộc cách mạng Tân Hợi bùng nổ từ đầu thế kỷ này. Nó tôn quân, trọng hình mà khinh con người. Bộ mặt thật của pháp trị là vương quyền của Tần Thủy Hoàng, một người rất hâm mộ tài của Hàn Phi và lại được một bạn đồng học của Hàn Phi là Lý Tư phụng sự đắc lực. Đốt sách, chôn nho là hai việc mà người thời nay còn nhớ khi nói tới pháp trị.

Tất nhiên là từ ngữ pháp trị nếu chỉ mang một nội dung như vương quyền Tần Thủy Hoàng thì ngày nay nó không đáng còn có chỗ đứng trong thuật ngữ luật học. Và với một chế độ có nhiều đặc tính giống như chế độ Tần Thủy Hoàng thì đổi pháp trị thành pháp quyền để đưa luật pháp phục vụ không điều kiện chế độ ấy lên địa vị quyền độc tôn là một việc làm thách đố hỗn xược mấy ngàn năm tiến bộ của loài người.

May thay, Phương Tây, sau mấy thế kỷ từ bỏ quân chủ chuyên chế, đã sáng chế ra một nền pháp trị khác hẳn nền pháp trị của những "pháp gia" Trung Quốc. Phần II của bài viết này sẽ bàn tới nền pháp trị ấy.

Trần Thanh Hiệp

(1) Buổi hội thảo do Ủy Ban Dân Chủ tổ chức ngày 10-04-94 tại Paris; buổi nói chuyện do Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu tổ chức ngày 30-10-94 tại Sceaux.

(2) Đọc các bài viết của Trần Thanh Hiệp, Vũ Quốc Thúc, Bửu Sao, Lê Mộng Nguyên, Lê Đình Thông đăng trên các báo Thông Luận, Tiếng Gọi Dân Tộc, Tin Tức, Ngày Nay, Thế Kỳ 21, Sóng, Giao Điểm v.v...

(3) Xuất xứ những đoạn trích dẫn: "Hồ Thích, Trung Quốc Triết Học Sử, bản dịch của Huỳnh Minh Đức"; "Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, Đại cương Triết Học Trung Quốc"; "Đàm Gia Kiệt, Lịch sử Văn Hóa Trung Quốc, bản dịch của Trương Chính, Nguyễn Thạch Giang, Phan Văn Các"

Đảng Cộng Sản Việt Nam và phương pháp "cây kiềng"

Mai Chi

Tôi tình cờ gặp lại một người bạn trong quán cà phê quận 13 của Paris. Thêm một tháng nữa là đúng hai năm chúng tôi không gặp nhau. Anh bạn tôi là chủ tịch một hội phi chính trị ở Paris, hợp tác nhiều với ủy ban nhân dân một tỉnh miền Trung. Hai năm trước anh có gửi cho tôi một lá thư tham khảo ý kiến. Lý do là anh ta được mời về tham dự Hội nghị Việt kiều do Ủy ban Trung ương Việt kiều, trực thuộc Phủ thủ tướng ở Hà nội tổ chức. Với lòng thành thật anh hỏi tôi có điều gì cần nêu lên ở hội nghị không.

Anh bạn tôi là người đáng kính. Trước kia anh ta là một hội viên của Hội Việt kiều Yêu nước. Chỉ vì có lần anh ta dám chất vấn một bộ trưởng ngoại giao giữa buổi gặp gỡ với trí thức tại toà đại sứ Việt Nam nên bị xem là phạm thượng. Từ đó về sau, các nhà lãnh đạo của Hội Việt kiều Yêu nước bao vây, cô lập anh ta. Nổi xung anh ta lập một hội phi chính trị, chỉ yêu một vùng miền Trung của đất nước mà không dính dáng đến cái hội thầu yêu Đảng kia nữa.

Từ khi Hội Việt kiều Yêu nước bị vỡ tung, Ủy ban Việt kiều trung ương đành phải vợ anh ta vào vòng yêu nước. Với sự thành tâm anh ta đã vô tình quảng cáo cho hội nghị Việt kiều để rồi khi về đến đại hội, chính chủ tịch Ủy ban Việt kiều trung ương, hiện nay là Ủy ban người Việt nước ngoài mà nhân viên đều là công an, đã gặp và chỉ thị cho anh ta phải nói những điều "tích cực". Cuối cùng vì không tin vào chỉ thị của mình, chủ tịch Ủy ban người Việt nước ngoài đã không cho anh ta phát biểu gì hết trước đại hội. Cái tích cực của anh ta là đã tin và quảng cáo cho hội nghị Việt kiều. Ông chủ tịch Ủy ban người Việt nước ngoài chẳng cần biết ắt giáp gì hết cứ xem như anh bạn tôi là đáng tặng huân chương hoàn thành nghĩa vụ.

Cùng thời điểm, một giáo sư nổi tiếng khác ở Paris, đã từng về nước "hợp tác" từ hơn chục năm nay cũng được mời về tham dự hội nghị. Giáo sư này đã gửi thư cho chủ tịch Ủy ban người Việt nước ngoài nói rằng: "những gì các anh muốn nghe thì tôi đã nói với các anh từ hơn mười năm nay". Câu rất ngoại giao để huých toẹt rằng: "nói với các anh như nước đổ đầu vịt" và từ chối khéo. Cây kiềng hệt.

Thế mới biết lý tưởng cộng sản ngày nay đã sụp, nhưng phương pháp "cây kiềng" của Đảng cộng sản vẫn chưa suy sụp mà còn phát triển mạnh. Đối với Đảng cộng sản không có xã hội dân sự ngoài vòng kiểm soát của Đảng. Tổ chức quần chúng phải do Mặt Trận Tổ Quốc, công cụ của Đảng, kiểm soát. Tôn giáo thì có giáo hội quốc doanh, công nhân thì có công đoàn quốc doanh. Và mới tháng gần đây, họ đang để ra Việt Vô Đạo quốc doanh để kiểm soát môn phái võ thuật đang bành trướng này. Phương pháp "cây kiềng" phải cần nhiều người làm kiềng. Những trí thức, nhân sĩ có thể bị vô hiệu hóa, hoặc đã bị vô hiệu hóa đều được dùng để lấy tiếng, chữ bình dân gọi là làm "cò mồi".

Một anh bạn thân tình khác nữa của tôi là người rất khảng

khái, đã từng dám viết và dám nói ý kiến mình về vấn đề dân chủ. Anh lại là thành viên ban trị sự của một hội tin học nọ. Nhân hội được mời về dự Đại hội tin học ở Sài gòn, anh đã đồng ý tham gia đoàn tin học của hội này về dự hội nghị, đơn thuần kỹ thuật. Thủ tướng Võ Văn Kiệt cũng đã từng hết lời kêu gọi chuyên viên kỹ thuật, không kể chính kiến, tham gia xây dựng đất nước. Ấy vậy mà anh bạn thân tình của tôi bị "đại hội công an" từ chối ngang xuong. Hội tin học được báo chí Đảng ca ngợi rất hậu, chỉ tuyên bố là hội không làm chính trị nhưng không cấm cản hội viên mình làm chính trị. Hội không tổ một hối tiếc nào về việc đã xảy ra cho hội viên ban trị sự của mình. Té ra thủ tướng Võ Văn Kiệt thuộc bài hát "trông Cây lại nhớ đến Người" nên xét chính kiến anh bạn tôi rất kỹ càng, không kỹ thuật gì ráo trọi. Cây kiềng như anh bạn thân tình của tôi thật đáng nghi. Khó vô hiệu hóa được. Không chắc chắn.

Cuộc tranh luận giữa hai luật gia Trần Thanh Hiệp và Vũ Quốc Thúc về danh từ nhà nước pháp quyền, luật gia Vũ đã một phần vin vào một lời đoán quyết của bà luật sư Nguyễn Phước Đại, cố vấn pháp luật cho tổng bí thư Đỗ Mười (sic), và phần khác vào sự biến chuyển tự nhiên của chế độ độc tài vô sản để biện hộ cho danh từ nhà nước pháp quyền. Bà Đại trước kia đã phục vụ cho một nhà độc tài "pháp quyền nhân vị", nay phục vụ cho một đảng độc tài để thay chữ "nhà nước độc tài vô sản" bằng chữ "nhà nước pháp quyền" là quyền của bà. Giữa thực chất nhà nước độc tài và danh từ đổi mới "nhà nước pháp quyền" là Đảng cộng sản, nó ở trên tất cả danh từ. Bà cố vấn Nguyễn cũng đáng được huy chương hoàn thành nhiệm vụ vì bà đang ru ngủ để người ta quên "nhà nước Đảng quyền". Ít ra cũng có luật gia họ Vũ.

Đối với Đảng cộng sản, đấu tranh giai cấp là vĩnh cửu. Đã đấu tranh giai cấp thì không có chuyện các giai cấp đều cần nhau. Giai cấp vô sản phải thắng. Người không thuộc giai cấp vô sản thì được quyền làm kiềng, làm mồi, làm bình phong theo từng giai đoạn của lịch sử. Cũng có nhiều trí thức, nhân sĩ thành tâm muốn phục vụ ngay ở vị trí cây kiềng, với hy vọng xã hội sẽ tốt đẹp hơn. Cạnh đó cũng không thiếu người sẵn sàng nhận làm đóm và xem đó là một vinh dự cho bản thân. Khó phân biệt vàng thau!

Tôi có quen biết một giáo sư tên tuổi ở miền Nam. Sau 75, giáo sư làm tổng thư ký Mặt Trận Tổ Quốc. Giáo sư là đảng viên từ lâu năm nhưng chỉ chính thức hóa trong lý lịch từ sau 80. Có lần giáo sư đã thành thật nói với tôi về thực chất của trí thức trong Đảng: Trí thức chỉ làm vì cho chủ nghĩa xã hội, nhưng vì yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội nên giáo sư chấp nhận điều đó. Đến cuối đời, giáo sư đã góp ý kịch liệt nội bộ với tổng bí thư Lê Duẩn, người cùng chi bộ với ông. Kịch liệt đến độ giáo sư bị dứt mạch máu nhưng muốn nằm nhà vì ngại bị tổng bí thư "dứt điểm" trong nhà thương. Giáo sư đã mất trong điều kiện như vậy. Mộ của giáo sư rất to, trong khu dành riêng cho lãnh đạo ngoại ở Sài gòn, cạnh đó là một cửa một giáo sư nổi tiếng khác suốt đời phục vụ Đảng và cuối cùng tự tử chết.

Một trí thức đảng viên rất có tiếng vì kiên trì xin đảng bỏ thí dân chủ cho mọi người, xin cho thêm một đảng thay vì chỉ độc đảng, mà tôi có dịp gặp gỡ từ ngày đầu của khẩu hiệu đổi mới, khi anh ghé qua Paris. Nhân một câu hỏi tại sao những chuyên viên trực tiếp làm việc với lãnh đạo như các anh lại không có những báo cáo chân thật, giúp lãnh đạo có những quyết định sát với thực tế, đã trả lời trước một số anh em có mặt hôm ấy rằng anh ta lúc nào cũng làm hai báo cáo. Một báo cáo chân thật theo tình hình thực tế, một báo cáo theo ý thích của các cụ. Các cụ muốn chọn cái nào cũng được! Anh ấy là Phan Đình Diệu. Theo báo Thông Luận vừa qua, anh đang được Đảng cộng sản cho một chỗ trong đoàn chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc, chỗ rất kêu để nói với mọi người rằng Đảng vẫn chấp nhận những người nói tiếng nói khác Đảng. Trớ trêu thay, cũng trong báo Thông Luận cùng số, anh Hà Sĩ Phu ở Lâm Đồng báo động là trong khi họp Mặt Trận Tổ Quốc, thì công an Lâm Đồng đã hành hạ những người đã đọc những gì anh Phan Đình Diệu viết, hoặc có tư tưởng cũng không xa anh Phan Đình Diệu lắm. Đảng cộng sản sẽ đổi theo anh? Hay anh sẽ đi theo con đường về vườn của luật sư Nguyễn Hữu Thọ, cựu chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc, hoặc giả con đường của vị giáo sư, cựu tổng thư ký Mặt Trận Tổ Quốc nói trên? Hạ hòi phân giải. Trước mắt báo chí Đảng được dịp quảng cáo rầm rộ cho cái "Hội nghị Diên Hồng" đã bầu anh Phan Đình Diệu vào đoàn chủ tịch. May thay, những kết quả gặt hái được với những phương pháp cây kiềng đã không giúp cho chủ nghĩa xã hội tiến lên mà còn ngược lại.

Trở lại trường hợp của anh bạn tôi về dự hội nghị việt kiều năm trước và ông giáo sư đã từ chối khéo. Có lẽ cả hai đều tìm cách đối thoại với chính quyền. Chỉ khác nhau ở chỗ khi đối thoại bị Đảng cộng sản lợi dụng để trồng cây kiềng thì ông giáo sư đã biết dừng lại, còn anh bạn tôi vẫn về. Tại sao? Có lẽ vì giáo sư đã biết định một thời gian để phán xét giữa đối thoại và làm kiềng, dù thời gian mười năm có hơi dài!

Mai Chi

Cuộc cách mạng dân chủ... (tiếp theo trang 4)

... Nhưng đó không phải là điều đơn giản. Tu chính Hiến pháp là một thủ tục nói dễ làm khó và đòi hỏi thời gian. Mỗi viện quốc hội phải đủ 2/3 số phiếu và sau đó phải có 3/4 quốc hội các tiểu bang phê chuẩn. Đó là chưa nói đến làm thế nào để cân bằng ngân sách khi trong bản Giao kèo có những khoản tăng chi như ngân sách quốc phòng và các khoản giảm thu như không giảm trợ cấp An Sinh Xã Hội và giảm thuế đánh vào tiền lời chứng khoán và đầu tư.

Chưa ai quên năm 1978 cương lĩnh tranh cử giữa kỳ của đảng Cộng Hòa cùng "cân bằng ngân sách và giảm thuế" đã giúp đưa Ronald Reagan vào tòa Bạch Ốc năm 1980, nhưng sau hai nhiệm kỳ tổng thống của Reagan là một ngân sách thâm thủng khổng lồ.

Cải tổ hệ thống trợ cấp xã hội là một cam kết khác khó thực hiện. Nếu thực hiện theo quan niệm của đảng Cộng Hòa sẽ không tránh được những xáo trộn trong xã hội.

Thắng lớn, đảng Cộng Hòa cảm thấy có nhiệm vụ chuyển nước Mỹ về phía hữu về cả hai mặt đối nội và đối ngoại, nhưng cuộc bầu cử ngày 8-11-1994 chưa hẳn là một quyết định của cử tri muốn đưa quốc gia này ngả về phía hữu. Sự thất bại của hai ứng cử viên cực hữu Oliver North tại Virginia và Michael Huffington tại California cho thấy phe hữu chưa toàn thắng.

Đảng Cộng Hòa đã đoàn kết chống chính quyền Dân Chủ của tổng thống Clinton một cách có hiệu quả và sau đúng 40 năm trở lại nắm cả hai viện quốc hội, nhưng trong những năm sắp tới sự tranh giành ảnh hưởng nội bộ có thể làm đảng Cộng Hòa rạn nứt. Newt Gingrich và Bob Dole đại diện đảng Cộng Hòa tại hai viện quốc hội là hai con người khác hẳn nhau. Gingrich trẻ, lý tưởng, nhiệt huyết, tham vọng, nhưng thiếu kinh nghiệm, sẽ vướng mắc vào vào sự phiến toái của quyền lực như ông tổng thống trẻ tuổi Clinton. Quyết tâm của Gingrich kéo nước Mỹ về phía hữu có thể sẽ mang đến cho ông nhiều chuyện nhức đầu. Trong thâm tâm Gingrich hoàn toàn chống đường lối của Clinton mà ông xem là cực tả. Cầm đầu Hạ Nghị Viện trong thời gian tới, Gingrich không tìm kiếm gì hơn là sự đầu hàng vô điều kiện của tổng thống Clinton.

Trong khi đó Dole tuy già dặn, trầm tĩnh và kinh nghiệm nhưng chưa có gì chứng tỏ ông đủ cương quyết khi phải lấy quyết định. Bob Dole đã đóng vai đối lập hữu hiệu và khéo léo, nhưng ông còn phải chứng tỏ khả năng trong vai trò chủ tịch khối đa số Thượng Viện. Dole sẽ có thái độ hợp tác hơn với Tòa Bạch Ốc, nhưng hợp tác đến mức độ nào mà không tạo đổ vỡ giữa ông ta và Newt Gingrich là cả một vấn đề. Hai cá tính khác hẳn nhau, và không ai cấm Newt Gingrich có tham vọng tổng thống và điều này sẽ làm cho chương trình làm việc của hai người khó gặp nhau.

Trước các nhu cầu mâu thuẫn nhau, bộ ba Dole-Gingrich-Clinton sẽ không thể làm được gì để giải quyết các vấn nạn quốc gia như dân chúng mong chờ và cuộc cách mạng định chế sẽ được tiếp tục với những thay đổi lớn vào năm 1996 và sau đó là năm 2000. Hệ thống chính trị lưỡng đảng của nước Mỹ sẽ được đặt thành vấn đề.

Hệ thống lưỡng đảng đã được thử thách trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1992 với sự xuất hiện của Ross Perot. Dù không định ý, chiến dịch chỉ trích định chế lưỡng đảng của Ross Perot trong cuộc tranh cử tổng thống năm 1992 đã làm cho Bush thất cử. Và những chỉ trích liên tục của ông trong hai năm qua đối với Clinton đã đóng góp vào thắng lợi ngày 8-11 của đảng Cộng Hòa. Hiện nay Ross Perot đang chờ xem đảng Cộng Hòa hành động như thế nào trước khi quyết định thành lập một đảng chính trị.

Nhìn vào tương lai, con đường trước mắt của đảng Cộng Hòa tuy mở rộng nhưng không phải thành thang. Sẽ không có những phương thuốc đơn giản cho những rắc rối của xã hội Hoa Kỳ. Và cuộc cách mạng dân chủ của Hoa Kỳ phải được tiếp tục.

Lịch sử Hoa Kỳ sẽ ghi nhận Bill Clinton như sinh ra dưới một ngôi sao sáng nhưng không trùng thời. Ông sinh ra ngay giữa một cơn bão táp khi quốc gia này chuẩn bị đi vào một kỷ nguyên mới trong một bầu trời nhìn lên thì quang đàng nhưng mây đen vần vũ tứ phương.

Trần Bình Nam

VỀ MỘT NHÀ NƯỚC PHÁP TRỊ

Lê Chí Viễn

LTS: Lê Chí Viễn là bút hiệu của một trí thức rất có uy tín. Hiện ông là tổng thư ký Câu Lạc Bộ Dân Chủ, một tổ chức đối lập trong nước. Vì lý do đó hiển nhiên ông không thể dùng tên thật.

Việt Nam đã chấp nhận hội nhập vào cộng đồng thế giới, đang tranh thủ bang giao với Mỹ, đang sắp xếp lại tổ chức quản lý đất nước theo hệ thống mệnh danh là nhà nước pháp quyền. Việc đảng cộng sản dùng cụm từ "nhà nước pháp quyền", thay vì cụm từ "nhà nước pháp trị" từ trước vẫn được các luật gia miền Nam theo trường phái của Phương Tây dùng, phải chăng là một cố ý không nhìn nhận khái niệm nhà nước tôn trọng pháp luật và nhân quyền? Tốt hơn hết ta không nên buộc tội bằng suy luận mà nên bàn thẳng vào nội dung để xác nhận những điều kiện phải có cho một nhà nước pháp trị, hay pháp quyền.

Thế giới ngày nay là thế giới mọi người sống và làm việc trong khuôn khổ luật pháp, luật pháp hiểu theo nghĩa một bản kế ước xã hội, mọi người cùng thỏa thuận với nhau những điều cấm kỵ, những điều phải tôn trọng, những điều được tự do. Mỗi quốc gia đều có một bản luật mẹ gọi là hiến pháp. Có khi hiến pháp bất thành văn, nhưng mọi người đều tôn trọng hiến pháp và bảo vệ hiến pháp. Mỗi quốc gia có một cơ quan bảo vệ hiến pháp khác nhau, nhưng sự vi hiến thì ở bất cứ quốc gia nào cũng đều bị lên án.

Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam hiện có bản hiến pháp năm 1992, một bản hiến pháp ngoài điều 4 đáng phàn nàn (dành cho đảng cộng sản Việt Nam độc quyền chính trị), còn các điều khác tuy chưa tiến bộ lắm nhưng tương đối cũng tạm được. Nhưng tiếc thay, tất cả những điều trong hiến pháp về các quyền công dân, quyền con người, thì lại bị ngay luật pháp của nước CHXHCN Việt Nam xâm phạm một cách thô bạo. Các luật xuất bản, luật báo chí đã xâm phạm trắng trợn các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tư tưởng mà bản hiến pháp năm 1992 long trọng thừa nhận. Ngoài luật ra thì những nghị định của Bộ Nội Vụ nước CHXHCN Việt Nam cũng xâm phạm quyền tự do đi lại, tự do cư trú, khi qui định công dân phải có hộ khẩu, khai tạm trú tạm vắng.

Tất cả những sự vi hiến đó ở nước CHXHCN Việt Nam lại chính do các bộ luật khác được cơ quan quyền lực cao nhất là Quốc Hội chấp nhận, thế mới rắc rối. Quốc Hội ở nước CHXHCN Việt Nam hoàn toàn do đảng cộng sản lãnh đạo, do đó những vi phạm hiến pháp của đảng cộng sản cũng là của Quốc Hội. Đảng cộng sản Việt Nam theo đuổi đường lối dân chủ tập trung, có cơ quan lập pháp, có hành pháp, có tư pháp, nhưng ba cơ quan này lại được tập trung dưới sự lãnh đạo của đảng. Trên nguyên tắc ba cơ quan này độc lập với nhau nhưng tất cả được qui về một mối: Đảng. Đảng lãnh đạo tất cả.

Việt Nam muốn hội nhập vào cộng đồng thế giới thì không thể nào để nguyên cái thể chế chính trị dân chủ tập trung, để nguyên tình trạng đảng cộng sản Việt Nam độc quyền chính trị. Một quốc gia Âu Châu không có bao nhiêu quyền lợi tại Việt Nam là vương quốc Hà Lan cũng đã phải gởi ngoại trưởng tới Việt Nam khuyến cáo nên sớm tiến tới đa nguyên về chính trị.

Tại sao cộng đồng thế giới lại khuyến cáo Việt Nam phải tiến tới một chế độ đa nguyên, chấp nhận đối lập? Bởi vì thế giới ngày nay là thế giới của mọi khuynh hướng, mọi màu sắc chính trị, chấp nhận cùng tồn tại, cùng phát triển.

Loài người đã bắt đầu một giai đoạn mới, giai đoạn thay đổi đầu bằng đối thoại. Tất cả mọi chuyện đều có thể giải quyết bằng đối thoại thay vì chiến tranh. Nhân loại đang bước vào một thời kỳ phát triển mới thì dân tộc Việt Nam cũng không còn con đường nào khác hơn là phải hòa hợp với nhau, tất cả mọi khuynh hướng chính trị dị đồng cùng sống chung dưới mái nhà dân tộc, dưới một chế độ chính trị không một đảng phái nào, một đoàn thể nào được hưởng đặc quyền, đặc lợi. Tất cả phải sinh hoạt bình đẳng trong vòng trật tự của luật pháp. Ai được dân tin, ai được dân bỏ phiếu cho làm nhiệm vụ quản trị đất nước thì người đó nắm chính quyền. Chính quyền là do dân bầu ra, làm việc vì dân.

Người quản trị đất nước được nhân dân giám sát bằng Quốc Hội và bằng báo chí. Quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận là quyền thứ tư sau ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Bất cứ một người dân bình thường nào, nếu có khả năng, đều có quyền ra báo viết, báo nói, báo truyền hình. Báo chí đóng vai trò giám sát, thông tin, phê bình nhà cầm quyền. Báo chí tuy đóng vai trò lớn lao như vậy nhưng cũng phải tồn tại và phát triển trong vòng luật pháp, đặc biệt là phải xác thực và tôn trọng triệt để đời tư của mỗi người.

Xu thế của thời đại ngày nay là xu thế tự do, xu thế con người phải được toàn quyền quyết định số phận của mình theo ý của mình. Chỉ có tự do con người mới phát triển được. Bất cứ vấn đề gì cũng vậy, phải được đem ra thảo luận công khai và báo chí phải được tự do bày tỏ những ý kiến khác nhau, vấn đề mới sáng tỏ được. Một xã hội tự do là một xã hội thượng tôn luật pháp. Nhưng thứ luật pháp phải do chính xã hội đó làm ra, luật đó vì con người trong xã hội đó, luật đó vì cộng đồng nhưng không quên cá nhân. Căn bản của luật phải phù hợp với các văn kiện về nhân quyền đã được Liên Hiệp Quốc công bố.

Mỗi thời đại đều có thứ luật pháp của thời đại, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia cũng đều có luật pháp của dân tộc, của quốc gia, nhưng luật ra đời hôm nay không thể mâu thuẫn với những giá trị đã được cả loài người hôm nay chấp nhận. Có như thế mới là luật và mới có thể nói đến nhà nước pháp trị hay nhà nước pháp quyền.

Vì vậy, một nhà nước pháp trị đích thực của dân tộc Việt Nam không thể khác với quan niệm nhà nước pháp trị trên thế giới nếu người Việt Nam muốn được coi là những con người bình đẳng với những con người của thế giới hôm nay. Người Việt Nam trong thời đại ngày nay không thể là thứ người mơ hồ, thứ người bị đảng này hay đảng kia khống chế, định hướng phải thế này thế kia. Người Việt hôm nay là người Việt tự do, có toàn quyền tự quyết định vận mạng của mình, cùng nhau xây dựng một chế độ chính trị cho người Việt Nam thừa kế những di sản chính trị của tiền nhân trên tinh thần mọi người có quyền tham gia việc nước. Nhưng nếu kế thừa di sản của dân tộc là việc nên làm thì hội nhập với thời đại lại là điều bắt buộc. Thời đại hôm nay không còn là thời đại cho phép bất cứ tầng lớp nào được độc quyền chính trị, không thể viện dẫn bất cứ một "đặc thù dân tộc" nào để bào chữa cho chế độ độc tài đảng trị.

Cái thời con vua tiếp tục làm vua, con quan được tập ấm tiếp tục làm quan đã chấm dứt. Tại sao vẫn còn cái cảnh một đảng cầm

quyền đòi cầm quyền mãi mãi?

Mọi người đều có cơ hội đồng đều với nhau khi tham gia việc nước, không một đảng nào được độc quyền chính trị, tự cho phép mình lãnh đạo mãi đất nước. Quốc Hội phải là diễn đàn của toàn dân, mọi đảng phái sinh hoạt theo luật đảng phái, không một đảng nào được lấy phương tiện của chính quyền làm phương tiện của đảng. Mọi đảng phái trong nước phải tồn tại bằng tiền nguyệt liễm do đảng viên đóng, phải sinh hoạt theo luật đảng phái do Quốc Hội ban hành. Không đảng nào được phép hưởng các đặc quyền, đặc lợi dù là đảng cầm quyền. Đảng nào kinh tài phi pháp phải bị truy tố ra tòa. Cấm tất cả các đảng không được hoạt động trong quân đội, trong bộ máy hành chính. Quân đội, công chức, cảnh sát là những người lãnh lương của dân phải làm việc cho dân, vì dân, chứ không được làm cho đảng, vì đảng. Bất cứ quân nhân, cảnh sát, công chức nào làm việc cho đảng, đem việc đảng vào việc nước sẽ bị sa thải và nếu nghiêm trọng có thể bị truy tố, và đưa ra tòa xét xử.

Công chức, quân đội, cảnh sát phải tách khỏi đảng phái, và phải làm việc nước một cách nghiêm chỉnh. Tự nhiên chúng ta sẽ loại được cảnh hối mại quyền thế. Công chức, quân nhân nào làm bậy đã có báo chí, dư luận giám sát, thêm vào đó lại có Quốc Hội theo dõi, và khi vi phạm luật pháp bị đưa ra tòa xử. Tòa án hoàn toàn độc lập với các ngành lập pháp, hành pháp, nên xử rất vô tư và công bằng. Kẻ có tội sẽ bị xử tội, các bị cáo có quyền nhờ luật sư biện hộ và bản án chỉ có hiệu lực thi hành khi đã được xử đúng với các thủ tục tố tụng và đã qua hết các cấp tòa án. Người dân chỉ bị coi là có tội khi nào bị tuyên một bản án chung thẩm. Chúng ta không thể nào chấp nhận một bản án sơ thẩm trở thành chung thẩm xử bởi một tòa án đặc biệt. Một nước dân chủ không thể có tòa án đặc biệt, tòa án đặc biệt là phi pháp.

Hiện nay đang có luận cứ cho rằng phát triển là nhu cầu thúc bách hơn dân chủ. Luận cứ này dựa trên thực tại nào và kinh nghiệm nào? Chúng ta biết rõ nước ta là một quốc gia nghèo nàn, lạc hậu và kém phát triển, do đó chúng ta phải phát triển để thoát khỏi cảnh nghèo nàn, lạc hậu. Chúng ta cũng biết con đường phát triển là con đường gay go. Nhưng thực tế là các nước có dân chủ đều phát triển trong khi nhiều quốc gia khác không phát triển được chỉ vì đã bị một tập đoàn độc tài thống trị.

Chúng ta có thể khẳng định với nhau rằng độc tài về chính trị không thể nào đem lại phát triển tốt đẹp. Chính độc tài về chính trị đã tạo ra tham nhũng về kinh tế. Không thể nào chấp nhận được sự kiện quan chức nhà nước muốn trao đất đai cho bất cứ tập đoàn kinh tế nước ngoài nào thì cho để lấy tiền hoa hồng đút túi riêng. Tham nhũng và độc tài đi song song với nhau. Tham nhũng là con đẻ của đặc quyền, đặc lợi, mà đặc quyền, đặc lợi do độc quyền chính trị sinh ra.

Mọi người sinh ra đều bình đẳng, tại sao lại có ông đảng viên, ông cấp ủy được mặc nhiên làm lãnh đạo, được hưởng đặc quyền, đặc lợi, sống trên luật pháp do các ông đặt ra?

Tự do và phát triển là hai vế cần và đủ của phương trình phát triển. Một nhà nước pháp trị - hay pháp quyền - đúng nghĩa phải là nhà nước tôn trọng luật pháp, với điều kiện đó là luật pháp đích thực, nghĩa là luật pháp dựa trên những qui phạm nhân quyền và dân quyền đã được cộng đồng thế giới chấp nhận. Tất cả những giải thích trái ngược đều chỉ là ngụy biện và bịp bợm.

Lê Chí Viễn

Tham luận

Dân chủ nào cho tương lai chuyển tiếp ?

Lê Minh Văn

Trong giả định chính quyền cộng sản Việt Nam, trong tương lai không xa, sẽ cởi mở chấp nhận nguyên tắc đa nguyên đa đảng và bầu cử ứng cử dân chủ, vấn đề quan trọng là thực trạng đất nước sẽ diễn tiến theo chiều hướng nào về chính trị, kinh tế xã hội? Ta hãy thử tìm một hướng chuẩn bị, điều chỉnh:

A- Tình hình chuyển tiếp sang dân chủ của Việt Nam xuyên qua kinh nghiệm Đông Âu và Nam Mỹ

1. Vào thời kỳ đầu chuyển tiếp dân chủ, đà tăng trưởng kinh tế sẽ hụt lại trong nhất thời vì nỗ lực quốc gia nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách còn tồn đọng được phơi bày dưới ánh sáng công luận. Chuyển tiếp chính trị sẽ làm nảy sinh muôn vàn vấn đề của tương quan xã hội mới: tư doanh hóa những công hữu xã hội, tư hữu hóa ruộng đất, bồi thường trao trả những tài sản tư nhân bị trưng thu hoặc chiếm dụng. Trong lãnh vực văn hóa tư nhân cũng chiếm hữu dần những hệ thống truyền thông, xuất bản. Về y tế giáo dục, hệ thống trường tư, các bệnh xá, bệnh viện tư sẽ nở rộ trong khung cảnh bất lực, không chiếm lĩnh nổi địa bàn của nước cũ. Những tranh tụng pháp đình cũng không thiếu do tình trạng bất công của hệ thống luật pháp cũ gây ra...

2. Mảnh đất hoang này sẽ làm mời cho những bùng nổ xã hội nếu không chuẩn bị sẵn một hướng tiếp thu giai đoạn chuyển tiếp. Kinh nghiệm Trung và Đông Âu do bước chuyển đột ngột 180 độ đã phơi bày rõ nét những tiêu cực. Việt Nam có may mắn hơn đã làm quen với các cơ chế thị trường, xã hội dân sự đã hình thành dưới hình thức này hay hình thức khác và có cơ hội tiếp xúc với những xã hội dân sự tiến bộ khác để chuyển hóa trong đà trưởng thành. Những chuẩn bị trong mọi mặt cho việc gia nhập Hiệp Hội Kinh Tế Đông Nam Á đầu sao cũng tác động không ít trên hướng phát triển những nguyên tắc tối thiểu của thị trường. Hệ thống pháp quyền phải có những đáp ứng đòi hỏi của xã hội dân sự ngày càng phát triển song hành với sự phát triển thị trường và những quan hệ (mậu dịch) quốc tế.

3. Vào thời điểm này những đảng phái chính trị sẽ trăm hoa đua nở cùng các nhóm quyền lợi, áp lực, rõ nét nhất là các công đoàn. Đảng cộng sản Việt Nam có thể biến thành một đảng Xã Hội hoặc Xã Hội Dân Chủ, sẽ cố gắng sắp hàng vào hệ thống Xã Hội thế giới. Để duy trì quyền lực đang tan rã trong âm mưu hồi phục, một hệ thống đảng phái vệ tinh làm những diễn đàn cơ hội cho cố gắng này sẽ được thiết lập. Chúng sẽ được cấy vào các khu vực riêng biệt để lấy tin, làm loa hướng dẫn dư luận và tranh giành cử tri. Nhưng nguy hiểm nhất vẫn là khuynh hướng tăng cường quyền lực quân sự trong bộ máy lãnh đạo tối cao của đảng cộng sản hiện nay vì vấn đề an ninh nội chính nhất thời và cùng để nhắm một thực lực chính trị mạnh ngoài chính trường có khả năng

khuyh đảo của một nhóm áp lực nằm ngoài các diễn đàn chính trị của thời kỳ chuyển tiếp dân chủ.

4. Về phía các lực lượng đối lập, bên cạnh các đảng phái và tổ chức chính trị của miền Nam cũ, các phong trào dân chủ mới và rất nhiều tổ chức phụ thuộc đại diện cho các khuynh hướng chính trị của người Việt hải ngoại sẽ bước vào vũ đài chính trị tranh giành cử tri. Ở vận hội mới, các tôn giáo sẽ cho ra đời các lực lượng chính trị của mình. Các tổ chức công đoàn vì quyền lợi nghề nghiệp hoặc phục vụ các thế lực chính trị cũng sẽ nở rộ. Không khi chính trị trăm hoa đua nở sẽ tạo phần khởi nhất thời, nhưng sẽ chìm lảng rất nhanh đặt ra những suy tư dân chủ gay gắt. Đảng cộng sản biến hình và hệ thống vệ tinh của nó sẽ thất cử vì những lầm lẫn chính trị quá khứ. Nhưng tham vọng phục hồi sẽ thôi thúc họ sử dụng những thủ đoạn chính trị bất chính làm vấn đục bầu không khí chính trị. Họ sẽ lợi dụng sự bất ổn tạm thời do thiếu kinh nghiệm chính trị của tầng lớp chính trị mới để khai thác nỗi bất bình của quần chúng ngay những thất bại đầu tiên về kinh tế xã hội của đối thủ.

5. Bản thân của liên minh cầm quyền sẽ bị suy thoái nhanh do sự bất đồng chính kiến trong việc xác định lý lịch chính trị riêng lẻ của mình, hoặc vì quyền lợi nảy sinh khuynh hướng chia rẽ, làm ngăn trở mục tiêu kết hợp ban đầu trong chiều hướng tạo một liên minh mạnh đi đến mục tiêu ổn định, và tăng cường cấu trúc chính trị dân chủ. Trong bối cảnh đó, hệ thống quyền lực cũ có thể sẽ hồi phục và chinh phục cử tri như đã xảy ra ở Lithuania do sự bất lực của những người tự do hoặc Hung Gia Lợi và Ba Lan khi họ liên minh với các nhóm cánh tả khác.

Thực trạng này có thể lặp lại ở Việt Nam trong tương lai nếu các lực lượng chính trị dân chủ không chuẩn bị cho mình một tư thế hành động thích hợp và một phương thức kết hợp hiệu quả trong bối cảnh dân chủ phôi thai trong đó các yếu tố sau đây sẽ tác động:

1. Các mệnh lệnh kinh tế đóng vai trò quan trọng lẫn át các nhu cầu của lãnh vực chính trị. Một khi các nhà lãnh đạo đương quyền tạm rút lui vào bóng tối, các trung tâm quyền lực kinh tế (rõ nét là những nhà tư bản đồ hiện thời) sẽ chụp lấy cơ hội làm bình phong chính trị bảo vệ quyền lợi riêng của họ kiểu các đảng "chương trình kinh tế" đại diện cho mẫu xí nghiệp tư doanh mới, đảng "những người tiêu thụ bia" ở Ba Lan; hoặc "đảng các doanh nhân Balotas" hay "đảng các chủ điền" ở Hung Gia Lợi... Các đảng phái manh mún này sẽ mọc lên không thiếu bên lề xã hội hậu cộng sản, và chỉ nhằm phục vụ quyền lợi của các phe nhóm kinh tế.

2. Tinh thần tham gia chính trị của quần chúng rất hạn chế, hời hợt. Sau những năm tháng dài bị tước lột quyền chính trị, con người hậu cộng sản hoàn toàn chưa được chuẩn bị để làm công dân. Trong bối cảnh những biến chuyển tận gốc rễ của xã hội hậu cộng sản, khuynh hướng kinh tế chụp giựt làm giàu hoặc tranh chỗ đứng, kiếm việc làm trong các xí nghiệp mới vẫn mạnh hơn. Tâm lý bất ổn định sẽ đẩy họ làm "khách hàng" cho những loại đảng phái vừa kể.

Trước các cuộc bầu cử, quần chúng hầu như chỉ biết cá nhân các nhân vật lãnh đạo đảng phái hơn là bản thân đảng phái đó và chương trình hành động của nó. Cử tri thậm chí muốn bỏ phiếu cho ông X, ông Y chỉ vì họ đã nghe nói đến các ông này mà chẳng cần biết và cũng không thể biết họ thuộc khuynh hướng đảng phái

nào. Tình trạng rõ ràng nhất là ở Ba Lan hơn 200 đảng đã dự tranh phiếu bầu trong đó chỉ có khoảng 20 đảng có đại diện đắc cử vào quốc hội và chỉ 7 đảng chiếm hơn 5 ghế.

3. Tư cách công dân yếu kém của cử tri kéo theo sự lệch hướng của các nhân tố chính trị. Các đảng phái có khuynh hướng tô điểm các cá nhân đại diện đảng ra tranh cử nhằm thu được tối đa phiếu bầu hơn là chương trình tranh cử thực tiễn. Từ đó nảy sinh những cách vận động mị dân kiểu Lech Walesa hứa hẹn tặng cho cử tri Ba Lan 100 triệu zlotys trong cuộc tranh cử năm 90. Dĩ nhiên sau cuộc bầu cử, lời hứa hẹn bị bỏ quên. Nhưng trở trêu thay, liên minh của ông lại sử dụng xảo thuật này một lần nữa với số tiền hứa hẹn gấp ba trong lần tranh cử 93!

Trình độ chung chung về kiến thức kinh tế tài chánh của các nhà lãnh đạo khiến những thông điệp chính trị của họ gửi cho quần chúng cử tri thường mơ hồ. Đến giai đoạn nắm chính quyền càng khó hơn, cứ chấp vá lung tung. Sự yếu kém lãnh đạo trong khung cảnh thị trường nảy sinh nhu cầu tìm kiếm lãnh tụ "ưu thắng" dẫn đến nguy cơ biến hình nền dân chủ thành kỹ thuật như đã thấy ở vài quốc gia Nam Mỹ chuyển biến từ độc tài sang dân chủ.

Các đảng phái trong thực tế trở thành những bộ máy tranh cử và lấy phiếu làm nảy sinh những cuộc tranh giành gay gắt trong hệ thống đảng phái và cả những xung đột trong lòng liên minh hoặc một đảng vì những quyền lợi riêng. Tư cách và khả năng lãnh đạo đặt ra những vấn đề nghiêm trọng cho sự thoái trào các cơ chế dân chủ. Người dân thất vọng nào nê với tầng lớp chính trị mới có khuynh hướng ủng hộ các nhóm áp lực và các phong trào xã hội mới ngoài khung khổ đảng phái dân chủ.

4. Đảng phái chia rẽ, công đoàn trong giai đoạn phôi thai làm lệch hướng cấu trúc chính trị hậu cộng sản. Sự tập hợp lúc đầu với chương trình cải cách kinh tế xã hội tốt đẹp dưới sự thôi thúc "chống cộng" đã tan rã khi đã có quyền lực và đối tượng biến đi. Các đảng phái thường có khuynh hướng tranh giành quyền lực bằng cách ngoi lên cố xác định lý lịch của mình. Lãnh tụ đảng đa số trong liên minh cầm quyền cũng thế, dẫn đến nguy cơ độc tài đảng phái, hoặc tệ hơn là trở lại tình trạng độc tài cá nhân như ở Nam Mỹ. Hành pháp xâu xé quyền lực. Quốc hội cũng tê liệt vì một khi đắc cử, các dân biểu vẫn có khuynh hướng nghe lệnh đảng của mình để củng cố uy tín cá nhân hơn là đại diện cho nguyện vọng quần chúng cử tri của họ. Sự thất bại dân chủ do đó là sự thất bại của cơ cấu chính trị bao gồm đảng phái và hệ thống áp lực. Nó bất lực trong việc làm giảm thiểu các khuynh hướng lệch lạc cá nhân ưu thắng của quyền lực, hoặc nhiều chính phủ trong chính phủ. Từ đó bất lực trong việc giải quyết bình đẳng xã hội là biểu hiện của dân chủ.

B- Những phương hướng cải tiến, điều chỉnh Việt Nam trong tương lai

Nếu một chính sách kinh tế thường lệ thuộc chặt chẽ vào sự liên tục và ổn định chính trị thì nhu cầu dân chủ và những điều kiện cụ thể của nền dân chủ lại có những khoảng cách. Các lực lượng chính trị mới ở các nước Trung và Đông Âu đã bất lực trong việc lấp dần các khoảng cách ấy. Du nhập thị trường trong điều kiện các quá trình diễn tiến chính trị không song hành đã tạo tình trạng chao đảo chưa chấm dứt hẳn ở các nước Trung và Đông Âu 5 năm qua.

Việt Nam may mắn hơn đã trải qua thời kỳ chuyển tiếp từ 7 năm nay. Bản chất sự chuyển tiếp ở Trung-Đông Âu và sự du nhập thị trường ở Việt Nam không giống nhau do hai cơ chế

chính trị khác hẳn nhau. Các định hướng do đó tuy có khác nhau ở bề mặt nhưng một sự chuyển tiếp sang hẳn thị trường đòi hỏi những cơ chế làm nền cho nó không khác nhau mấy là các định chế pháp lý. Kinh tế tài chính, hành chính cùng các định chế đặc biệt cho hiệp hội các nhóm áp lực...

1. Những chuẩn bị đang tiệm tiến xác định thị trường và hướng hoàn thiện một hệ thống pháp quyền ở Việt Nam cho phép ta nghĩ đến một chuyển tiếp dân chủ hóa như một hệ quả tất yếu. Sự chuyển đổi các cơ chế chính trị ở Việt Nam trong tương lai sẽ không kéo theo một sự xáo trộn gay gắt như các nước cộng sản Đông và Trung Âu đặc biệt ở vấn đề tư hữu hóa tài sản quốc gia vì công tác giải thể các xí nghiệp quốc doanh ở Việt Nam đã được thực hiện một phần quan trọng. Ở lãnh vực nông nghiệp quyền tư hữu ruộng đất chưa có, nhưng sự tiến hành các biện pháp cho người canh tác thuê mướn đất đai trong dài hạn nhất thời chưa đặt ra các vấn đề xáo trộn.

2. Vấn đề cấp thiết nhất ở Việt Nam trong tương lai gần là công tác cải tổ toàn bộ cơ chế điều hành của guồng máy hành chính thứ lại kiểu xã hội chủ nghĩa đã lỗi thời như trung tâm khởi phát dân chủ. Tầng lớp công bộc quốc gia trong thực tế là những chiến sĩ mù hiệu quả nhất thi hành và bảo vệ Dân Chủ. Họ đứng trung gian thi hành công chính cho người dân từ việc thi hành những pháp lệnh của hệ thống pháp quyền. Người công chức ở thể chế dân chủ là sứ giả truyền đạt những mệnh lệnh dân chủ hùng hồn và thực tế nhất. Do đó sự cải tổ dự liệu phải được thực hiện trong chiều hướng dứt khoát triệt để nhất hầu chặt đứt tất cả những mạng lưới kèm hãm dân chủ hóa, kéo bè kết đảng, nhưng lạm bất chính đang làm ung thối những tương quan xã hội. Sự gián đoạn hành chính trong nhất thời phải có ở một mức độ nào đó, nhưng ngược lại những nhân tố tích cực nhất cho hướng dân chủ hóa sẽ xuất hiện.

3. Về phương diện chính trị, vào thời điểm khởi đầu chuyển tiếp, những xáo trộn phải có do sự bộc phát các khuynh hướng chính trị mạnh mẽ. Nhưng vì nhu cầu tranh cử với đảng cộng sản biến hình và có thể do cơ chế gạn lọc những tổ chức chính trị vi tiểu hiến định như ở Tiệp Khắc hay Hung Gia Lợi sẽ đẩy các đảng phái vào thể liên minh. Sự hình thành một hệ thống chính trị trong điều kiện Việt Nam có thể không phải là khuynh hướng lưỡng đảng giản dị cánh hữu bao gồm các liên minh của những lực lượng chính trị mới đối lập với cánh tả là đảng cộng sản biến hình thành xã hội (hoặc xã hội dân chủ) và hệ thống vệ tinh của nó.

Từ quá khứ Việt Nam Cộng Hòa, vai trò của tôn giáo đã có những ảnh hưởng quan trọng trong đời sống chính trị. Những diễn tiến gần đây ở Việt Nam cho thấy các lực lượng tôn giáo đang củng cố lại thực lực của mình trong cuộc đấu tranh khá gay gắt với chính quyền cộng sản vì tự do tôn giáo, và dĩ nhiên mục tiêu xa hơn vẫn là dân chủ hóa. Những bộ phận cấp tiến của tôn giáo sẽ liên kết thành cánh giữa với các màu sắc Xã Hội Dân Chủ Phật Giáo hoặc Thiên chúa Giáo... Một tập hợp đông đảo ở cánh giữa sẽ đóng vai trò trọng tài chính trị quyết định và sẽ hạn chế bớt những xáo trộn chính trị chuyển tiếp. Vấn đề của họ là tổ chức không mấy chặt chẽ và chưa quen thuộc lắm với phương cách sinh hoạt tranh đấu dân chủ. Đó cũng là tình trạng chung các tổ chức, lực lượng chính trị đối lập với chế độ chính trị hiện nay ở Việt Nam. Nhưng một khi vấn đề đã đặt ra, và đang dần tiến tới hiện thực, các khuynh hướng chính trị hữu quan sẽ tự tìm phương hướng điều chỉnh để sẽ không quá ngỡ ngàng một khi tình hình đến.

4. Phân tách và hướng dự đoán này cho thấy tương lai các định chế dân chủ Việt Nam nghiêng về khuynh hướng hình thành đại nghị chế hơn là chế độ tổng thống thường dựa trên hệ thống lưỡng đảng chặt chẽ.

Trong dự phóng đó hướng cải tiến cho các tổ chức và lực lượng chính trị là hướng tái tổ chức và học tập, làm quen dần với những phương thức đấu tranh thuyết phục cử tri dành phiếu bầu. Dĩ nhiên lực lượng các đảng phái cũ của miền Nam còn hoạt động ngầm ở trong nước và các tổ chức chính trị dân chủ mới do tình hình nảy sinh chưa có điều kiện để thực tập các phương thức đấu tranh mới của ngày mai. Nguyên tắc tranh đấu bí mật vẫn còn là phương thế bắt buộc của họ trong tình hình đảng cộng sản còn ngoan cố đàn áp để trì kéo sự xuất hiện của dân chủ. Kinh nghiệm Trung và Đông Âu cho thấy đảng cầm quyền hiện tại ở Việt Nam là nhân tố quyết định mạnh nhất của tiến trình dân chủ hóa. Sự thành bại của một thể chế dân chủ tương lai có đủ hữu hiệu hay không để giải quyết mọi vấn đề xã hội từ trẻ cấp bách hiện tại và làm nền cho một sự phát triển toàn bộ tương ổn định của tương lai đất nước thuộc về họ. Và chính họ sẽ phải nhận lấy trách nhiệm cao nhất trước lịch sử, như họ đang lẩn tránh với những trách nhiệm nặng nề của lịch sử đã và đang qua.

5. Trong chiều hướng đại nghị chế, các lực lượng chính trị hải ngoại hiện thời sẽ đóng vai trò quan trọng làm khung và hỗ trợ cho các lực lượng trong nước trưởng thành các phương thức tranh đấu dân chủ. Tình trạng chia rẽ đang mạnh mẽ hiện nay đặt vấn đề cấp bách nhất cho việc công ước hóa những liên hiệp chính trị nhằm tiến tới một liên minh thật sự có chính cương chung nhất, có thực lực hầu tránh bị đánh tía bởi các lực lượng cộng sản đã biến dạng mà quan trọng nhất phải đối phó với những hội đoàn áp lực quân nhân hoạt động ngoài lề những tranh luận dân chủ. Hướng phối hợp chặt chẽ với các hiệp hội và nhóm quyền lợi gọi chung là các tổ chức áp lực mà quan trọng nhất là các nghiệp đoàn sẽ giúp tăng cường sự hòa hợp cân bằng giữa Nhà Nước và xã hội dân sự vốn là yếu tố căn bản bảo đảm sự hữu hiệu của thể chế dân chủ.

Ở hải ngoại hướng thực hiện các mục tiêu đề ra thông qua hai phương thức:

- Huấn luyện nội bộ để nâng cao trình độ nhận thức chính trị dân chủ cho đảng viên và đoàn viên qua các hình thức học tập những tình hình chuyển biến chính trị và thảo luận nội bộ. Cùng cùng phương thức, lãnh đạo tổ chức thường xuyên sinh hoạt với các đoàn thể bạn hội ý, trao đổi ý kiến. Đặc biệt tham gia tranh luận diễn đàn để nâng cao kiến thức và kỹ thuật thuyết phục quần chúng trong tương lai.

- Tăng cường các công tác cộng đồng tiến tới sự kết hợp một tổ chức tối cao đại diện pháp lý cho tập thể cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Công tác này nếu được thực hiện đúng hướng sẽ tập hợp được người Việt trong trách nhiệm chính trị đối với Đất Nước. Bên cạnh đó tạo cơ hội cho các hội đoàn, tổ chức chính trị gặp gỡ trao đổi tạo thông cảm hầu tiến tới xây dựng những thể liên minh cần thiết có khả năng đối đầu với những lực lượng biến hình còn mạnh và rất nguy hiểm của cộng sản trong đấu tranh dân chủ hóa để dành lấy chính quyền qua những cuộc tuyển cử tương lai.

Lê Minh Văn
Paris tháng 10/94

Ổn định chính trị và diễn tiến hòa bình

Võ Xuân Minh

Sau hai mươi năm không chiến tranh, Việt Nam vẫn còn là một trong những nước nghèo nàn lạc hậu nhất thế giới với nguy cơ tụt hậu hơn nữa. Nguy hại hơn, Việt Nam đang mất dần hết khả năng vươn lên vì tài sản quốc gia đã khánh tận, đạo đức, trí tuệ đã suy nhược và niềm tin vào đất nước cũng không còn. Việt Nam đang bị đặt trước mối nguy giải thể quốc gia.

Việt Nam có nhiều yếu tố thuận lợi để trở thành một nước lớn và giàu mạnh, vậy tại sao hiện nay chúng ta lại nghèo đói, lạc hậu và mất niềm tin? Người ta có thể cho rằng đó là vì gông cùm cộng sản. Nhưng tại sao đảng cộng sản lại nắm chính quyền trên cả nước? Và tại sao một đảng cộng sản phân hóa, chia rẽ trầm trọng, bị mọi người ruồng bỏ, kể cả những đảng viên cốt cán, vẫn còn trụ được? Nhìn vào chiều sâu, có lẽ là tại vì xã hội Việt Nam đã bị khủng hoảng ngay trong các giá trị nền tảng. Một số giá trị đúng đã không được tôn trọng và ngược lại một số giá trị sai lại được đề cao. Chẳng hạn như những giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền đã bị coi thường trong khi ổn định chính trị lại nâng lên hàng tuyệt đối. Cuộc khủng hoảng giá trị đó đã là nguyên nhân của tình trạng bế tắc bị đất hiện nay.

Trước hết, thực tế cho chúng ta thấy rằng tại các quốc gia mà, ổn định chính trị được coi trọng hơn tự do, dân chủ, nhân quyền - như Châu Mỹ la-tinh trong gần hai thế kỷ nay, như các quốc gia thuộc Đông Âu và Liên Xô cũ trước năm 1989, như Trung Hoa, Bắc Hàn, Cuba, Việt Nam hiện nay, hay như nhiều quốc gia ở Châu Phi - đều là những quốc gia nghèo nàn, chậm tiến. Khả năng vươn lên của các quốc gia này cũng rất yếu kém vì kỹ nghệ lạc hậu, kinh tế bị lũng đoạn và xã hội hỗn loạn do buôn lậu, tham nhũng, mafia, do sự chênh lệch giàu nghèo quá mức và do sự mất niềm tin của người dân vào đất nước. Tệ hại hơn, tại các quốc gia này sinh mạng và giá trị con người đã bị coi thường và đã bị chà đạp một cách tàn nhẫn.

Nhưng không phải chỉ có thế, ổn định chính trị khi được coi trọng hơn những giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền còn là nguyên nhân của các cuộc bạo loạn. Những cuộc bạo loạn xảy ra tại các quốc gia thuộc Liên Xô cũ không phải do sự thay đổi chính trị mà do những uất ức, những mâu thuẫn bị dồn ép trong nhiều thập niên ổn định chính trị. Những cuộc bạo loạn hiện nay ở Algeria cũng vì nhiều thập niên ổn định chính trị trong quá khứ. Và những cuộc bạo loạn khủng khiếp đã xảy ra tại nhiều nước Châu Phi như Rwanda, Angola, Malawi, Mozambique cũng thế.

Nhìn lại những gì đã xảy ra trong các quốc gia này, chúng ta thấy rằng ổn định chính trị thường bắt đầu bằng những cuộc thanh trừng đẫm máu, tiếp tục bằng những đợt đe dọa, khủng bố, bỏ tù, thủ tiêu và kết thúc bằng những cuộc bạo loạn. Ổn định chính trị, hiểu theo nghĩa giữ nguyên một chính quyền và một chế độ trong một thời gian vô hạn định, không đem lại được sự yên ổn cho dân tộc. Nó đem đến trì trệ và nó hứa hẹn bạo loạn.

Tại sao ổn định chính trị, vẫn hiểu theo nghĩa trên, cần được bác bỏ thẳng thắn?

Thứ nhất là vì chính quyền có thể nhân danh ổn định chính trị

- với mục đích là để nắm giữ quyền hành - bắt buộc mọi người phải từ bỏ tất cả những ý kiến, tư tưởng cá nhân để ngăn chặn những khuynh hướng chính trị khác biệt thành hình, có thể làm cho chính quyền không được ổn định. Và từ đó, những cuộc thanh trừng, những hệ thống khủng bố tàn bạo ra đời, cũng như những cánh cửa nhà tù mở rộng để chờ đón những người không cùng khuynh hướng chính trị.

Thứ hai là vì chính quyền cũng có thể nhân danh ổn định chính trị để bắt buộc mọi người từ bỏ các quyền căn bản của con người - tự do, độc lập, tự chủ - để phục tùng giai cấp lãnh đạo, tự khuôn ép vào mô thức có sẵn. Khi người dân bị mất tự do thì họ mất luôn khả năng sáng tạo, khi bị tước đoạt quyền làm chủ đất nước thì họ không còn có trách nhiệm đối với đất nước và khi không được quyền làm chủ đời mình thì họ không còn phải cố gắng hy sinh cho tương lai. Tất cả đưa đến sự phí bỏ sinh lực quốc gia và hủ hóa con người. Hơn nữa ổn định chính trị cũng có thể dùng làm bình phong để bảo đảm quyền hành tuyệt đối của nhóm người lãnh đạo, tạo nên một giới đặc quyền đặc lợi, một guồng máy tham nhũng quan liêu khổng lồ, và guồng máy này làm trì trệ khả năng phát triển kinh tế, tạo nên những tệ đoan xã hội và giam hãm đất nước trong cảnh nghèo nàn, chậm tiến.

Thứ ba là chính quyền có thể nhân danh ổn định chính trị để ngăn chặn mọi thay đổi chính trị, và điều này trái với luật tự nhiên là trong cuộc đời mọi sự vật, mọi lãnh vực đều phải thay đổi, trước hay sau cũng phải thay đổi. Các quốc gia thuộc Đông Âu và Liên Xô cũ đã phải thay đổi vì không có cách nào khác, và đã phải trả giá rất đắt cho sự từ chối thay đổi trong nhiều thập niên.

Không may mắn cho Việt Nam là ổn định chính trị đã được nâng lên hàng một giá trị tuyệt đối, được coi trọng hơn tất cả các giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền trong hàng chục thế kỷ.

Bắt nguồn từ nhu cầu độc quyền lãnh đạo và ổn vững ngay vàng của các vua chúa, ổn định chính trị đã trở thành một giá trị tuyệt đối dưới ảnh hưởng của Nho giáo. Để chính trị được ổn định, Nho giáo đã thần thánh hóa quyền lực chính trị và tạo dựng một xã hội phục tùng: phục tùng vua, và vì nhà vua mà phục tùng các quan lại. "Trung quân" được coi là một giá trị đứng đầu mọi giá trị: "trung quân" trước rồi mới đến "ái quốc". Vai trò của nhà vua cũng được thần thánh hóa: vua được ví như "con trời" (thiên tử) và thay trời trị dân. Vai trò của giới quan lại cũng được đề cao một cách lộ bịch: quan lại được coi như là "cha mẹ dân" (phu mẫu chi dân) và người dân có bổn phận phải phục tùng, như phục tùng cha mẹ. Đạo lý Nho giáo đã ràng buộc người Việt Nam vào thân phận phục tùng quyền lực chính trị trong hàng chục thế kỷ. Hàng chục thế kỷ phục tùng đó đã làm tê liệt óc sáng tạo, ngăn chặn mọi khả năng phát triển để đất nước phải dậm chân tại chỗ và lâm vào cảnh nghèo nàn chậm tiến, để rồi phải chịu ngoại thuộc. Dân tộc Việt Nam đã phải trả những giá rất đắt để giành lại chủ quyền quốc gia nhưng rồi vẫn không được tham gia vào việc nước. Vì người dân không được tham gia vào đời sống chính trị nên, với ngày tháng, không còn quan tâm đến chính trị nữa. Khi người dân

không quan tâm đến chính trị thì sinh lực quốc gia không thể động viên một cách hữu hiệu được. Đó cũng là nguyên nhân để chế độ độc tài tai hại hiện nay thành hình và kéo dài.

Ngày nay, để giữ độc quyền chính trị cũng như để kéo dài ngày tháng cầm quyền, giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam lại sử dụng chiêu bài ổn định chính trị như thời phong kiến ngày xưa, dù họ đã xuống lên phong trào "bài phong, đả thực" đầy máu và nước mắt. Chiêu bài này, hôm nay, vẫn còn lọt tai, vẫn còn khả năng ngăn chặn những đòi hỏi thay đổi và dân chủ hóa vì những quán tính tâm lý của thời phong kiến để lại và được chế độ cộng sản nuôi dưỡng.

Khi vừa thoát khỏi chế độ phong kiến thì Việt Nam lại lâm vào một cuộc chiến tàn khốc. Người Việt đã hy sinh và hy sinh rất nhiều. Những hy sinh đó đã đem lại những gì? Một quốc gia thối nát và bất dung, một xã hội hỗn loạn và bất công, một đời sống nghèo nàn, tù đày, không tương lai. Tình yêu nước, yêu dân bị lợi dụng; niềm tự hào, lý tưởng cũng bị chà đạp. Người Việt mất niềm tin vào đất nước. Dĩ nhiên ai cũng muốn được yên ổn, nhưng yên ổn không phải là ổn định. Yên ổn là trạng thái yên bình, đặc điểm là nhân quyền được tôn trọng. Còn ổn định hiện nay là *không thay đổi*, một chế độ trong đó nhân quyền bị chà đạp. Trong quốc gia ổn định người dân có thể sống trong trạng thái không yên ổn, vì kẻ cầm quyền có thể đòi hỏi đủ điều, vì công an có thể đến bắt giam, tra tấn, thủ tiêu bất cứ lúc nào. Nhưng từ ngữ ổn định vẫn có một ma lực hấp dẫn người Việt Nam, vì họ *đồng hóa không ổn định với chiến tranh*. Những hình ảnh chết chóc, đầy đọa vẫn còn trong tâm trí. Điều oái ăm là cuộc chiến tàn khốc do đảng cộng sản gây ra đã làm chiêu bài "ổn định chính trị" của họ còn sức hấp dẫn.

Chỉ có các chế độ phong kiến hay độc tài mới nâng cao giá trị ổn định chính trị lên hàng tuyệt đối, còn trong các quốc gia giàu mạnh, tiến bộ - như Mỹ, Nhật, Pháp, Anh, Ý, Gia Nã Đại, ... - thì các giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền được coi trọng hơn là ổn định chính trị. Thật ra ổn định chính trị là vấn đề không được đặt ra tại các quốc gia này vì chính quyền luôn luôn bị kiểm soát và bị đặt vấn đề bởi các đảng phái đối lập hay bởi các cơ quan ngôn luận, và vì người dân bất cứ lúc nào cũng có quyền phản đối chính quyền để bảo vệ quyền lợi của họ. Các vị nguyên thủ quốc gia, các đảng cầm quyền vi phạm luật chơi dân chủ, những lạm quyền thế, không giải quyết được những vấn đề lớn của đất nước hay không đáp ứng được những đòi hỏi của dân chúng đều có thể bị thay đổi ngay cả trước khi hết nhiệm kỳ - như tổng thống Nixon ở Mỹ, thủ tướng Miyazawa ở Nhật. Riêng ở Ý, năm 1993-1994, đã có đến bốn chính phủ. Các đảng phái chính trị tại các nước này đều bị đặt trước một đe dọa là luôn luôn có thể bị thay đổi nên bắt buộc phải cố gắng, phải cải tiến, phải tranh đua nhau xây dựng đất nước nhằm mang lại lợi ích cho quốc gia dân tộc, nhờ vậy quốc gia của họ mới tiến bộ, mới giàu mạnh. Nói chung, quốc gia chỉ có thể phát triển, quyền lợi của dân chúng chỉ có thể được bảo đảm khi sinh hoạt chính trị của quốc gia đó có khả năng thay đổi - và thay đổi trong hòa bình - chứ không phải là ổn định. Vấn đề của Việt Nam là phải bảo đảm thay đổi trong hòa bình, vì chỉ có thay đổi trong hòa bình mới có thể đáp ứng được khát vọng của người dân và động viên được mọi tầng lớp mà không gây đổ vỡ.

Thay đổi trong hòa bình là mối đe dọa lớn đối với giới lãnh đạo Việt Nam hôm nay. Họ vùng vẫy chống lại diễn tiến hòa bình hoàn toàn không phải vì nó đưa đến bạo loạn, mà vì nó sẽ làm họ mất chính quyền.

Để có thể thay đổi trong hòa bình, trước tiên chúng ta cần phải

đề cao và phát huy triệt để giá trị hòa bình. Giá trị này khi được mọi người chấp nhận và coi trọng, có khả năng ngăn ngừa những cuộc bạo loạn, bảo tồn được những sinh lực quốc gia. Những thay đổi tại các nước Đông Âu đã không gây ra những đổ vỡ lớn lao nào vì giá trị hòa bình tại đây đã được tôn trọng. Khác hẳn với nhiều quốc gia Châu Phi như Rwanda, Angola, Malawi, Mozambique, nơi hòa bình không được tôn trọng và bạo lực không bị kết án. Đối với Việt Nam, giá trị hòa bình được xây dựng trên tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc, tinh thần đa nguyên và được bảo đảm bằng phương thức đấu tranh bất bạo động.

Kế đến, để có thể thay đổi trong hòa bình là Việt Nam phải có, và phải có gấp, một tổ chức chính trị đối lập ôn hòa có tầm vóc. Những gì sẽ xảy ra trong vài năm tới nếu Việt Nam không có được một tổ chức chính trị đối lập ôn hòa có tầm vóc? Những bất công, độc đoán của chế độ hiện tại - hay chế độ quân phiệt, tài phiệt mafia do chế độ này đẻ ra - sẽ phát sinh ra một lực lượng đối lập cực đoan, lấy bạo lực làm phương tiện đấu tranh. Lực lượng này, vì không hợp với lòng dân (đã chán ghét chiến tranh) và trào lưu của thế giới (ưa chuộng hòa bình), sẽ làm cho chính quyền cộng sản có lý do để tồn tại lâu hơn. Quan trọng hơn, nếu trường hợp này xảy ra thì tiếng nói của khuynh hướng ôn hòa sẽ bị át đi, và do đó khó có thể phát triển để trở thành tổ chức chính trị lớn, để rồi phải bất lực nhìn tình trạng đất nước đã hỗn loạn càng thêm hỗn loạn, đã trầm trọng càng thêm trầm trọng. Đây là trường hợp của Algeria, vì thiếu vắng một tổ chức chính trị dân chủ ôn hòa có tầm vóc, phe Hồi giáo toàn nguyên (fundamentalism) đã trở thành lực lượng đối lập chính thức với chủ trương dùng bạo lực để giành chính quyền.

Để có thể xây dựng một lực lượng đối lập ôn hòa có tầm vóc - nền tảng của diễn tiến hòa bình - trước tiên chúng ta cần phải từ bỏ tập quán xa lánh chính trị do thời phong kiến để lại và đang được khai thác. Với tình trạng phân hóa vì lý tưởng không còn, ung thối vì tham nhũng, và bị mọi người chán ghét, đảng cộng sản Việt Nam chỉ còn dựa vào tâm lý xa lánh chính trị của chúng ta để kéo dài thời gian cầm quyền. Vì xa lánh chính trị nên chúng ta đã không làm chủ được vận mệnh quốc gia. *Trong hai mươi năm qua đối lập vẫn èo ọp, không phải vì Việt Nam thiếu những người dùng cảm hay thiếu những nhà chính trị có tài mà vì tâm lý xa lánh chính trị*. Đó cũng là lý do mà những lời kêu gọi khắp nơi, trong và ngoài nước, ngay cả từ trong nhà tù cũng không đến được một cách mạnh mẽ với mọi người. Làm sao có thể thay đổi được số phận của dân tộc mà không quan tâm đến chính trị, một khi chính trị chi phối mọi hoạt động của quốc gia và quyết định tương lai của đất nước?

Nếu ổn định chính trị đã được coi trọng hơn các giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền đã đưa đất nước vào tình trạng nghèo nàn, chậm tiến, hỗn loạn và đang có nguy cơ mất chủ quyền quốc gia, thì thay đổi trong hòa bình là giải pháp hay nhất - và có lẽ là duy nhất - để giải thoát dân tộc khỏi tình trạng bi đát này. Nhưng thay đổi trong hòa bình không có nghĩa là chờ đợi một sự thay đổi tự nhiên phát xuất từ những bối cảnh quốc tế hay từ "hướng đi tất yếu của lịch sử". Áp lực quốc tế rất giới hạn, những cuộc bạo loạn xảy ra trong nhiều quốc gia hiện nay cho thấy điều đó, và "hướng đi tất yếu của lịch sử" cũng chỉ có thể làm thay đổi chế độ cộng sản hiện tại nhưng không bảo đảm là sẽ đem lại dân chủ và hòa bình, cũng như không thể ngăn chặn một chế độ độc tài khác xuất hiện. Thay đổi trong hòa bình cũng không có nghĩa là chờ đợi những thay đổi từ bên trong. Không thể trông đợi ở thiện chí của đảng

cộng sản vì họ đã dùng mọi thủ đoạn để nắm giữ chính quyền và vẫn tiếp tục dùng mọi thủ đoạn để kéo dài ngày tháng cầm quyền. Rất nhiều trí thức, đảng viên đã đứng lên đòi thay đổi chế độ này như Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ, Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, Bùi Tín... và đã thất bại. Họ thất bại không phải vì họ thiếu dũng cảm, hay thiếu đường lối mà vì họ đã gặp phải bức tường quán tính của quần chúng.

Thật ra chế độ cộng sản hiện nay đang thay đổi và vẫn tiếp tục thay đổi, họ cũng đang thực hiện một diễn tiến hòa bình của riêng họ, nhưng diễn tiến hòa bình này không phải để đi đến một chế độ dân chủ đa nguyên mà để trở thành một chế độ độc tài mafia. Trước tình trạng nguy ngập của đất nước hiện nay, một mặt họ vận động kêu gọi mọi người đóng góp để xây dựng đất nước, nhưng mặt khác họ lại đàn áp những người lương thiện yêu nước. Họ ngăn cấm người dân sinh hoạt chính trị để họ nắm độc quyền chính trị. Họ chống diễn tiến hòa bình để làm diễn tiến hòa bình *một mình* với ý đồ đen tối. Thái độ xảo trá, ngang ngược này chắc chắn sẽ gây ra bạo loạn.

Thay đổi trong hòa bình chỉ có thể xảy ra nếu ý niệm ổn định chính trị bị bác bỏ, nếu các giá trị hòa bình, tự do, dân chủ, nhân quyền được tôn trọng, và nếu Việt Nam có được một đối lập ôn hòa có tầm vóc. Điều này vẫn còn ở trong tầm tay của chúng ta. Tuy nhiên, với đà phá sản tinh thần và vật chất của quốc gia hiện nay và với đà phát triển của tập đoàn mafia, những gì chúng ta có thể làm được dễ dàng hôm nay, có thể trở thành rất khó khăn trong vài năm tới. Thời gian không chờ đợi chúng ta.

Võ Xuân Minh

Giới thiệu sách mới

Nhà xuất bản "mới tinh" Thế Kỷ sau khi phát hành thành công các tác phẩm "Thơ Bùi Giáng" và "Nửa Đời Nhìn Lại" của nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự lại mới cho ra đời cuốn "Hà Nội Trong Mắt Tôi" của Phạm Xuân Đài.

Nguyệt san Thế Kỷ 21, nhật báo Người Việt (xuất bản tại quận Cam, Cali) là những món ăn tinh thần quen thuộc của người Việt không những tại Mỹ mà có thể nói ở khắp nơi có người Việt cư ngụ. Nay với nhà xuất bản Thế Kỷ, chúng ta lại có thêm những tác phẩm văn học chọn lọc do một nhóm anh chị em chuyên nghiệp trong ngành báo chí phụ trách.

Chúng tôi ân cần giới thiệu cùng độc giả tác phẩm mới nhất này của nhà Thế Kỷ. "Hà Nội Trong Mắt Tôi" là một tập hợp những chuyện ngắn, tùy bút, bút ký của Phạm Xuân Đài được viết ở trong nước sau khi ông được thả ra từ những trại cải tạo và tại Hoa Kỳ nơi xứ sở bao dung ông. Dù được viết nơi đâu ta cũng bắt gặp nét trong sáng vẻ đôn hậu của một con người với tâm hồn tha thiết đến quê hương. Bằng cái nhìn chân chất, Phạm Xuân Đài dắt ta đi vào một thế giới hiền hòa không chua cay thù hận, mà bàng bạc vẻ nhu mì. Như một buổi sáng ngủ dậy, trong cái se lạnh và một chút nắng mới dịu dàng của mùa Xuân bắt chợt đâu đó vọng lại tiếng chim hót làm hồn ta thanh thản hay một buổi chiều thu lang thang trong rừng cây với những màu sắc huy hoàng của thiên nhiên khiến lòng ta lâng lâng như nhẹ đi và yêu đời biết bao, đó là những gì còn lại sau khi những trang sách cuối cùng của "Hà Nội Trong Mắt Tôi" được gấp lại.

Phạm Xuân Đài: *Hà Nội trong mắt tôi*. nxb Thế Kỷ, PO box 2054, Westminster, CA 92684, USA. Giá 10 mỹ kim (chưa kể cước phí).

Quản Mỹ Lan

Giáo dục Đại Học... tiếp theo trang 11

..... * Để ngăn ngừa ảnh hưởng của các đại học tư, bản báo cáo ghi nhận "Nhà nước đã ra quy chế cho phép thành lập các đại học tư thục và cấp giấy phép cho một số Hội đồng sáng lập chuẩn bị mở trường..." nhưng "chưa thấy rõ khả năng các đại học tư thục huy động huy động được thêm nguồn lực khác cho giáo dục đại học; lo lắng các đại học này làm yếu hệ thống đại học công lập,...". Nói một cách khác nguyên tắc kinh tế thị trường vẫn chưa hoàn toàn được chấp nhận và nguyên tắc "Đảng lãnh đạo trí thức" vẫn còn được nhiều người trong các Đảng bộ của các cơ quan lợi dụng làm bình phong để bảo vệ các quyền lợi của mình.

* Cùng như trong nhiều báo cáo khác trong các hội nghị khoa học trong năm 1993 và được các cơ quan ngôn luận của Đảng đăng tải, trong tài liệu được nêu ra trong Hội nghị về "Một số định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo ở Việt Nam từ nay đến đầu thế kỷ 21" còn nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng trên các công tác trí thức và nhắc lại chủ trương "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp giáo dục", là một trong số 12 chủ trương cụ thể về "Đổi mới và phát triển sự nghiệp giáo dục" của Đảng. Các nguyên tắc tự trị cũng như các tinh thần sáng tạo trong các đại học, những yếu tố căn bản để phát triển ngành giáo dục, gần như đã bị bài bác tận gốc ngay từ đầu.

* Trong một khía cạnh trầm trọng hơn nữa, khi bàn về nội dung và chất lượng của nền giáo dục bậc đại học, người ta còn tìm thấy trong các tài liệu khác như "Quy định về khối lượng kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu cho giai đoạn I của chương trình đại học", do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành vào cuối năm 1993, còn xác định rõ: trong số 90 đơn vị học trình của hai năm đầu đại học, sinh viên các ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật phải học 23 đơn vị về "khoa học xã hội và nhân văn" theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và 10 đơn vị về "kinh tế và triết học Mác-Lênin". Điều này chứng tỏ các chỗ dựa hình thức về ý thức hệ vẫn luôn luôn là những yếu tố quan trọng trong quá trình tranh chấp quyền lực trong Đảng, mặc dầu thực tế đã không còn liên quan gì tới các lý thuyết này nữa.

* Các nguyên tắc trên đây về học trình cũng như về nguyên tắc Đảng lãnh đạo trí thức trực tiếp đưa tới các biện pháp duy trì sự thống nhất về giáo trình và giáo án, tiếp tục biến các người làm công tác giáo dục thành các "máy tự động giảng bài" theo các sách "giáo khoa quốc doanh" đã được Đảng biên soạn sẵn, làm cho các nhà giáo mất hết nhân cách và tinh thần trách nhiệm,, đã làm cho ngành giáo dục phân hóa và đình trệ như trong quá khứ và còn tiếp tục đánh phá một nền giáo dục đã quá lạc hậu. Trong "Hội thảo quốc tế về lựa chọn chính sách cải cách giáo dục" năm 1993, trong số ngân sách ít ỏi của ngành đại học, biện pháp ưu tiên đề ra là dành 10 tỷ đồng của ngân sách 1993 để "biên soạn lại giáo trình", giao phó cho một số nhà giáo được Đảng chọn lọc để biên soạn những bài giảng và những đề thi cho những nhà giáo khác lập lại...

* Trong những điều kiện "Đổi mới" trên đây và trong vô số yếu tố mâu thuẫn khác, liệu Đảng cộng sản sẽ đưa tương lai của nền giáo dục đi về đâu?. Dĩ nhiên chỉ có thời gian mới có thể nói lên một cách chính xác một câu trả lời hiển nhiên của nghi vấn này.

Tôn Thất Long

Vài điểm đặc trưng về tình trạng giáo dục bậc Đại học ở Việt Nam hiện nay

Tôn Thất Long

1. Tầm quan trọng của Giáo dục trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế.

Mọi xã hội, nếu không muốn rơi vào con đường thoái hóa và tranh chấp hỗn loạn, luôn luôn đặt một vị trí đặc biệt cho việc xây dựng những lớp người kiểu mẫu cho các thế hệ mai sau. Lịch sử nhân loại đã tiến được những bước vượt bậc là nhờ vào các đầu tư mà con người đã tự nguyện hy sinh để tìm hiểu các cơ cấu tổ chức xã hội, các điều kiện để điều hòa các quan hệ bình thường giữa mọi thành viên trong xã hội, tìm hiểu các nguyên tắc vật lý chi phối các hiện tượng thiên nhiên cũng như để chế ngự các tai biến do thiên nhiên tạo ra và tìm ra từ các tài nguyên thô sơ của thiên nhiên các nguồn lợi vật chất cần thiết cho việc duy trì sự sống còn và cải tiến phẩm chất đời sống của đồng loại. Với luật đào thiên nhiên, với sự tan biến tự nhiên theo thời gian của mọi loài sinh vật, tất cả các sinh hoạt bình thường của mọi xã hội loài người đều phải qua một quá trình sửa soạn và đào tạo mà mục tiêu và đối tượng chủ yếu là nhằm cải tiến các quan hệ giữa người và người trong xã hội, giữa con người và môi trường sinh sống thiên nhiên, giữa các thế hệ và đặc biệt là thế hệ trẻ, lớp người sẽ thay thế các thế hệ cũ để điều hành xã hội mai sau. Tất cả các yếu tố này tạo thành lịch sử của xã hội loài người. Tương lai của xã hội đều tùy thuộc vào các cố gắng này, thường gọi chung là lãnh vực Giáo dục, mà xã hội phải đầu tư vào để thực hiện. Một xã hội trong đó các sinh hoạt trong lãnh vực giáo dục bị lãng quên để nhường bước cho những tranh chấp vật chất trước mắt là một xã hội tất yếu sẽ đi vào con đường tiêu vong. Ngay cả ở các xã hội tiên tiến và giàu mạnh, muốn giữ vững mức độ phát triển bình thường, giáo dục vẫn luôn luôn là lãnh vực đầu tư hàng đầu, ưu tiên đối với mọi sinh hoạt khác trong xã hội. Đó là lý do thứ nhất để chúng ta có thể bắt đầu, ngay từ bây giờ, nêu ra và tranh luận trên chuyên đề Giáo Dục.

Lý do cơ bản thứ hai, khi đặt ưu tiên các tranh luận trên chuyên đề Giáo Dục trên diễn đàn này, là các cảnh tượng bi đát mà ta có thể chứng kiến trong lãnh vực giáo dục hiện nay ở Việt Nam. Giới hạn trong lãnh vực Giáo dục, ai ai cũng đều có thể nhận rõ là, từ gần một thập niên nay, từ khi các khẩu hiệu Đổi Mới được rầm rộ tung ra với Đại Hội VI, 1986, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đi từ một thái cực này đến một thái cực khác, trái ngược lẫn nhau. Cả hai thái cực đều dẫn dắt Dân tộc vào con đường tiêu vong tất yếu, với mục tiêu phục vụ quyền lợi tuyệt đối của Đảng, mà trên thực tế chỉ là một nhóm người đầu cơ trục lợi cuồng tín, bất chấp mọi lợi ích và tương lai của Dân tộc. Từ một hình thức độc quyền công khai trắng trợn, hệ thống giáo dục trước Đại Hội VI chỉ là một công cụ của Đảng để củng cố vai trò của Đảng lên toàn xã hội, tạo cho Đảng một lớp sơn hào nhoáng bên ngoài và hạn chế trong một thiểu số mù quáng chấp nhận uy quyền của Đảng. Đại đa số còn lại của Dân tộc đều bắt buộc đi vào con đường vô học, bán sức lao

động bằng chân tay như những tên nô lệ, tương lai của họ đều tùy thuộc vào các yếu tố ngẫu nhiên, do sự vui buồn bất định của thành phần Đảng viên hợp thành tầng lớp chủ nhân tuyệt đối của xã hội. Xã hội Việt Nam đã đi vào con đường phá sản, nghèo đói bần cùng nhất trong thế giới hiện tại. Nếu không thuộc vào tầng lớp đảng viên, lớp người thường được gọi là "Trí thức" của chế độ, được Đảng đào tạo, cùng không thể giữ vững nhân cách của mình, mất hết tinh thần trách nhiệm và sống trong tình trạng nghèo đói, trước các áp lực từ mọi phía của tầng lớp Đảng viên.

Từ sau Đại Hội VI, sau các thất bại liên tiếp, khi lý tưởng cộng sản đã trở thành một ảo tưởng lố bịch, Đảng Cộng sản Việt Nam lại hoàn toàn bỏ phế hệ thống giáo dục mà Đảng đã tạo ra vì hệ thống này đã không giúp Đảng bảo vệ quyền lực của Đảng mà còn trở thành một gánh nặng vật chất cho chế độ. Mất hết lý tưởng và chỗ dựa từ các thế lực trong cộng sản quốc tế, sự phân hóa đạo đức trong hàng ngũ của Đảng đã đạt mức cao độ, biến Đảng thành nơi tụ tập của những thành phần bất hảo, tượng trưng cho những cấu kết về tham vọng quyền lực và quyền lợi vật chất. Trên phương diện ý thức hệ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đi từ một thái cực này đến một thái cực khác, từ một ý thức hệ đấu tranh cho một lý tưởng đạo đức siêu hình (trên lý thuyết) lúc đầu đến một thực tế xấu xa nhất, với tinh thần thụ hưởng trục lợi và của một tập đoàn đã bị phân hóa. Mọi giá trị về tinh thần và đạo đức chỉ còn là những lời nói mĩ mai, mức thang giá trị mới trong xã hội là quyền lực và khả năng thụ hưởng vật chất. Từ nhiều năm qua, báo chí trong nước đã thường xuyên phản ánh tình trạng suy đồi văn hóa đang tiếp tục công khai xói mòn trong xã hội Việt Nam. Thất bại trên mọi lãnh vực xây dựng kinh tế, một số đông các cơ quan đang hướng về các hoạt động bán chính thức, tìm kiếm các lợi nhuận trực tiếp, với sự tiêu thụ các hàng hóa thuê hay phục vụ cho ngành du lịch mà thực tế là những tổ chức mại dâm trá hình, một thị trường mới của thế giới... sau thị trường Thái Lan. Với sự đồng lõa của các chính quyền địa phương, các cơ sở hành chánh, các xí nghiệp và ngay cả các trường học,... tìm kiếm mọi cách chuyển nhượng các cơ sở của mình qua các hoạt động du lịch trá hình để tìm lợi nhuận trực tiếp này. Cũng như trong các lãnh vực khác như y tế, an sinh xã hội,... không phục vụ trực tiếp quyền lợi của Đảng, hệ thống giáo dục hiện nay ở Việt Nam bị hoàn toàn bỏ rơi.

2. Một vài hiện tượng trong hệ thống giáo dục hiện tại.

Hệ thống giáo dục hiện nay cũng đang theo sát các biến thể của Đảng và phản ánh bản chất mới của chế độ. Trong lãnh vực giáo dục, chúng ta có thể nêu ra các hiện tượng sau:

* Ở mọi trình độ trong hệ thống giáo dục và kể từ niên khóa 1988-1989, các trường công lập đều áp dụng biện pháp đóng học phí. Chủ yếu ngân sách của các trường đều dựa vào

học phí của học sinh. Phần đông các nhà trẻ và mẫu giáo do sự tài trợ của các cơ quan địa phương, các xí nghiệp hay các hợp tác xã đều phải đóng cửa vì không còn phương tiện điều hành.

* Học phí là một gánh nặng trong ngân sách thu nhập của các gia đình, từ đó đưa đến tình trạng bỏ học trầm trọng ở mọi cấp. Hiện nay, người ta ước lượng vào khoảng hai triệu trẻ em trong lớp tuổi từ 6 đến 10 phải thất học vì nhà nghèo, mặc dầu Quốc hội đã thông qua luật phổ cập cấp I. Đáng được nhắc đến là các hiện tượng bỏ học ngày càng tăng. Trong năm 1991, tỷ lệ học sinh bỏ học là 22% ở cấp I, 32% ở cấp II và có nơi lên đến 40% như ở Sài Gòn và các vùng phụ cận, 30% ở cấp III.

* Song song với tình trạng bỏ học là hiện tượng từ nhiệm của các giáo viên vì đời sống vật chất khó khăn, vì sự kiểm soát chặt chẽ về giáo trình và giáo án làm cho các nhà giáo mất hết phẩm chất của nhà giáo, vì căn bệnh thi đua hình thức để đạt các chỉ tiêu định trước phải đạt được,... cũng như tình trạng suy đồi đạo đức trong học đường và trong xã hội. Sự tuyển chọn học sinh vào các trường sư phạm cũng gặp phải tình trạng tương tự vì không có thí sinh.

* Sự phân hóa xã hội đưa đến một sự phân hóa trong hệ thống giáo dục. Sự xuất hiện của các trường tư thục hay các trường bán công, cạnh tranh với hệ thống trường công và trong nhiều trường hợp, học phí hàng tháng ở các trường tư thục của một học sinh còn cao hơn số lương của một giáo chức bình thường trong các trường công lập, điều này dẫn đến một sự phân chia theo sự cách biệt giữa các thành phần xã hội, chỉ có con cái các tầng lớp cán bộ quyền hành mới có phương tiện để gởi con cái theo học.

* Một số hiện tượng khác liên quan đến tình trạng giáo dục ở bậc đại học hiện nay ở Việt Nam sẽ được đề cập trong các phần sau. Mục đích khi đề cập vấn đề này là nêu lên các khó khăn đang đón chờ ta trong hiện tại và tương lai cũng như nêu rõ mức độ các trách nhiệm mà chế độ hiện tại phải nhận thức khi họ bỏ rơi hoàn toàn hệ thống giáo dục mà chính họ đã tạo ra để tập trung mọi nỗ lực vào việc củng cố hệ thống quyền lực chính trị và đàn áp các đòi hỏi Dân chủ ở trong nước.

3. Một vài số lượng của nền Giáo dục bậc Đại học.

Mạng lưới đào tạo chuyên nghiệp hiện nay có thể được chia ra làm nhiều loại tùy theo sự phụ thuộc hành chính của các cơ quan tương ứng.

* Với khoảng 70 triệu dân số, Việt Nam có vào khoảng 150.000 sinh viên (kể tất cả mọi hình thức đào tạo: dài hạn, ngắn hạn, bổ túc, công, tư,...) theo học trong 103 trường đại học và cao đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Con số này tương ứng với tỷ số 22 sinh viên trên 10.000 dân số. Đó là một tỷ lệ thấp nhất so với các quốc gia lân cận hay tương đương về mật dân số: 37 ở Nam dương (trên 10.000 dân), 42 ở Mã lai, 127 ở Thái lan, 175 ở Cu-ba, 250 ở Pháp...

Tổng số giáo chức Đại học được ước lượng vào khoảng 20.000 người, trung bình cứ 7 sinh viên là có một giáo viên, một tỷ số tương đối cao nhưng lại không tạo ra được một phẩm chất đào tạo tương đương. Trong số nói trên, chỉ có khoảng 2500 giáo chức có trình độ phó tiến sĩ hay tiến sĩ phần lớn

được đào tạo trong hệ thống xã hội chủ nghĩa cũ. Ngoài ra, 90% giáo chức lại có một lứa tuổi khá cao, trên 50 tuổi.

Hàng năm có vào khoảng 200.000 học sinh kết thúc chương trình đào tạo bậc Trung học nhưng trong số đó chỉ có khoảng 30.000 được nhận vào các trường Đại học. Đó là một tỷ lệ rất kém, khoảng 15%. Đối với Pháp, tỷ lệ này là 80%. Như vậy, sự chọn lựa sinh viên vào các Đại học rất là khe khắt, nhất là khi sự lựa chọn trước đây lại đặt ưu tiên trên căn bản chính trị và hiện nay lại bị giới hạn bởi học phí quá cao so với mức sống và khả năng của người dân.

Nhìn một cách tổng quát, theo thứ tự về giá trị, hiện nay ở Việt Nam có ba Viện Đại học Bách khoa (Hà-Nội, Sài-Gòn, Đà-Nẵng), bốn Đại học Tổng hợp (Hà-Nội, Sài-Gòn, Huế, Đà-Lạt với nhiều phân khoa khác nhau), hai trường Đại học Kinh tế-Tài chính (Hà-Nội, Sài-Gòn), hai trường Đại học về Giao thông và truyền thông (Hà-Nội, Sài-Gòn), hai trường Đại học về Xây dựng, hai trường Đại học Sư phạm cao đẳng...

* Cũng cần thêm vào danh sách trên Trung tâm Đại học Thăng Long, khai giảng từ năm 1989, hoạt động với sự trợ giúp của tư nhân hay của các xí nghiệp tư. Ngoài ra, từ khi quy chế đại học tư thục được ban hành trong năm 1993, đã có 11 dự án thành lập đại học tư thục đơn (4 ở Hà Nội, 4 ở Sài Gòn và các vùng phụ cận, 1 ở miền Trung, 1 ở Biên Hòa và 1 ở Vũng Tàu). Cho đến cuối năm 1993, chỉ có 2 dự án ở Hà Nội được cấp phát giấy phép hoạt động. Một điều đáng chú ý là phần lớn danh sách các sáng lập viên đại học tư này là giáo chức cơ hữu của các đại học công, điều này được giải thích như là một dấu hiệu bảo đảm để cho chính quyền có thể xem xét hồ sơ một cách dễ dãi. Cũng nên nhấn mạnh là trên thực tế, các đại học tư vẫn luôn luôn chịu sự kiểm soát trực tiếp của chính quyền vì, theo qui chế của các đại học tư, 25% thành phần chính thức của ban quản trị của các đại học này là đại diện của Bộ Giáo dục.

* Ngoài hệ thống các trường Đại học và Cao đẳng nói trên lại còn có 82 trường Sư phạm (hai trường mỗi Tỉnh) để đào tạo giáo viên phổ thông. Các trường đào tạo giáo viên này đang gặp nhiều khó khăn vì chất lượng đào tạo và nhất là không có sinh viên theo học. Nghề giáo đang đi vào một tình trạng phân hóa cao độ.

* Cũng cần phải tính trong nền giáo dục chung ở Việt Nam, các cơ quan trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và hai Viện Khoa học Quốc gia (Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội và nhân văn) mà mục tiêu là nghiên cứu khoa học nhưng các cơ quan này không liên hệ gì với đào tạo ở các đại học và tách rời khỏi các viện đại học, bao gồm 300 cơ quan mà trên thực tế không có một qui mô hay phương tiện để thực hiện chức năng được giao phó.

* Ngoài ra, ta cũng phải kể cả Trường Đào tạo Hành chính Nguyễn Aĩ Quốc (thường được gọi là Trường Đảng) mà chức năng là đào tạo các tầng lớp công chức cao cấp trong hệ thống Đảng và chỉ giới hạn trong tầng lớp đảng viên.

4. Các cấp đào tạo ở bậc Đại học.

Thời gian đào tạo bậc Đại học thay đổi từ ba đến năm năm mà đa số là các cấp đào tạo kỹ sư lý thuyết, đào tạo các chuyên gia theo các chuyên ngành hẹp, không thích hợp với

các nhu cầu và thực tế của các xí nghiệp. Gần như không có các liên lạc hợp tác giữa các Đại học và các xí nghiệp. Mặc dầu có nhiều quyền lợi vật chất hơn ở các xí nghiệp, đa số những phần tử tốt luôn luôn tìm cách trở về các trường Đại học, gây nên tình trạng thối phồng lớp giáo chức. Điều này giải thích tỷ lệ cao của giáo chức, so với số sinh viên và giải thích một phần nào trình độ nghiên cứu khoa học cao ở Việt Nam, so với các nước láng giềng. Tuy nhiên cũng phải nên nhấn mạnh rằng điều này chỉ đúng trong địa hạt nghiên cứu lý thuyết trong khi đó Việt Nam thua kém rất xa các nước láng giềng trong việc đào tạo các chuyên viên kỹ thuật và cán bộ trung cấp để dùng cho các xí nghiệp. Đây là một đặc tính chung cho mọi ngành hoạt động trong xã hội Cộng sản Việt Nam, trong đó bất kỳ một ngành nào, từ khoa học kỹ thuật cho đến các lý thuyết chính trị, lãnh vực nào cũng được trang bị bằng một cái vỏ bề ngoài đồ sộ nhưng không có một cơ sở vững chắc làm nền móng khi đưa ra thực hiện.

Gần như ở Việt Nam hiện nay không có các đào tạo các cán bộ kỹ thuật cấp trung hay các cán sự chuyên nghiệp ngắn hạn như các đào tạo kiểu các IUT (Institut Universitaire Technologique) ở Pháp. Các đào tạo ngắn hạn thường xuất phát từ hai nguồn khác nhau. Nguồn thứ nhất là các sinh viên đã được nhận vào cấp đào tạo kỹ sư dài hạn nhưng lại bị loại khỏi cấp này ở giữa chừng vì không đủ trình độ qua các kỳ thi cử từ cấp I lên cấp II. Nguồn thứ hai xuất phát từ các kỳ thi tuyển bình thường vào Đại học, một số ứng viên không đủ trình độ theo học cấp kỹ sư cũng được chấp nhận cho vào Đại học để theo học cấp đào tạo tương tự như cấp I nhưng với một trình độ kém hơn, với điều kiện phải trả một học phí nặng (đối với mức sống ở Việt Nam). Trên thực tế, nguồn sinh viên loại thứ hai thường chỉ nhắm vào mục đích làm tăng ngân sách của Đại học để các Đại học có phương tiện hoạt động. Trong cả hai trường hợp, chương trình giảng dạy luôn luôn nặng về lý thuyết và không phù hợp với các đào tạo cán sự kỹ thuật. Vì vậy cấp đào tạo kỹ sư thì quá nhiều đối với nhu cầu trong khi các đào tạo cán sự lại quá ít hoặc không đúng các đòi hỏi ở các xí nghiệp.

5. Các vấn đề về thông tin và tiếp xúc giữa các Đại học.

Vấn đề thông tin và liên lạc giữa các Đại học (hay giữa các bộ phận trong cùng một Đại học) ở Việt Nam là một vấn đề trầm trọng, các cơ cấu nghiên cứu Đại học thường bị giới hạn trong những cơ sở chật hẹp. Sự thiếu hợp tác giữa các Đại học làm cho việc nghiên cứu khoa học không được phát triển vì các nghiên cứu luôn luôn đòi hỏi một tinh thần cởi mở và một sự trao đổi ý kiến và tư tưởng đối với thế giới bên ngoài. Tình trạng này là một phản ảnh chung của một xã hội tự khép kín, các đơn vị trong các đại học luôn luôn cạnh tranh với nhau để tranh dành ảnh hưởng cũng như luôn luôn bị canh chừng và kiểm soát bởi một mạng lưới công an bao trùm lên toàn xã hội. Tình trạng này còn bị trầm trọng hóa thêm nữa vì sự thiếu kém các phương tiện thông tin cũng như các điều kiện vật chất nghèo nàn. Một ví dụ rất rõ rệt là trường hợp của Viện Khoa học kỹ thuật: Tuy được giao phó cùng một nhiệm vụ như các Đại học Bách khoa hay các Đại học tổng hợp là đào tạo song song các nghiên cứu sinh nhưng nhiều nhà khoa học thường nhận xét rằng hầu như không có một liên hệ hợp tác nào giữa Viện Khoa học kỹ thuật và các Đại học. Các nghiên cứu sinh của Viện Khoa học kỹ thuật cũng hoàn toàn xa lạ đối với các vấn đề giảng dạy trong các Đại học.

6. Bản chất của các chương trình đào tạo và giảng dạy.

Trước năm 1990, các ngành đào tạo phần đông đều hướng về các đào tạo khoa học kỹ thuật pha lẫn với các môn học bắt buộc về lý thuyết Marx-Lénine. Các ngành đào tạo khoa học xã hội và kinh tế là lãnh vực của Đảng Cộng sản, trong đó chỉ có hai trường Đại học Kinh tế (Hà-Nội, Sai-Gòn) nhưng chỉ giảng dạy môn "Kinh tế Nhà nước" mà thực chất là các nguyên tắc thi hành các mệnh lệnh từ trên bộ máy chính quyền do Đảng lãnh đạo đưa xuống, đào sâu lý thuyết Marx-Lénine, không còn thích hợp khi chuyển qua kinh tế thị trường. Các nguyên tắc về kinh tế thị trường và quản lý các xí nghiệp hầu như không bao giờ được đề cập tới. Trong các năm gần đây, trong khi chờ đợi các chỉ thị về kinh tế thị trường do Nhà nước ban hành, các trường Đại học Kinh tế trở thành các nơi bỏ túi ngoại ngữ, di nhiên cốt yếu là Anh ngữ và Pháp ngữ.

Trên đỉnh cao của hệ thống giáo dục là Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, lãnh vực hoàn toàn riêng tư của Đảng, dành riêng cho các cán bộ nòng cốt và trung kiên của Đảng, đào tạo các cán bộ cao cấp cho bộ máy của Đảng cũng như để quản lý các cơ cấu của bộ máy chính quyền. Trong tháng 12/1992, một hợp đồng với Đại học Harvard để tìm cách biến đổi Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc thành một trường Đại học Kinh tế Chính trị. Liệu Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ có thể thành công trong công cuộc đổi mới này mà không thay đổi bản chất của chế độ và vẫn khép kín trường này trong khung khổ của Đảng hay không?.

Một đặc điểm quan trọng hàng đầu được nhiều người nhận xét trong nền Giáo dục ở bậc Đại học Việt Nam (cũng như trong nền Giáo dục nói chung) là sự **kiếm diện, hầu như tuyệt đối, trong việc soạn thảo và thay đổi nội dung các chương trình giảng dạy và cải tổ các cơ cấu tổ chức của Đại học**, làm cho các Đại học hiện tại ở Việt Nam (cũng như hầu hết mọi lãnh vực sinh hoạt xã hội khác, từ các lãnh vực khoa học kỹ thuật cho đến các lãnh vực kinh tế, chính trị) luôn luôn ở trong một tình trạng nghèo nàn lạc hậu. Trong một xã hội luôn luôn đổi mới và trong một thế giới giao động giao động không ngừng với các kỹ thuật truyền tin hiện đại, các phần lực của các cá nhân trong hệ thống lãnh đạo nói chung và sự bất động về các cơ cấu cũng như về nội dung trong các Đại học nói riêng, xã hội Việt Nam đang ngày càng đi sâu hơn nữa vào con đường tự đào thải. Các sự kiểm soát chặt chẽ về giáo trình và giáo án trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam thường làm cản trở các sáng kiến cá nhân trong việc canh tân nền giáo dục. Trên thực tế, các biện pháp này chỉ nhằm một mục tiêu là kiểm soát thái độ chính trị của các giáo chức, phục vụ nguyên tắc chuyên chính của Đảng Cộng sản.

Một đặc tính trầm trọng khác của nền giáo dục ở Việt Nam, vẫn còn được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong các dự án cải tổ Đại học trong các năm vừa qua, là sự duy trì hệ thống giáo trình và giáo án, biến các nhà giáo thành các máy giảng bài tự động, lập lại những gì đã được viết sẵn, làm cho các nhà giáo mất hết tinh thần sáng tạo và nhân cách trong khi hành nghề. Mục tiêu của hệ thống này là kiểm soát chặt chẽ các nhà giáo, không cho họ thoát ra khỏi đường lối mà Đảng đã vạch sẵn. Theo hệ thống này, một số nhà giáo trung kiên với chế độ được Đảng lựa chọn để làm công tác biên soạn các bài giảng trong hệ thống giáo dục ở mọi cấp, tất cả các nhà giáo khác chỉ làm công tác lập lại các giáo trình này trong khi hành nghề.

7. Ngân sách của nền giáo dục bậc Đại học.

Sau cùng, chúng ta phải tỏ cáo mạnh mẽ trước dư luận rằng, từ sau Đại Hội VI của Đảng vào năm 1986, hệ thống Giáo dục ở Việt Nam hoàn toàn bị bỏ rơi. Nhà nước không còn đóng góp vào ngân sách của hệ thống giáo dục rất hạn hẹp. Trong năm 1993, ngân sách cho giáo dục đại học là 85 triệu Mỹ kim, khoảng chừng 2% ngân sách nhà nước. Do tình trạng tồn tại hệ thống viện nghiên cứu tách rời khỏi các đại học, các đại học gần như không còn ngân sách cho việc nghiên cứu khoa học. Trong các năm gần đây, các trường đại học được xem như là các xí nghiệp thương mại bình thường và phải tìm cách để tự túc về phương diện tài chính. Vì vậy, các nghiên cứu khoa học ở các Đại học cũng từ từ bị bỏ phế (và do đó triệt tiêu các uy tín đã sẵn có về các nghiên cứu lý thuyết trong các Đại học) và chỉ hoạt động được nhờ vào các tiền thuê mượn dịch vụ đối với các xí nghiệp khác cũng như vào học phí của sinh viên.

Trong các năm gần đây, trước áp lực của dư luận, các tiêu chuẩn chính trị trong việc tuyển chọn sinh viên vào các trường đại học đã được một phần nào nới lỏng. Nhưng, trước sự cắt giảm ngân sách và trước các ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, chế độ học phí ở các trường đại học công có hiệu lực triệt tiêu các nới lỏng về tiêu chuẩn chính trị. Báo chí Sài Gòn trong các năm qua đã nhiều lần phản ánh trường hợp của nhiều sinh viên trúng tuyển vào các trường đại học lớn, với các thứ hạng cao, có khi đậu thủ khoa, mà vẫn không thể nhập học vì không có tiền đóng học phí. Học phí vào các trường đại học trung bình là một triệu đồng, phải đóng một lần đầu niên học (hoặc cùng lắm là hai lần đối với các trường hợp đặc biệt của các sinh viên ưu tú nhà nghèo) mặc dầu, theo chỉ thị của bộ giáo dục, có thể đóng hàng tháng. Để có thể so sánh với thực tế, số tiền học phí hàng tháng này tương đương trung bình với 1/4 tiền lương của một giáo sư đại học tự.

Tình trạng học phí nặng nề có một hậu quả trực tiếp là sự suy giảm trầm trọng số sinh viên đi vào đại học, ngay cả đối với các trường thu hút nhiều nguyện vọng vào học nhất, như các ví dụ điển hình sau đây ở Sài Gòn trong niên khóa 1993: mặc dầu đã hạ thấp điểm tuyển sinh nhiều lần, đại học Kinh tế Tài chính chỉ có 620 sinh viên nhập học trên số dự định 2100 sinh viên, đại học Ngoại thương có được 100 sinh viên nhập học trên số dự tuyển 330, đại học Nông-Lâm có được 400 trong số 500, ... Một trong các ví dụ điển hình trầm trọng khác là trường Đại học Sư phạm Sài Gòn: Sau lần hạ điểm lần thứ nhất, có 300 sinh viên nhập học trên số dự trù 950 sinh viên và, tới lần hạ điểm lần thứ ba, có được trên một nửa số sinh viên nhập học trên số dự định. Tình trạng này còn thảm hại hơn nữa đối với trường Trung học Sư phạm: Với điểm trung bình 4.5/20 cho sinh viên nội thành và 0.0/20 (zero?) cho sinh viên ngoại thành, trường chỉ đạt được 80% trên số 700 sinh viên dự định. Các ví dụ trên đây cũng cho thấy trình độ sinh viên ở các trường đại học hiện nay đang bị hạ thấp một cách thảm hại.

8. Các dự án và biện pháp cải tổ Đại học hiện nay.

Nhất là từ sau khi để cho kinh tế thị trường phát triển, nền giáo dục ở Việt Nam đã tỏ ra bất lực trước các đòi hỏi của

sự biến dạng của nền kinh tế. Các quan niệm giáo điều về giáo dục cũng như các phương pháp tổ chức và các phương tiện đầu tư vào đại học cho thấy các đào tạo chuyên môn và kỹ thuật ở Việt Nam đã trở thành quá lạc hậu và đang đi vào tình trạng phân hóa cao độ. Điều này đã hiển nhiên đập vào mắt của mọi người, kể cả Đảng. Sau đây là ba thời điểm mốc đáng cho ta suy nghĩ và nói rõ khả năng của chính quyền hiện nay trong các dự định cải tổ trong ngành giáo dục:

Tháng 9/1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, nhân vật cao nhất của chính phủ, ra quyết định tổ chức lại mạng lưới tổ chức lại mạng lưới các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và nêu rõ mục tiêu: "Gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo, coi các trường đại học và các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là một thể thống nhất, ...". Đó là một quyết định lý thuyết nhưng thực tế sẽ ra sao?

Cuối tháng 8/1993 một "Hội thảo quốc tế về lựa chọn chính sách cải cách giáo dục" được tổ chức tại Hà Nội. Sau hội nghị này là quyết định ban hành quy chế đại học tự thực mà mục tiêu là huy động thêm các nguồn tài trợ cho công việc đào tạo và quyết định tổ chức lại mạng lưới đại học công lập với sự thành lập hai trường đại học quốc gia, một ở Hà Nội, một ở Sài Gòn và vùng phụ cận bằng cách tập trung lại một số các trường đã sẵn có. Trên lý thuyết, các cải tổ này có mục đích "Đổi mới mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo" nhằm "tăng thêm hiệu quả kinh tế và chất lượng giáo dục".

Các cố gắng trên để thực hiện quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tháng 9/1992 đã đưa tới "Hội nghị Tư vấn về Cải tổ Giáo dục Đại học Việt Nam" được bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Việt kiều Trung ương tổ chức tại Sài Gòn vào tháng 2/1994 vừa qua. Trong Hội nghị, gần như mọi vấn đề đều được đề cập: Mạng lưới hệ thống giáo dục, Quy trình đào tạo đại học, Nội dung -Phương pháp- Chất lượng đào tạo, ... với bảng tổng kết sau:

* Hội nghị không có sự tham gia của bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cũng như của các viện Khoa học Quốc gia là các cơ cấu đảm nhận chức năng nghiên cứu khoa học (được mời mà không tham dự). Tuy liên hệ trực tiếp đến mục tiêu hội nghị nhưng sự bất hợp tác của các cơ quan này chứng tỏ các tranh chấp quyền lực giữa các bộ trong chính phủ hay giữa các địa phương và nhất là trong hàng ngũ của hệ thống Đảng, vì tranh dành ảnh hưởng và sự phân chia quyền lợi, đang rất nặng nề, mặc dầu có quyết định cũng như sự trung gian của chính quyền trung ương.

* Theo báo cáo "Về hiện trạng đại học Việt Nam" của Vụ Đại học, Bộ giáo dục và đào tạo, thì "Đại học Quốc gia Hà Nội đã được quyết định thành lập nhưng chỉ bao gồm ba trường đại học có các ngành khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; không có các ngành kỹ thuật công nghệ, không bao gồm các viện nghiên cứu quốc gia". Bản báo cáo giải thích: "...ở nước ta còn nhiều người chưa thấy rõ cái lợi thật sự của đại học đa ngành...; ngoài ra, các đơn vị nghiên cứu cũng chưa muốn sáp nhập với các viện đại học". Các đại học khu vực đang được chuẩn bị thành lập với sự sáp nhập các trường đại học và cao đẳng trên cùng một địa phương (như Huế, Đà Nẵng, Thái Nguyên, ...) cũng đang gặp các khó khăn chung "như những khó khăn đã nêu ở trên".

(Xem tiếp trang 17)

Nửa Đời Còn Lại

Phạm Ngọc Lan

"Ông nhấn lại với tác giả cuốn *Nửa Đời Nhìn Lại* là quân cảnh chúng tôi chắc chắn không có "quê" như trong cuốn truyện đâu. *Gặp tay tôi là không thể thoát!*" Hoàng Khởi Phong vừa nói vừa cười rung rinh râu mép. Anh từng là Đại úy quân cảnh, tác giả nhiều tập thơ và truyện trước cũng như sau 75.¹ Bảo Cự cũng có râu mép, nhưng anh từng là đảng viên cộng sản, nay là cựu đảng viên và tác giả cuốn *Nửa Đời Nhìn Lại*, trong đó có đoạn anh tả nhân vật Hoài - một giáo sư trung học hoạt động cho cộng sản - tổ chức "tập họp một số học sinh cốt cán bồi dưỡng về quan điểm cách mạng dưới hình thức trao đổi chuẩn bị thuyết trình môn văn trong trường".² Quân cảnh ập vào lục soát vì tình nghi Việt Cộng, nhưng không bắt được tang chứng. Cảnh này xảy ra tại một thị xã miền cao nguyên trước năm 1975.

Hoàng Khởi Phong nói đùa câu này khi gặp tôi ở Cali trong tòa soạn nhật báo Người Việt đầu tháng 8 vừa qua. Sở dĩ có câu đùa đó vì tôi biết anh đã đọc kỹ cuốn sách, nhưng vẫn hỏi anh đã đọc đoạn văn kể chuyện "Quân cảnh bắt hụt Việt cộng" chưa? Sau câu trả lời đầy khẳng định của anh, tôi cũng đùa lại: "*Quân cảnh Bảo Lộc chắc phải thua quân cảnh Pleiku các ông rồi!*".

Sự tình cờ đã không khiến anh thi sĩ quân cảnh Hoàng Khởi Phong bắt anh giáo sư cộng sản Bảo Cự trước đây, nhưng giờ đây đã đưa đẩy khiến anh nhà văn Hoàng Khởi Phong ở tận Quận Cam bên Mỹ viết bài giới thiệu cuốn sách của anh nhà văn Bảo Cự ở xứ sương mù Đà Lạt. Bắt đầu bằng tiểu sử của Bảo Cự, Hoàng Khởi Phong nói về cái tên của tác giả: "*Đối với người Cộng Sản thì cái tên đó chính là một trong những cái đích triệt hạ ngay từ khi đảng Cộng Sản vừa mới nhú ra từ trong bóng tối. Nội cái tên đó đã không lấy gì làm lợi cho người mang nó. Đã thế anh lấy bút hiệu là Tiêu Dao, cái bút hiệu này cùng cho người ta thấy anh sẽ chẳng bao giờ thực sự sờ được quyền bính chứ đừng nói tới việc nắm được quyền bính. Những người hiện nay đang nắm quyền bính trong tay có biệt hiệu là Sóng Hồng, Sao Đỏ, Bạch Đằng, Tam Đảo... Cũng có thể rất giản dị là Văn, Vũ, hay mộc mạc như Anh Ba, Năm, Bảy. Chẳng có ai tiêu sái giang hồ, ngao du sơn thủy cả. Cái bút hiệu Tiêu Dao này để dành cho những anh tiểu tư sản, những anh lang đảng ngoài vòng. Mới thấy cái tên ông không thôi, tôi đã thấy hàm chứa đôi điều bất ổn.*"³

Cũng trong kỳ hè vừa qua, trên xa lộ 95 chạy từ Baltimore xuống phía nam hướng về Washington D.C. đến nhà Trương Vũ, Nguyễn Thị Hoàng Bắc hỏi thăm tôi về gia đình Bảo Cự bây giờ ra sao, vì cuối truyện thấy nhân vật Hoài bị vợ là Vy bỏ đi lần thứ "n" thì ái ngại quá, tôi nói trời ơi chị làm hư cấu với thực tại rồi, hai vợ chồng Bảo Cự vẫn sống với nhau hạnh phúc chứ đâu có như nhân vật Hoài trong truyện!

Khi cuốn *Nửa Đời Nhìn Lại* được nhà xuất bản Thế Kỷ cho ra đời đầu năm nay, hai người viết bài đầu tiên về cuốn sách là hai nhà văn nữ, Nguyễn Thị Hoàng Bắc và Trương Anh Thụy.

Nguyễn Thị Hoàng Bắc đã đọc nơi Bảo Cự "*một tác giả tràn đầy tình cảm, thiết tha sôi nổi, đau đớn nhọc nhằn, nhức nhối bản*

khoãn, nhiệt tình và rục rủa dù có lúc đã chìm sâu xuống tận đáy vực của đau khổ tuyệt vọng và ruồng bỏ". Chị xem *Nửa Đời Nhìn Lại* như "*là xương, là thịt, là máu, là tủy, là tình yêu, là nước mắt, là hạnh phúc, là đón đau, là nhục tình, là hy sinh, là đóng góp và tất cả là thể nghiệm của một con người đem chính cuộc đời mình ra - chứ không thể là ai khác, cái gì khác - để chứng minh cho những suy tư, khắc khoải, những lý tưởng và nguy tín, những chân lý và trách nhiệm, những điều đáng sống và những mất mát của cuộc đời".* Và cuối cùng chị "*chúc lành tác giả ở *Nửa Đời Còn Lại*".⁴*

Đoàn Văn trên Phụ Nữ Diễn Đàn đã trích lại Nguyễn Thị Hoàng Bắc để "*vững tin rằng những điều lo xa của tác giả Chúc Lành là không có, không xảy ra đâu!*" Điều lo xa đó là có "*một số người đọc sẽ dè dặt: ờ, có cái gì đâu mà làm âm ỉ, một tên ngu dốt đại dốt, hám danh hám lợi, cách mạng ba mươi, một tên châu rìa theo đảng nay bị đảng cho đe và đang ai oán".* Đoàn Văn cho rằng "*đây là một kinh nghiệm sống thật, một nửa đời đã qua mà nay nhìn lại một cách chân thành, đong đặc, để rồi quyết tâm đi nốt phần còn lại cho tròn, đến chỗ viên mãn chăng? Và, đây là một quyển sách đẹp, từ hình thức đến nội dung, qua đó, tác giả, cũng như người viết Tựa, viết Bạt, không ai đã sử dụng đến thứ ngôn ngữ kém khiêm nhường, trái lại, đầy thông cảm, xót xa.*"⁵

Tâm Việt cũng viết một bài giới thiệu nhiệt tình về cuốn sách mà anh cho là "*chắc chắn sẽ còn được nói đến dài dài trong những ngày tháng tới".* Tâm Việt trích lời tựa của Đặng Tiến về "*thế hệ bất hạnh*" của Bảo Cự: "*Nhìn từ phía nào đi nữa, anh và các bạn đồng hội đồng thuyền của anh đều bị nghi kỵ và đố kỵ. Từ phía cộng sản, ngoan ngoãn lắm anh sẽ được yên thân trong một chức vụ gì đó ở Mặt Trận Tổ Quốc hay Hội Đồng Nhân Dân; xong xáo khôn khéo lắm, may ra được một chân đại biểu quốc hội ngồi chơi xơi nước - là hết nấc. Từ phía những người chống cộng, hay không ưa cộng sản, anh là kẻ "phản bội", nổi đảo cho giặc; họ thù ghét anh hơn thù ghét các đảng viên chính tông chính thống hét ra lửa mửa ra khói".* Trích Đặng Tiến chỉ để khẳng định "*anh Đặng Tiến đã nhầm*": "*Từ phía những người chống cộng, hay không ưa cộng sản như tôi (tôi còn tự gọi tôi là Quốc gia nữa), tôi xin thưa ngay là tôi không hề thù ghét anh*"⁶

Đỗ Mạnh Tri thì "*Lan man chuyện... tình với Bảo Cự*" trên Thông Luận: "*Đối với một số đảng viên đảng cộng sản, chuyện đảng là chuyện tình và chuyện thất tình. Trong *Nửa Đời Nhìn Lại*, Bảo Cự viết: "Tâm trạng của anh phải chăng là tâm trạng của một kẻ có người tình phản bội?" Đó là tâm trạng của Hoài khi nghi tới chuyện bỏ đảng." Đỗ Mạnh Tri cũng dành cho Vy, vợ Hoài, một chỗ đứng đặc biệt: "*Vợ Hoài cay chua: "Em không có lý luận bằng anh nhưng rồi anh sẽ sáng mắt ra". Thâm lắm nàng Vy. Hoài sẽ sáng mắt ra khi nào anh bớt lý luận để biện hộ cho đảng như một kẻ si tình. Tốt nhất là đừng lý luận, lý giải, chỉ mở to đôi mắt nhìn vào thực tại sẽ thấy ngay cái đảng anh quý mến là một ảo tưởng hoàn toàn xa lạ và trái ngược với cái đảng có thực. Anh sẽ nhận ra ngay rằng mối tình giữa anh và đảng cộng sản là một lầm lẫn thảm hại: anh đã yêu thương một guồng máy vô nhân đạo, anh đã khoác vào cổ máy đảng tất cả lý tưởng trong sáng và mãnh liệt của đời mình để rồi anh tôn vinh nó và để nó nghiền nát anh. Anh phải mất đảng để mất hết: mất hết ảo tưởng và lấy lại được lý tưởng, tìm lại được chính mình..."*"⁷*

Trên báo Diễn Đàn, Hòa Văn chú trọng hơn tới luận đề: "*Trang đầu cuốn sách, tác giả ghi thể loại tác phẩm: truyện.*

Nhưng đây không phải là tiểu thuyết. Tự truyện có lẽ đúng hơn. Nửa đời nhìn lại. Tự truyện với ít nhiều chi tiết hư cấu, một số tên người và địa danh được thay đổi, tuy tác giả không hẳn là nhân vật trung tâm của tác phẩm! Nhân vật trung tâm là một luận đề: sự tha hóa con người. Đúng hơn, như Hà Sĩ Phu viết trong lời bạt, một sự tha hóa "đặc biệt ở chỗ nó diễn ra ở một xã hội theo chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa nhân danh chống tha hóa, nhân danh sự giải phóng và tôn vinh con người".⁸

Đỗ Mạnh Tri đã viết một bài dài trên Tin Nhà để bàn về "Cuộc cách mạng lật xác" của Bảo Cự, Bùi Minh Quốc và Nguyễn Hộ. Anh mào đầu bằng cách "đánh giá đúng mức ba cái tên thiệt. Hơn lúc nào hết, danh chính ngôn thuận là điều kiện tiên quyết và điều kiện tối hậu để khởi đầu tiến trình dân chủ hóa Việt Nam. Dem cái tên thật của mình ra, chính là đem cái thân mình mà bảo đảm, đỡ đạn cho điều mình nói". Và Đỗ Mạnh Tri nêu lên một điểm đã được nhiều thành phần trong cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ bàn tán sôi nổi sau khi đọc đoạn 20 của phần III cuốn sách, nhan đề "Mé đồ trận cuối cùng": "Một số người chống cộng vẫn còn nghi rằng những cựu đảng viên hiện nay chống đối chỉ là những lá bài của Đảng. Có những người chống giả để nằm vùng. Có những người chống lưng chúng kiểu "phê bình xây dựng" để giúp Đảng dăng dai tại chỗ. Có những người chống thật đấy nhưng chính những người này mới nguy hiểm: mình tin ở họ, sẽ bị họ lừa. Bằng chứng là câu chuyện của Hải Đăng (Trần Bạch Đằng?) và Hoài. Hải Đăng: "Tôi đã tìm hiểu kỹ về cậu và báo cáo chuyện này với thứ trưởng Bộ Nội vụ và đã được Bộ Nội vụ đồng ý. Đồng chí thứ trưởng cũng đã làm việc với thường vụ tỉnh ủy ở đây và thường vụ tỉnh ủy cũng đã nhất trí. Còn chuyện khai trừ Đảng? Cậu biết không, chính tôi đương cần cái "mác" khai trừ Đảng của cậu. (NDNL, tr.322)". Con cáo già trong nghề tình báo muốn tiếp tục dùng Hoài như một dụng cụ của Đảng. Dụng cụ này Đảng vừa nghiên nát, nhưng chính vì thế Đảng có thể dùng lại nó một cách hiệu quả hơn". Đỗ Mạnh Tri nhắc lại đoạn này chỉ với mục đích dùng nó để báo động về thái độ hoài nghi quá trớn của một số người chống cộng sẽ tiếp tục đào hố sâu chia rẽ không có lợi gì trong cuộc đấu tranh cho dân chủ hiện tại: "Những người chống cộng yêu tự do, khao khát dân chủ sẽ làm một cách thăm hại nếu không nhận diện nổi những người cùng áp ủ một chí hướng như mình và đương trả giá rất đắt cho từng bước đi".⁹

Trương Anh Thụy viết từ Hoa Thịnh Đốn một bức thư ngỏ vào dịp đầu xuân Giáp Tuất gửi Tiêu Dao Bảo Cự, trong khi "ngồi đối diện cửa sổ trông ra vườn sau tuyết phủ trắng xóa", "ngồi ngắm ngơ như thế không biết mất bao lâu trước cuốn sách đã gấp lại". Chị đáp lại lời của tác giả ở cuối sách xin bạn bè "cho vài lời tâm sự và lời khuyên". Lời tâm sự đầu tiên của chị là "vô cùng khâm phục anh", cũng như trước đây chị đã từng "dành sự kính trọng tới các vị như Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín, Đoàn Viết Hoạt, Phan Đình Diệu, Nguyễn Đan Quế, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, v.v... những người dám nói thẳng, viết thật ngay trong lòng chế độ". Hơn nữa, chị còn "đặc biệt khâm phục khi thấy anh đã can đảm nhận lỗi về phía mình, một điều mà ít ai dám làm". Trương Anh Thụy cũng chú ý đến một câu trang 336 làm chị "hơi ngỡ ngàng": "Gác qua một bên mọi định kiến, hòa giải hòa hợp dân tộc phải chăng là một con đường tuy khó khăn nhưng là con đường duy nhất đúng trong hoàn cảnh hiện nay?" Chị hơi ngỡ ngàng bởi lẽ "tư tưởng Hòa giải hòa hợp chưa bao giờ được nêu ra trong suốt cuốn truyện", và chị "không hiểu ý anh muốn nói hòa giải hòa hợp giữa ai với ai?".¹⁰

Phù Du trên Thông Luận trả lời hộ tác giả: "Khó quá! Đã nói là hòa giải và hòa hợp dân tộc sao lại còn đặt câu hỏi "với ai"? Với nhau. Nếu câu hỏi đặt ra là hòa giải với ông bà nào thì quả nhiên hẳn [chỉ tác giả] không đề cập tới, nhưng câu hỏi là hòa giải trên căn bản nào và để xây dựng cái gì thì toàn cuốn truyện, một cách trực tiếp hay gián tiếp, hẳn đã trả lời".¹¹

Tiêu Dao Bảo Cự đã được đọc những bài trên đây, và để tạo sợi dây liên lạc giữa độc giả ngoài nước và tác giả trong nước, đã viết một bài với tựa đề: "Hòa giải hòa hợp dân tộc và giao lưu văn học", mục đích trình bày quan điểm của mình về "một vấn đề gần như nằm ngoài tác phẩm, chỉ được nêu ra bằng một ý, một câu, trong phần kết của tác phẩm nhưng lại được nhiều người quan tâm, vấn đề "hòa giải hòa hợp dân tộc", và đặt vấn đề trong mối quan hệ với việc giao lưu văn học".¹²

Trong bài viết này, Bảo Cự cho rằng cuộc chiến vừa qua là một cuộc nội chiến: "Trong những cuộc chiến gần đây của đất nước, dù ai dùng ngôn từ nào, với bất cứ lập luận nào, đứng trên bất cứ lập trường nào, những cuộc chiến đó đều có mang tính nội chiến, vì người Việt đã nổ súng vào nhau trên chiến trường, đã hận thù nhau trong tim óc. Đó là một giai đoạn lịch sử phân ly và bi thảm". Nói như thế chắc chắn sẽ nhận đòn từ cả hai phía. Về phía cộng sản, cuộc chiến vừa rồi là một cuộc chiến tranh giải phóng chống ngoại xâm, ngoại xâm ở đây là đế quốc Mỹ muốn áp đặt chủ nghĩa thực dân mới lên miền Nam, chính quyền miền Nam chỉ là "ngụy quyền tay sai", như thế dứt khoát không thể là một cuộc nội chiến. Về phía quốc gia, cuộc chiến đó là một cuộc chiến bảo vệ tự do, chống xâm lăng cộng sản từ miền Bắc vào, chống sự áp đặt của một chủ nghĩa phi nhân đến từ Nga Tàu, vậy thì sao lại có thể gọi nó là một cuộc nội chiến? Hai cách nhìn này là lập luận của những chính trị gia thời đó, dựa vào những điều cao siêu vô hình như chủ nghĩa, như ý thức hệ, vin vào những quy ước và hiệp định quốc tế để đưa đất nước vào con đường thế thảm vừa qua. Chỉ có người dân suy nghĩ bình thường mới dám gọi đó là nội chiến, vì chính họ đã thấy máu người Việt cả hai bên đổ ra, thân xác người Việt cả hai bên làm phân bón cho cây rừng xanh lá, tâm hồn người Việt cả hai bên bị xói mòn. Cũng may là vẫn còn các văn nghệ sĩ nói lên tiếng nói của họ, như Bảo Cự trong đoạn văn trên đây, hoặc như Dương Thu Hương dùng hình ảnh "tay phải chặt tay trái" để chỉ cuộc chiến huynh đệ tương tàn vừa qua.¹³

Vì nghi rằng có "hận thù nhau trong tim óc" như thế nên Bảo Cự mới nói đến hòa giải hòa hợp dân tộc. "Tôi nghe thời gian trước đây ở nước ngoài đã có nhiều cuộc tranh luận về hòa giải hòa hợp dân tộc nhưng vì thiếu thông tin nên không rõ các cuộc tranh luận đó đã diễn ra như thế nào và có đi đến kết luận nào không." Tôi có thể trả lời ngay Bảo Cự là cuộc tranh cãi này rất sôi nổi, nhất là nhờ cái cảnh "ông nói gà bà nói vịt" xảy ra thường xuyên, chưa kể có những nhóm hoặc cá nhân cố tình gán cho nhóm khác và cá nhân khác những ý đồ mà họ không hề có, nói nôm na là chụp mũ bừa bãi. Vì vậy khi tác giả Nửa Đời Nhìn Lại đưa ý kiến "cần tiếp tục mở ra những cuộc trao đổi về vấn đề này giữa trong và ngoài nước, đi đến sự thống nhất từ nhiều phía để từng bước thực hiện hòa giải hòa hợp dân tộc", tôi trân trọng ghi nhận tấm lòng thành của một người trong nước chưa biết gì về môi trường hải ngoại, nhưng cũng xin mạn phép được bi quan về kết quả. Nói thế không có nghĩa là chúng ta đành chịu thua để cho thù hận và chia rẽ tiếp tục ngự trị trên mảnh đất của chúng

ta. Mà chỉ có nghĩa là chúng ta phải nhìn vào thực tế phù phàng để đừng bị ảo tưởng ru ngủ trong những giải pháp mơ mộng. Điểm đáng mừng ở đây là có những người trong nước đã ý thức được và đã nói lên rằng hòa giải hòa hợp dân tộc chính là hy vọng lớn của tương lai.

Có một điều nhiều người đồng ý: muốn có hòa giải thì phải có thiện chí về mọi phía. Không thể nào "hòa giải một chiều". Nhiều người ở hải ngoại vẫn nêu vấn đề "chính quyền cộng sản chỉ kêu gọi hòa giải chứ không hề có thiện chí hòa giải". Nói như vậy chưa chính xác. Bởi vì không những họ không có thiện chí hòa giải mà thực sự họ chưa khi nào kêu gọi hòa giải cả. Họ chỉ kêu gọi "hòa hợp dân tộc", theo một công thức mà họ đưa ra từ khi còn tranh cãi tại bàn hội nghị ở Paris đầu thập niên 70, cho tới gần đây khi ông Võ Văn Kiệt lên tiếng với một số Việt kiều tại Sài Gòn. "Hòa hợp dân tộc" của họ cũng như "siết chặt hàng ngũ sau lưng tôi" của một số "lãnh tụ". Nhưng chính quyền cộng sản không chịu hòa giải không có nghĩa là chúng ta không được quyền nói lên niềm tin của chúng ta, niềm tin mà Báo Cự xem như "phải là niềm thổi thốc, là sự nghiệp của cả dân tộc chứ không phải chỉ là vấn đề của một số cá nhân".

Nửa đời còn lại, góp phần gây dựng sự nghiệp đó, thật ý nghĩa lắm thay!

Phạm Ngọc Lân

1. Những tác phẩm gần đây nhất của Hoàng Khởi Phong: *Ngày N+...*, *Thư Không Người Nhận*, *Người Trăm Năm Cũ*, *Cây Tùng Trước Bão*
2. Tiêu Dao Bảo Cự: *Nửa Đời Nhìn Lại*, nxb Thế Kỷ, Westminster (California), 1994, tr. 42
3. Hoàng Khởi Phong: *Nửa Đời Nhìn Lại: một tác phẩm mới, một nhà xuất bản mới*. Nhật báo Người Việt, Westminster (California), chủ nhật 17-7-1994
4. Nguyễn Thị Hoàng Bắc: *Chúc Lành*. Thế Kỷ 21, Westminster (California), số 59, tháng 3-1994, trang 58
5. Đoàn Văn: *Nửa Đời Nhìn Lại, sách từ trong nước*. Phụ Nữ Diễn Đàn (California), số 122, trang 101
6. Tâm Việt: *Một cuốn sách về Đà Lạt hôm nay*. Bán nguyệt san Ngày Nay, Houston (Texas), số 293 ngày 15-3-1994, và Tivi tuần san (Úc), số 417, ngày 23-3-1994, trang 46
7. Đỗ Mạnh Tri: *Lan man chuyện... tình với Bảo Cự*. Thông Luận, Paris, số 73, tháng 7&8-1994, trang 12
8. Hòa Văn: *Đọc Nửa đời nhìn lại*. Diễn Đàn, Paris, số 31, tháng 6-1994, trang 22
9. Đỗ Mạnh Tri: *Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Hộ: Cuộc cách mạng lột xác*. Tin nhà, Paris, số 16, mùa hè 1994, trang 5
10. Trương Anh Thụy: *Bức thư ngõ gửi Tiêu Dao Bảo Cự*. Thế Kỷ 21, số 60, tháng 4-1994, trang 7
11. Phù Du: *Nửa đời nhìn lại*. Thông Luận, Paris, số 71, tháng 5-1994, trang 32
12. Tiêu Dao Bảo Cự: *Hòa giải hòa hợp dân tộc và giao lưu văn học*. Thông Luận số 74, tháng 9-1994 (tựa đề đánh máy sai thành "giao lưu văn hóa"). Ngày Nay số 304, 1-9-1994 (tựa đề cùng sai như Thông Luận), Hợp Lưu số 19, tháng 10 và 11-1994 (tựa đề cùng sai như thế). Thế Kỷ 21, số 65, tháng 9-1994 (tựa đề đổi thành "Văn học không biên cương"), trang 21
13. Dương Thu Hương: buổi nói chuyện với đề tài "*Dương Thu Hương, tác giả và tác phẩm*", thứ bảy 22-10-94, đại học Paris 7 Denis Diderot

Tâm sự của một người

Phan Minh Hiền

Sau hơn một năm thực hiện chương trình cứu trợ phế binh, và nhất là sau khi được báo Thông Luận phỏng vấn (số 71, tháng 5/94), tôi đã nhận được sự ủng hộ của rất nhiều người, đặc biệt là độc giả Thông Luận. Tôi xin chân thành cảm tạ sự hỗ trợ tinh thần của báo Thông Luận.

Được sự hỗ trợ tài chánh của những ân nhân từ khắp nơi, từ con số 20 xe lăn hồi đầu tháng 5/94, đến nay tôi đã gửi tặng các phế binh 93 xe lăn (cho những người cụt hai chân) và 139 cặp nạng (cho những anh em cụt một chân). Ngoài ra tôi cũng đã gửi 10 trợ cấp tiền mặt (500 Francs) cho những anh em bị cụt cả hai chân, hai tay và đui cả hai mắt, 1000 USD cho quỹ y tế cứu trợ các gia đình phế binh khi đau ốm và phát 3 tấn gạo vào dịp Giáng Sinh 1994 (phiếu 10 kí gạo cho mỗi gia đình). Hội Médecins du Vietnam cũng đã gửi tặng 30 xe cho người tàn tật (trong đó có 16 xe lăn có lắc tay dành cho người cụt hai chân và cụt một tay). Hội Handicap Sans Frontière hưởng ứng chương trình bằng cách gửi tặng thẳng 150 xe lăn cho các phế binh. Tôi cũng đã giới thiệu một số trường hợp những anh em cần sự giúp đỡ đến thẳng tay những vị ân nhân muốn trực tiếp trao tặng, con số được trao nhận tôi không nắm rõ vì chưa được thông tin. Tôi đã nhận và trả lời khoảng 600 thư từ. Nói chung, chương trình đã thành công một cách mỹ mãn.

Theo dự trù, chương trình sẽ chấm dứt vào cuối năm 1995. Từ đây đến đó, tôi hy vọng số người ủng hộ và những anh em được giúp đỡ sẽ còn tăng lên, nếu có thêm sự ủng hộ.

Những việc làm này thực ra chỉ là bổn phận của những người Việt Nam đối với dân tộc mình. Cho đến nay tôi vẫn thường tự vấn lương tâm mình: như vậy đã đủ chưa? Chưa!

Làm sao xoa dịu đủ những nỗi đau mà đồng bào mình đang chịu đựng. Nơi đây, ở hải ngoại, chúng ta được hưởng quá nhiều may mắn so với những người đang sống cảnh lầm than trong nước. Những gì chúng ta đã làm trước đây, ngay bây giờ hay trong ngày mai không thể bù đắp được những nỗi đau của những người bị thua thiệt. Họ thua thiệt trong quá khứ và ngay hiện tại, tôi chỉ hy vọng những cố gắng nhỏ bé này sẽ làm vui đi những nhọc nhằn trong đời sống để con cháu họ tin tưởng vào ngày mai và hạnh diện là người Việt.

Nhìn lại khoảng thời gian đã trôi qua, tôi luôn cảm thấy mình chưa trả đủ ơn đời. Tôi may mắn được đi du học và sau nhiều năm học tập đã thành đạt và có một nghề nghiệp tương đối ổn định. May mắn này tôi mang ơn rất nhiều các chiến sĩ trong quân đội cũ miền Nam, trong đó có những người đã nằm xuống, có những anh em thương phế binh đã hy sinh một phần thân thể cho những người còn lại. Dù có đền đáp thế nào đi nữa, những bù đắp sẽ không bao giờ đầy đủ. Tôi chỉ nguyện cố gắng làm những gì có thể làm được để làm vui đi những đau khổ mà đồng bào của mình đang chịu đựng.

Nghị lực của tôi là những lá thư chan chứa tình thương và ân nghĩa. Có nhiều vị ân nhân, mặc dù đang nằm bệnh viện, cũng đã chắt chiu tiền bạc do quỹ trợ cấp hay con cháu giúp đỡ gửi tặng

Việt Nam và Trung Quốc như "núi và nước"

anh em phế binh xe lăn, nặng chống hay tiền bạc. Có những gia đình phế binh viết thư bày tỏ những tình cảm bộc trực khiến phải rơi nước mắt. Cũng có nhiều lá thư lời lẽ rất dí dỏm khi một số anh em tự xưng là "cái bang phế binh". Nhiều anh em còn cố gắng để dành tiền gửi một lá thư chỉ để chúc người Việt hải ngoại làm ăn phát đạt để khi về nước có dư tiền cho họ.

Nhớ đến những người bất hạnh có lẽ là nguồn sức mạnh tinh thần giúp họ vượt qua khổ đốn. Tin rằng trong tương lai sự quan tâm cùng đồng hương tại hải ngoại đến các phế binh sẽ gia tăng hơn nữa. Dù không thể trực tiếp giúp những anh em này, chúng ta cũng không nên quên những hy sinh của họ.

Đời sống các phế binh Việt Nam nói chung rất là thương tâm. Nhưng không vì thế mà họ trở nên ích kỷ hay thù hận đời, trong nhiều trường hợp họ đã thể hiện tinh thần "lá lành đùm lá rách". Những anh em phế binh đã thể hiện tinh thần "hoà giải hòa hợp dân tộc" ngay trong cuộc sống. Hiện nay nhiều phế binh "bộ đội Kampuchea" cụt chân, cụt tay bị đưa lên các khu kinh tế mới hội nhập vào các làng phế binh thời Việt Nam Cộng Hòa. Những anh em phế binh lớn tuổi của chế độ cũ đã không ngần ngại nâng đỡ những anh em phế binh trẻ, nạn nhân của chế độ, vượt qua cơn khủng hoảng tinh thần và vật chất. Hiện nay, tại một số nơi, các thương phế binh của hai chế độ hợp tác với nhau sinh sống. Một vài anh phế binh miền Nam cũ viết thư cho biết khi nhận tiền trợ cấp từ hải ngoại gửi về đã tự động chia cho các anh em phế binh Kampuchea.

Trách nhiệm giúp đỡ những anh em phế binh này không là độc quyền của người Việt. Một phụ nữ gốc Hoa viết thư cho biết bà đã tự vận động người Việt gốc Hoa tại quận 5 tại Sài Gòn, người Hoa tại quận 13 và 19 Paris và người Hoa tại Vancouver, Canada tham gia chương trình cứu trợ phế binh. Lời bà nói rất cảm động: "... để có chút tình ân huệ đã sinh sống trên quê hương Việt Nam và đồng thời cũng để xin cảm ơn những năm tháng đã sống trong yên bình trên đất Việt Nam, đó là nhờ sự hy sinh lớn lao của các anh thương phế binh".

Ngoài chương trình giúp đỡ các anh em phế binh, tôi còn thực hiện chương trợ giúp các em nhỏ mồ côi và nhà nghèo đi học và đồng bào còn đang bị kẹt trong trại Sikiew, Thái Lan. Sự giúp đỡ của tôi trong lãnh vực này còn rất giới hạn vì thiếu tiền và thời giờ. Tôi đã hoàn tất hai lớp học tình thương gồm 60 em có điều kiện ăn ở và học tập. Hai lớp này được giao lại cho Hội Médecins du Vietnam trực tiếp quản trị và trợ cấp. Riêng đồng bào tại trại Sikiew từ hai năm qua sự giúp đỡ của tôi rất là khiêm nhường. Hiện trại có khoảng 10.000 người đang chờ bị trả về Việt Nam, rất cần sự quan tâm giúp đỡ của đồng bào hải ngoại. Từ hơn hai năm qua tôi chỉ giúp tượng trưng hơn 200 gia đình bằng những số tiền nhỏ. Đồng bào trong trại Sikiew, có thể cũng rất cần tiền để sinh sống trong điều kiện rất nhiều khế, nhưng họ cần nhất là hy vọng. Gia đình các anh em cựu quân đội Việt Nam Cộng Hòa cần được sự quan tâm đặc biệt.

Tôi chân thành cảm ơn anh Nguyễn Quang Hạnh, một người có tấm lòng cao cả, đã giúp tôi biết rõ hoàn cảnh của những anh em phế binh. Tôi cũng không quên ơn những anh em cựu quân nhân VNCH đã tham gia chương trình cứu trợ đồng đội kém may mắn. Tôi ghi nhận sự ủng hộ đặc biệt của các báo chí hải ngoại đã giới thiệu chương trình cứu trợ anh em phế và trẻ em bất hạnh. Cầu chúc mọi người Việt Nam luôn gặp may mắn và thành đạt trong cuộc sống.

Phan Minh Hiến

Giang Trạch Dân, chủ tịch nước kiêm tổng thư ký đảng và chủ tịch quân ủy trung ương Trung Quốc, viếng thăm chính thức Việt Nam trong ba ngày sau khi viếng thăm các nước Singapore, Indonexia, Mã lai và dự hội nghị Diễn Đàn hợp tác kinh tế A-Thái Bình Dương ở Bogor (Indonexia).

Trước khi đi Hà Nội, Giang Trạch Dân viếng thăm Sài Gòn và gặp cộng đồng người Hoa ở Chợ Lớn. Việc đi Sài Gòn trước khi ra Hà Nội rất có ý nghĩa về chính trị và kinh tế: nơi đây có hơn một triệu người Hoa đang sinh sống và nắm các guồng máy kinh tế, thương mại như trước đây. Vấn đề người Hoa ở Việt Nam cũng là một hồ sơ phức tạp trong thương thuyết giữa hai nước. Việc trở về của 200.000 người Hoa đã ra đi trong năm 1978, vấn đề đền bù tài sản bị Hà Nội trút hữu, vấn đề quốc tịch... là những vấn đề Bắc Kinh buộc Hà Nội phải giải quyết. Chuyến đi của họ Giang chủ yếu đặt vào vấn đề phát triển thương mại giữa hai nước, hơn là có ý muốn giải quyết về vấn đề biên giới. Trung Quốc biết thời gian càng kéo dài càng thuận lợi cho họ. Họ vẫn tiếp tục chiếm đóng quân sự hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa và cho tăng cường thiết bị ra đi từ các đảo ngoài khơi Miến Điện với sự đồng tình của xứ này qua eo biển Malacca đến thềm lục địa Nhật Bản (nếu ngày kia Đài Loan bị sát nhập vào Trung Quốc). Như vậy họ sẽ kiểm soát con đường vận tải hàng hải chiến lược chung quanh các nước Đông Nam Á và gây ra tình trạng "việc đã rồi". Điều này làm các xứ Ấn Độ, Nhật Bản, Việt Nam và các nước trong khối ASEAN rất lo ngại. Sự thật trái hẳn với những lời tuyên bố "đường mật" của họ là vấn đề tranh chấp ở Biển Đông phải qua thương lượng cũng như họ không có ý định "lấp khoảng trống nào ở Đông Nam Á".

Cùng đi với ông Giang Trạch Dân chỉ có phó thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao Tiền Kỳ Tham và Ôn Gia Bảo, ủy viên dự khuyết Bộ chính trị và thành viên Ban bí thư. Điều này đủ chứng tỏ là Trung Quốc không có ý định thương lượng về vấn đề tranh chấp lãnh thổ trong hiện tại. Và chẳng về phía Việt Nam, tổng thư ký Đỗ Mười cũng như chủ tịch nước Lê Đức Anh chắc cũng không dám đề cập đến. Hai bên chỉ nói "cần nhân nại thương lượng những vấn đề còn tồn tại, chưa giải quyết".

Hà Nội là "đầu cẩu" của Pháp ở Á Châu?

Ngoại trưởng Pháp, ông Alain Juppé đã viếng thăm Việt Nam trong bốn ngày từ 22 đến 25-11-1994. Chuyến đi của ông Juppé tiếp theo chuyến công du của tổng thống Mitterrand trong tháng 2-1993 và các chuyến viếng thăm của nhiều bộ trưởng Pháp trong gần hai năm qua. Chuyến đi của ông Juppé cũng khá quan trọng vì chính phủ Pháp muốn đưa quan hệ bình thường giữa hai nước lên thành "quan hệ ưu tiên". Pháp đứng hàng thứ hai về viện trợ cho Việt Nam, sau Nhật Bản và đứng hàng thứ nhất về đầu tư của các nước Âu Tây (hàng thứ 7 nếu kể tất cả các nước, sau 6 nước Á Châu). Pháp cũng muốn hỗ trợ cho việc Việt Nam xin gia nhập khối ASEAN và Tổ Chức Thế Giới Về Thương Mại (OMC). Tổ chức này sẽ thay thế Tổ Chức Về Quan Thuế Và Mậu Dịch (GATT). Ngoại trưởng Alain Juppé được các ông Nguyễn Mạnh Cẩm, Lê Đức Anh và Đỗ Mười tiếp rước.

TION TỨC... THỜI SỰ... TION TỨC...

Được hỏi về vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, ông Juppé tuyên bố "sẽ không có sự phát triển kinh tế trường cửu và ổn định chính trị nếu không có tiến bộ về dân chủ và nhân quyền". Ngoài ra ông cho biết có đề cập đến vấn đề này với Việt Nam.

Đường Tăng

Nhà văn Nguyễn Ngọc cùng Nguyễn Duy và Bảo Ninh được mời sang Pháp, và đáng lẽ cùng có mặt với Dương Thu Hương tại buổi nói chuyện ngày 22 tháng 10 vừa qua tại Đại học Paris 7, nhưng cả ba người đã không được đi. Được biết Nguyễn Ngọc, sau "vụ báo Văn Nghệ", lại vừa mắc một "tội" lớn là Hội nhà văn đã cho xuất bản quyển sách mới mang tên "40 truyện rất ngắn" - tác phẩm chung khảo cuộc thi truyện Thế Giới Mới 1993-1994, mà Nguyễn Ngọc là trưởng ban sáng tác của hội. Đây là một tuyển tập những chuyện ngắn không quá 1000 chữ do tạp chí Thế Giới Mới tổ chức. Vì tác phẩm này, Lê Ngọc Trà cũng bị đánh lầy vì viết lời giới thiệu. Theo những nguồn tin chúng tôi thu lượm được thì chính Diệp Minh Tuyên đứng ra "lo" vụ chữ bới này.

Một chuyện lạ hơn nữa là cuộc biểu tình của 70 tăng ni trước tòa soạn tạp chí Thế Giới Mới nhằm phản đối truyện ngắn Đường Tăng của Trương Quốc Dũng mà họ cho là xúc phạm đến Phật giáo. Nhưng người đọc Đường Tăng đều thấy rằng tác giả không hề có ý đả kích Phật giáo, mà chỉ lấy cốt truyện để nói về cuộc đời một người trước khi chết mới khám phá ra rằng cả quãng đời của mình chỉ đi tìm ảo vọng. Đường Tăng là truyện được giải nhất đồng hạng cùng với Hoa Muộn của Phan Thị Vàng Anh. Theo nguồn tin khá thông thạo, tác giả Trương Quốc Dũng là con rể của Nguyễn Văn Linh, cựu tổng bí thư đảng. Tuyển tập 40 truyện ngắn này đã bị tịch thu không được lưu hành tại Việt Nam nữa.

Cũng nên biết là từ sau năm 1975, đây là một quyển sách - chưa nói đến nội dung - hình thức đáng gọi là một quyển sách với giấy trắng bìa láng trình bày rất trang nhã.

Chuyện vụ 70 tăng ni biểu tình này là do Mai Quốc Liên - một người có vây cánh trong đảng - vì muốn tăng công với nhà nước, đã tổ chức nhằm đánh Nguyễn Ngọc. Nhưng vụ xách động biểu tình này làm cho nhà nước không vui, Mai Quốc Liên bị đập ngược lại vì nhà nước cho rằng Mai Quốc Liên xúi được 70 tăng ni biểu tình nhân danh Phật giáo chống Nguyễn Ngọc, thế là Phật giáo xúi được 700.000 người biểu tình chống nhà nước thì sự thế sẽ ra sao? Ở đời này, cái trò gậy ông lại đập lưng ông quả không thiếu.

Đời sống của người lao động bấp bênh

Trong chín tháng đầu năm 1994, trên địa bàn thành phố Sài Gòn đã xảy ra 23 vụ đình công, lần công lớn nhỏ (tăng sáu vụ so với năm 1993 và tăng gấp ba lần so với năm 1992). Trong số đó có 12 vụ xảy ra trong các công ty quốc doanh, (hai vụ ở các đơn vị gia công hàng cho nước ngoài), 11 vụ còn lại thuộc lãnh vực tư doanh.

Nguyên nhân của những vụ đình công và lần công này là vì công nhân bị các chủ nhân nhà nước, ngoại quốc và tư nhân bóc lột quá đáng: thời gian làm việc kéo dài, làm ngoài giờ, không trả

công trong các dịp lễ hay những ngày nghỉ, không được hưởng qui chế bảo hiểm xã hội, bảo hiểm lao động, chủ ngoại quốc đối xử thô bạo đối với công nhân... Đặc biệt, trong thời gian gần đây, nhiều công ty quốc doanh và tư nhân để cho chủ ngoại quốc đầu tư "chui" làm bình phong thao túng, điều hành, xâm phạm nhân phẩm công nhân Việt Nam.

Từ năm tháng nay, công nhân cầu đường khu vực Sài Gòn không được trả lương. Cho đến nay mỗi công nhân chỉ được tạm ứng khoảng 200.000 đồng/tháng (tương đương 20 USD). Phân khu Gia Định chỉ mới tạm ứng lương tháng 10 cho mỗi công nhân là 50.000 đồng/tháng (5 USD). Khu quản lý công trình trả được 70% cho công nhân đã hoàn thành công trình, 30% còn lại chờ xét duyệt.

Cùng trong chín tháng đầu năm 1994, trên toàn quốc có 98 vụ tai nạn lao động làm chết 104 người. Các tai nạn lao động hầu hết do điện giật, sập đất, đổ lò, nghiêm trọng nhất là những vụ sập đất ở các hầm mỏ. Riêng tỉnh Quảng Ninh tỷ lệ tai nạn lao động tăng 29% so cùng thời kỳ (11 tai nạn làm chết 12 người, 10 người bị thương). Vụ sập hầm ở mỏ thiếc Cao Bằng làm bốn người chết, năm người bị thương. Ngày 19-10, toàn bộ phần mái lò nung xi-măng Long Thọ (Thừa Thiên) từ cao độ 13 mét sập làm bị thương hai người.

Các bệnh viện thiếu máu

Trung Tâm Truyền Máu và Huyết Thanh Sài Gòn lên tiếng báo động tình trạng thiếu người hiến máu. Cách đây năm năm, mỗi ngày các bệnh viện tại Sài Gòn sử dụng khoảng từ 400 đến 500 bịch máu, nay con số đó đã giảm đi nhiều. Số người bán máu chuyên nghiệp giảm, trung bình khoảng 130 người/ngày, số lượng máu sử dụng được khoảng 100, lượng máu của những người còn lại không sử dụng được vì thiếu hồng huyết cầu đo bán quá nhiều lần trong năm.

Hiện nay Trung Tâm cung cấp khoảng 100 bịch máu toàn phần (250cc/bịch) và 50 bịch chế phẩm máu (100cc/bịch) như huyết tương, hồng cầu lắng, tiểu cầu. Do thiếu máu, một số bệnh viện yêu cầu thân nhân tiếp máu cho bệnh nhân, số lượng máu đột xuất này chỉ làm tăng thêm khoảng 15% số lượng máu cần thiết. Mặc dù 43% dân số có máu thuộc nhóm O, số người hiến máu O rất ít. Tình trạng thiếu máu O rất nguy ngập.

Chất lượng máu của những người bán máu chuyên nghiệp cũng không bảo đảm, đa số là gái bán dâm, dân nghiện xì-ke. Mặc dù có các xét nghiệm, sàng lọc để loại trừ các bệnh truyền nhiễm như giang mai, sốt rét, viêm gan siêu vi B, HIV/SIDA, nhưng nguy cơ lây nhiễm HIV qua đường truyền máu còn rất lớn. Ngoài ra những số liệu về viêm gan siêu vi C (VGC) đã bắt đầu đến mức báo động. Qua nghiên cứu, tỷ lệ nhiễm VGC ở phụ nữ có thai lần đầu là 4%, ở thanh niên từ 18 đến 25 tuổi là 3%, nhưng ở người bán máu chuyên nghiệp đã lên đến 20%. Trung Tâm Truyền Máu và Huyết Thanh tiết lộ trong suốt thời gian qua chỉ xét nghiệm trên 2.000 người bán máu chuyên nghiệp để loại bỏ những trường hợp dương tính, chứ chưa thể làm thường xuyên vì thiếu kinh phí. Giá một mẫu xét nghiệm (test) VGC còn cao: 3,5 USD. Do đó chất lượng máu hiện nay chưa bảo đảm nên bệnh nhân vừa được tiếp máu có thể mắc thêm căn bệnh hiểm nghèo khác.

TOD TUC...THOI SU...TOD TUC...

Những vấn đề của đô thị

Cuộc hội thảo về quản lý và phát triển đô thị đã được tổ chức tại Cần Thơ từ ngày 26 đến 28-9-1994. Cuộc hội thảo do Bộ Xây Dựng cùng UBND tỉnh Cần Thơ đứng ra tổ chức, thành phần tham dự gồm những viên chức chính phủ và các tỉnh có thẩm quyền.

Sau ba ngày hội thảo, các tham dự viên đã làm nổi bật ba điểm chính. Một là tình trạng xây dựng nhà cửa lộn xộn, tự phát, không theo qui hoạch. Hai là đất đô thị có trị giá kinh tế cao nhưng chưa được sử dụng một cách hữu hiệu để tạo thành nguồn vốn. Ba là các thủ tục hành chính trong việc giao cấp đất còn gây nhiều phiền hà, làm cản trở việc thu hút các nguồn vốn đầu tư.

Phó chủ tịch UBND Nha Trang nói rằng quản lý đất đai và nhà cửa đô thị là một trong những khâu quản lý gian truân và vất vả nhất vì trên cả nước đang diễn ra một cuộc "chiến tranh" nhà đất với rất nhiều đơn từ tranh chấp. Ông Trương Phổ, phó chủ tịch UBND Đà Lạt, báo động các khu rừng bao quanh Đà Lạt đang gặp trở ngại trong việc bảo tồn vì nạn khai thác rừng bừa bãi, mãi đến năm 1992, toàn bộ rừng mới được chuyển sang rừng đặc dụng...nhưng Đà Lạt không còn rừng nữa. Ông Thiệu Quang Thái, phó chủ tịch UBND Cần Thơ, cho biết do sự thiếu đồng bộ trong cơ chế pháp lý việc phân cấp quản lý diễn ra hết sức chậm chạp, lúng túng, chông chéo trên nhiều lãnh vực.

Thực chất của vấn đề phát triển đô thị không do ở những biểu hiện tiêu cực vừa kể mà do ở những con người đứng ra quản trị nó. Nhìn lại những nhân vật lãnh đạo đất nước và các đô thị tại Việt Nam hiện nay, có bao nhiêu người có trình độ chuyên môn về các vấn đề thiết kế, chỉnh trang và quản lý nhà đất tại các đô thị? Chế độ trung ương tập quyền đang gây ách tắc trong việc phát triển đất nước.

Hiện nay, Việt Nam có gần 500 đô thị, trong đó có ba thành phố trực thuộc trung ương, năm thành phố là đô thị loại 2, chín thành phố thuộc đô thị loại 3 (trực thuộc tỉnh), 63 thị xã và khoảng 400 thị trấn. Dân cư đô thị chiếm khoảng 15 triệu người. Tình trạng xuống cấp các cơ sở hạ tầng và ô nhiễm môi trường đang diễn ra ở hầu hết các đô thị. Diện tích nhà ở bình quân dưới 4m²/người.

Bảo vệ di tích văn hóa

Ngày 28-10-1994, tại khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội, đã diễn ra lễ khánh thành tám nhà che bia tiến sĩ nhằm bảo vệ những tấm bia này. Đây là một công trình hợp tác giữa Việt Nam (Bộ Văn Hóa và Thông Tin) và Hoa Kỳ (Chương trình hòa giải Mỹ - Đông Dương và Quỹ American Express). Công trình bắt đầu từ tháng 4-1993 với kinh phí 70.000 USD từ phía Mỹ và ngân sách của Bộ Văn Hóa và Thông Tin.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám, trường đại học đầu tiên của Việt Nam, là niềm hành diện của nền văn hóa dân tộc. Văn Miếu - Quốc Tử Giám được xây dựng cách đây gần 1.000 năm (năm 1070). Tại đây chỉ còn lưu giữ được 82 bia, dựng lên để ghi nhớ tên các vị tiến sĩ đã đỗ đạt trong các khoa thi từ năm 1442 đến 1779. Những bia này là di sản chung của dân tộc Việt Nam, có giá trị lớn về mặt lịch sử, văn hóa và giáo dục của đất nước.

Từ sau 1975, cơ quan UNESCO cùng đã hoàn tất việc tu sửa

các di tích Tháp Chàm, các cung điện và lăng tẩm, các chùa chiền cổ của Việt Nam tại miền Bắc và miền Trung (như ở Hội An). Mặc dù vậy, những di tích này không được bảo vệ đúng mức, tại một số nơi kẻ gian đã đánh cắp nhiều pho tượng quý: tượng thần đầu voi tại bảo tàng Đà Nẵng, tượng bà Po Bia Thanh Chan (hay Po Bia Thanh Chik) tại tháp Po Romē (Bình Thuận).

Một điều lạ là những di sản văn hóa của Việt Nam lại do những cơ quan quốc tế trực tiếp bỏ tiền ra sửa chữa, đối với họ những công trình này là di sản chung của nhân loại. Trong khi đó, chính quyền cộng sản Việt Nam đã bỏ ra những khoảng tiền tương đương để tu bổ và sửa chữa những "khu di tích lịch sử của họ": nhà tù Côn Đảo, nhà tù Bà Rá (Phước Long), "Pearl Harbor" Biên Hòa, v.v...

Lạm phát án tử hình

Chỉ nội trong tháng 10-1994, báo chí trong nước loan tin rất nhiều án tử hình cho những tội phạm cướp của, giết người.

Ngày 27-10-1994, tòa án tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tuyên phạt bốn án tử hình các tội phạm Đỗ Thái Bình, Nguyễn Nhung, Nguyễn Phương và Hồ Thanh Sơn, tất cả đã tham gia vào các vụ án cướp của, giết người trên quốc lộ 1A. Tòa án Minh Hải tuyên án tử hình Nguyễn Văn Tý về tội giết chị dâu cướp của. Tòa án Sài Gòn, ngày 21-10, đã tuyên án tử hình Nguyễn Phi Long về tội bắn chết hai người và làm trọng thương hai người khác. Tòa án Cần Thơ tuyên hai án tử hình Nguyễn Văn Tý và Vũ Đình Quang về tội giết người trong nhà giam. Trong chín tháng qua, tòa án tỉnh Đồng Nai đã tuyên tám án tử hình về các tội giết người, cướp của, trung bình là cứ 37 ngày có một án tử hình.

Tệ nạn giết người cướp của hiện nay rất lan tràn, nhiều vụ giết người khác đã được tòa án xử những án tù nặng; nhưng không vì vậy mà làm giảm cường độ bạo hành đang diễn ra hằng ngày trong nước. Sự kiện này đã được ông Nguyễn Rãng lên tiếng báo động tại Quốc Hội hồi cuối tháng 10 vừa qua. Ông Nguyễn Rãng nói: *"Đất nước ta, mặc dù hiện nay vẫn giữ ổn định chính trị, song tình hình trật tự an ninh xã hội rất đáng lo ngại. Có thể nói ở nước ta có quá nhiều tự do (sic), sự tự do đã vượt ngoài phạm vi của luật pháp [...] Có một tình hình đáng lo ngại là những băng nhóm mafia, buôn lậu, lừa đảo, mại dâm và những nhóm "xã hội đen" hoạt động theo luật giang hồ, sống bằng nghề dâm thuê và sẵn sàng tham gia hoạt động phá hoại an ninh chính trị, là một thách thức đối với chính quyền và các cơ quan thi hành pháp luật"*.

Người Việt bị tàn sát

Cuối tháng 10-1994, cảnh sát Nga đã bắt giữ những thủ phạm giết 10 công dân Việt Nam gồm bốn nữ, sáu nam, tại Moscow. Scot Yurin, thủ phạm chính người Kazakstan, cùng năm đồng bọn dùng xe chở người Việt đi chợ, sau đó lừa đưa vào rừng, sau đó bóp cổ từng người cho đến chết để tra khảo lấy của. Xác các nạn nhân được chôn vùi trong rừng. Băng cướp này cũng đã từng cướp của và giết chín người Nga.

Tại Cam-Bốt, ngày 20-10-1994, Khmer đỏ đã giết một cách man rợ bảy người Việt, trong đó có ba trẻ em, tại làng Ream Charalay, tỉnh Konpong Chnang, Cam-Bốt. Việt Nam lên tiếng cuộc tàn sát này và kêu gọi chính phủ Cam-Bốt phải "có những

THỜI SỰ... TÌNH TỨC... THỜI SỰ...

Tiếp tục thảo luận về pháp quyền, pháp trị

Chiều ngày chủ nhật 30-10-1994 tại thành phố Sceaux, miền Nam Paris, Câu lạc bộ Nghiên cứu Việt Nam (VINEC) đã tổ chức một buổi nói chuyện về đề tài "Việt Nam, pháp quyền hay pháp trị?" với phần thuyết trình dẫn nhập của hai diễn giả: giáo sư Vũ Quốc Thúc và luật sư Trần Thanh Hiệp.

Buổi nói chuyện đã diễn ra trong vòng thân mật, dưới sự hoạt náo của ông Huỳnh Hùng, hội trưởng Câu lạc bộ VINEC. Sau khi ông Vũ Quốc Thúc nói rõ những lý do vì sao ông thấy có lý do để nhận định rằng chế độ hiện tại ở trong nước sớm muộn cũng phải đi vào con đường pháp trị (mà thuật ngữ chính trị cộng sản gọi là pháp quyền), ông Trần Thanh Hiệp - không trở lại việc bàn cãi từ ngữ về "pháp quyền, pháp trị" - đã dành phần thuyết trình của mình để bàn về bảy mô thức pháp trị, trong đó có mô thức pháp trị tương lai cho Việt Nam để thay thế nền chuyên chính cộng sản.

Tiếp theo là phần thảo luận giữa hai diễn giả và cử tọa. Qua sự trao đổi ý kiến rộng rãi, vấn đề đã được sáng tỏ thêm: Diễn giả họ Vũ khẳng định rằng qua các bài viết trên các báo trước đây, quan điểm của ông và của ông Trần Thanh Hiệp là "đại đồng" có "tiểu dị". Về phần ông Trần Thanh Hiệp, ông đã tuyên bố là ngay đến cả "tiểu dị" cũng không có nữa. Tuy nhiên trong cử tọa, nhiều người nghĩ rằng cách nhìn vấn đề của hai ông không giống hẳn nhau mặc dầu ông Hiệp nói là "không khác nhau".

Nhà nhận, thân mật, nhưng không kém phần sôi nổi, đó là ba đặc điểm của buổi thảo luận.

Văn Bút Quốc Tế và vấn đề tù chính trị và quyền tự do ngôn luận ở Việt Nam

Tại Hội nghị quốc tế lần thứ 61, họp tại Praha từ 7-11 đến 11-11-94, các đại biểu Văn Bút Quốc Tế (International PEN) đã đồng thanh biểu quyết chấp thuận nghị quyết do Trung tâm Văn Bút Gia Nã Đại đệ trình với sự tán trợ của hai Trung tâm Văn Bút Ba Lan và Văn Bút Việt Nam Hải ngoại nhằm kêu gọi nhà cầm quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa phải "tôn trọng những nguyên tắc và những quyền qui định trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, đặc biệt nói điều thứ 19 là điều bảo đảm quyền tự do bày tỏ ý kiến; phóng thích tất cả những người đã bị giam cầm vì họ đã hành sử quyền tự do bày ý kiến".

Trong phần dẫn lý, nghị quyết nói trên đã nhắc đến hành động Hà Nội đàn áp phong trào Diễn Đàn Tự Do của giáo sư Đoàn Viết Hoạt và các ông Nguyễn Văn Thuận, Phạm Đức Khâm, Lê Đức Vượng, Phạm Thái Thủy và Cao Trào Nhân Bản của bác sĩ Nguyễn Đan Quế. Ngoài ra, nghị quyết cũng còn nêu lên việc Hà Nội đã không chịu thi hành nghiêm chỉnh những điều khoản của Hiến pháp 1992 và Bộ luật Hình sự 1989 cũng như đã không tôn trọng các công ước quốc tế về nhân quyền. Sau hết, nghị quyết còn tỏ bày mối quan tâm của tổ chức các nhà văn quốc tế trước hành động đàn áp đối với Giáo hội Phật giáo không chịu phục tùng đảng Cộng sản, trước chế độ giam giữ nghiệt ngã thi hành đối với giáo sư Đoàn Viết Hoạt, đã già yếu mà gia đình lại không được phép thăm nuôi đầy đủ.

Được biết phái đoàn Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại tham dự Hội nghị Praha rất hùng hậu với sự tăng cường của nhiều người cầm bút mới từ Việt Nam qua Mỹ tị nạn như nhà văn Nguyễn Sỹ

Tế, nhà thơ Cung Trầm Tưởng (cả hai đều đã bị giam giữ trên 10 năm), nhà văn nữ Cao Mị Nhân v.v... Mặt khác, chủ tịch Văn Bút Nam Cali và cũng là chủ tịch VBVNHN đã mời những cây bút quen thuộc tại hải ngoại như các ông Niên Dư Trần Ngọc Nhuận (San Jose) và Phạm Việt Tuyên (Pháp) tham gia phái đoàn.

Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo Hải Ngoại ra tuyên ngôn

Từ Tiểu bang Maryland, Hoa Kỳ, Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo Hải Ngoại ngày 3-11-1994 đã ra một Tuyên Ngôn, do ba nhân sỹ Hòa Hảo ký tên (Tu sĩ Thái Hòa, Hội Trưởng Ban Trị Sự Giáo Hội PGHHHN, ông Hồ Minh Châu, Hội Trưởng Ban Trị Sự Giáo Hội PGHH Âu Châu, ông Bùi Văn Mạnh, Có vấn) để:

"*long trọng tuyên cáo rằng "Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo Hải Ngoại (...) tiếp tục kiên trì đấu tranh trước diễn đàn Liên Hiệp Quốc và các tổ chức quốc tế để nói lên tiếng nói trung thực và đại biểu chân chánh của Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo (...) cho đến khi Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam bị hủy bỏ toàn diện và chế độ cộng sản độc đảng chuyên chế bị giải thể trên đất nước Việt Nam;...*

Để yểm trợ đối lập ở trong nước

Ủy Ban Dân Chủ, vào ngày 11-12-1994, sẽ tổ chức một buổi hội thảo với sự tham dự của nhiều tham luận viên người Việt các châu Âu, Mỹ và người Hoa, Lào. Đề tài sẽ là "Việt Nam, từ phản kháng đến đối lập".

Buổi hội thảo sẽ diễn ra tại hội trường "Centre International de Séjour de Paris" - số 17 đường Kellemann Paris (Métro Porte d'Italie, điện thoại 44.16.37.38) - bắt đầu từ 14 giờ và được trừ liệu sẽ kết thúc vào hồi 19 giờ. Chương trình hội thảo gồm có ba phần: phần báo cáo dẫn nhập về các lực lượng phản kháng và đối lập tại Việt Nam, phê phán chính quyền Hà Nội về thái độ đối với các lực lượng phản kháng và đối lập, phần tham luận với các bài viết, bài nói đến từ khắp nơi (châu Âu, châu Mỹ, châu Úc) nhằm đào sâu các sự kiện được nêu lên trong phần báo cáo, phần tham luận về cuộc vận động yểm trợ phong trào phản kháng và đối lập trong nước, với sự tham gia rộng rãi của cử tọa.

Kim Văn Kiều

Một buổi nói chuyện về Kim Văn Kiều sẽ được tổ chức vào **thứ bảy 17/12/1994 tại Đại Học Paris 7 ; tour 34 ; bắt đầu từ 15g10 30.** (Métro Jussieu)

Đề tài: Một hiện tượng xã hội học mới mẻ trong lịch sử văn học Việt Nam cận đại, hiện tượng Acculturation: Đối chọi hay đối thoại giữa văn chương Pháp và văn chương Việt Nam trong làng văn học Việt Nam cận đại. Cuộc bút chiến giữa hai phái tân và cựu về những vấn đề luân lý, văn chương và tình yêu trong **Truyện Kiều** của Nguyễn Du.

Diễn giả: cụ Nguyễn Huy Bảo, cựu Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa Sài Gòn

Người ngâm thơ: bà Anh Trần, nhà điêu khắc và họa sĩ

Nhạc: bà Phương Oanh (đàn tranh)

ông Trần Tam Nguyên (sáo)

ông Đoàn Văn Linh (đàn bầu).

Giáng Sinh : Tuyên ngôn hòa bình cho thế giới

Vinh danh Thiên Chúa trên trời,
Bình an dưới thế cho người thiện tâm.

Đó là lời ca mà các thiên thần hát mừng và thông báo về một con người mới với một tuyên ngôn mới: Tuyên ngôn hòa bình.

Con người mới ấy mang tên Giêsu, người của tình thương, của hòa giải và hòa bình.

Giáng sinh là khởi đầu sự hiện diện của con người mới ấy cùng với tuyên ngôn hòa bình của ngài.

Nhưng con người mới Giêsu ấy đã sống và rao truyền tuyên ngôn hòa bình như thế nào?

Để có thể hiểu được tuyên ngôn của ngài chúng ta hãy trở về thời điểm mà chúa Giêsu sinh ra để xem hoàn cảnh sống và những suy tư của các con người trong thời điểm ấy như thế nào?

Khi ấy, bằng vào các lời của các tiên tri, tất cả dân Do Thái đều tin rằng họ là dân được Chúa chọn để thống trị thế giới, cho nên chỉ có họ là đúng còn tất cả các dân khác đều là tà ma ngoại đạo, đều đáng bị tiêu diệt nếu không tuân phục họ.

Nhưng thực tế thì khác hẳn, họ bị đế quốc La Mã (một giống dân không phải là Do Thái) thống trị. Vì sự thống trị ấy, họ càng mong đợi đấng giải phóng đến như lời Chúa đã hứa với các tổ phụ và tiên tri của họ. Và càng mong đợi bao nhiêu thì họ càng chia rẽ và đổ lỗi cho nhau bấy nhiêu. Tại vì những người này mà Đấng giải phóng chưa đến. Vậy phải xua đuổi và tiêu diệt những người này.

Từ đó họ đặt ra nhiều luật lệ để có thể phân biệt được người này tốt hoặc xấu theo quan điểm của họ. Do đó, giữa con người mất niềm tin với nhau. Mọi người sống với nhau bằng hình thức, bằng giả dối, bằng khoe khoang, bằng háo danh và bằng hối lộ.

Từ những ý nghĩ ấy, họ nghĩ là Thiên Chúa sẽ đến như là một đấng anh hùng, một đấng cũng có những quan niệm của họ, cũng chia rẽ, cũng phân biệt, cũng thù hận và cũng thích hối lộ (vì vậy chẳng những họ hối lộ với nhau mà còn tìm cách hối lộ cả với Thượng Đế). Đấng ấy sẽ tiêu diệt những người đối kháng với họ và sẽ tạo lập một hệ thống thống trị theo ý họ.

Ta thấy có một sự khác biệt rất lớn giữa mộng tưởng và thực tế của cuộc sống của những con người Do Thái thời ấy. Một đảng họ mong muốn chỉ có một tư tưởng, một lối suy nghĩ, một giống dân, một hạng người, một cách làm việc... Đảng khác, thực tế của cuộc sống lại không giống như họ mong muốn mà luôn luôn phát triển thành có nhiều tư tưởng, nhiều lối suy nghĩ, nhiều giống dân, nhiều hạng người, nhiều cách làm việc...

Và họ đã chọn con đường xây dựng xã hội theo như mộng tưởng của họ với kết quả là không có hòa bình và gặp bế tắc.

Trước sự bế tắc ấy, con người Giêsu đã giáng sinh. Ngài chấp nhận thực tế của cuộc sống. Và từ thực tế ấy ngài rao truyền tuyên ngôn hòa bình cho thế giới.

Bằng lời nói và việc làm, Giêsu đã rao truyền tuyên ngôn hòa bình.

Giáng sinh là hành động đầu tiên của việc rao truyền tuyên ngôn này.

Trước hết bằng hành động chọn giáng sinh tại một thành phố không tên tuổi tên Bethlehem; nơi một hang lừa, là chỗ ở cùng cực nhất; bên các mục đồng là những người cùng đinh trong xã hội và tiếp nhận ba vua là những người ngoại quốc, Chúa đã viết điều mở đầu cho Tuyên ngôn hòa bình. Muốn có hòa bình trước hết con người phải biết chấp nhận nhau với những khác biệt của nhau. Con người là hình ảnh của Thượng đế nên bình đẳng với nhau. Đó mới là điều quan trọng. Còn các sự khác biệt về giống dân, địa vị, nơi ở, cách làm việc, cách suy nghĩ... là những đặc tính của cuộc sống - bởi vì một sự vật chỉ hiện hữu khi sự vật ấy không phải là một sự vật khác - nên phải chấp nhận và kính trọng.

Rồi bằng vào việc chấp nhận giáng sinh - Thượng đế chấp nhận làm người - Đức Giêsu đã viết điều thứ hai của Tuyên ngôn hòa bình. Thượng đế đã chấp nhận hòa giải và đối thoại với con người. Vậy con người muốn có hòa bình cũng phải biết chấp nhận hòa giải và đối thoại với nhau. Hòa giải không có nghĩa là tôi ăn cướp của anh rồi chúng ta hòa với nhau. Mà hòa giải có nghĩa là hãy trả cho nhau những gì thuộc về mỗi người. Chỉ có hòa giải mới nói lên là ta thực sự chấp nhận nhau. Của Cesar hãy trả về cho Cesar. Của Đức Chúa Trời hãy trả cho Đức Chúa Trời. Nếu anh em còn giận hờn ai thì hãy về đối thoại để làm lành với họ rồi hãy đi dâng của lễ.

Và sau cùng bằng vào việc giáng sinh - Thượng đế là người - Chúa đã viết điều tiếp theo cho Tuyên ngôn hòa bình. Thượng đế đã là người và người là Thượng đế. Trời đất cùng xe chử đồng. Thượng đế và con người hợp tác với nhau để xây dựng thế giới. Vậy con người muốn có hòa bình cũng phải biết hợp tác với nhau. Hợp tác tức là mỗi người tự biết giới hạn của mình: được phép làm đến đâu, được hưởng quyền lợi nào và phải có trách nhiệm gì. Và như vậy hợp tác không có nghĩa là anh phải theo tôi hoặc ngược lại, mà là phải trong tinh thần dân chủ, mỗi người có phần của mình. Kêu gọi hợp tác mà luôn tìm cách lấn áp người khác, tranh phần hơn về mình thì làm sao có được sự hợp tác. Rồi để chạy tội thì đổ lỗi cho là tại vì người mình chia rẽ, mà không thấy được là mình đã có nhận thức sai và hành động sai trong việc hợp tác. Hợp tác phải được thể hiện bằng việc chia sẻ với nhau từ miếng ăn đến tình thương yêu. Chia sẻ miếng ăn tức là chia sẻ sự sống cho nhau. Từ chia sẻ miếng ăn là chia sẻ công ăn việc làm cho nhau, cùng nhau làm, cùng thương yêu nhau. Và như vậy hòa bình sẽ đến.

Tóm lại qua giáng sinh Đức Giêsu đã đem đến cho chúng ta một tuyên ngôn mới, tuyên ngôn hòa bình và cũng là tuyên ngôn của tình yêu: Không thể có hòa bình và thương yêu khi không có sự chấp nhận nhau, sự hòa giải đối thoại và hợp tác.

Đất nước chúng ta hiện nay không có hòa bình. Giữa người và người đang tranh giành, đàn áp chém giết nhau. Tuyên ngôn hòa bình của Đức Giêsu đem đến nhân mùa Giáng sinh thật là hữu ích cho việc xây dựng một đất nước dân chủ đa nguyên, hòa bình và giàu mạnh.

Nguyễn Văn Thế

Cảm nghĩ về bài "Những nhà ngoại giao Anh mạn đàm về Việt Nam" (TL.76)

Sau khi đọc bài này tôi thấy thật là đáng quý khi còn có một vị đại sứ quan tâm đến dân tộc Việt Nam để có những lời khuyên cho cả hai phe. Còn về nội dung bài này thì tôi thấy có những ý đúng và những ý không được đúng lắm. Xin đơn cử vài điểm sau đây :

"Các anh luôn bài xích lẫn nhau, người nọ vu cho người kia là cò mồi cộng sản. Thường là các anh dùng cái mũ cộng sản chụp lên đầu các bạn mình để phê bình chửi rủa". Ý này rất đúng và nó đúng là một khuyết tật của cộng đồng Việt Nam hải ngoại mà chúng ta phải cố gắng loại trừ. Chúng ta không thể cùng như không được quyền chụp mũ nhau một cách hấp tấp, hồ đồ đến độ bừa bãi (khi chưa có cơ sở, bằng cứ gì vững chắc cả) như thế được. Tuy nhiên khi cần (xin nhấn mạnh là chỉ khi cần) ta vẫn có quyền nghĩ vì cảnh giác, phòng gian là bổn phận của mọi người còn quan tâm đến cộng đồng dân tộc. Nghi để rồi "âm thầm theo dõi bước em đi" tức là âm thầm thâm thập đầu mối, dư kiện hầu giải quyết mỗi nghi đó. (...)

"Theo chúng tôi được biết thì không có người nào lại còn đại dột làm tay sai cho cộng sản trong khi họ đã an cư lạc nghiệp ở các nước phương tây". Ý này thì xin phép được nói thực, tôi không dám cho là đúng. Dĩ nhiên là theo lẽ thường tình thì khi đã an cư lạc nghiệp, đã có cuộc sống thoải mái rồi thì người ta "NGẠI" phiêu lưu, như đang ở đường quang thì không ai ngu gì mà đâm quàng vào bụi rậm. Tuy nhiên thời nào, nơi nào cũng có những người mắc chứng loạn thị nên họ cứ trông gà hóa cuốc, thấy bụi rậm tưởng công chào nên cứ cố lao vào cho kỳ được. Chỉ xét đến danh nhân Anh Quốc thôi đã thấy những Anthony Blunt, Kim Philby, Guy Burges, Donald MacLean, George Blake, John Cairncross... Có ai là không ở trên đường quang đâu, quá quang là đảng khác (tất cả đều có địa vị cao trong xã hội, đa số thuộc dòng quý tộc, riêng Anthony Blunt còn thuộc hoàng tộc nữa) thế mà họ vẫn cứ đâm quàng vào bụi rậm, làm tay sai cho CS như thường.

Do đó cho rằng đã an cư lạc nghiệp ở các nước phương tây là không còn ai đại dột làm tay sai cho CS nữa là một nhận định chủ quan, thiếu cơ sở, ngược với thực tế lịch sử vậy.

Nếu xét cho kỹ thì còn nhiều điểm cần bàn cãi nhưng thôi, hai điểm trên đủ chứng minh là bài này cũng đúng và cũng không đúng lắm.

Nguyễn Thiện

Về bài viết "Bàn thêm về Nhà nước pháp quyền"

"(...) trình bày một vài ý kiến về một số bài trong Thông Luận mà tôi đã được đọc (...) nhưng trong phạm vi thư này chỉ nói về bài "Bàn thêm về Nhà nước pháp quyền".

Tôi tán thành ý kiến của ông Trần Thanh Hiệp và thấy rằng việc dịch từ một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác cần được cân nhắc kỹ càng. Trực dịch nhiều khi cũng để lại những thông tin chứa đựng nhiều khác nhau. Ví dụ "Quốc gia" và "Nhà nước". Các từ đều tương đương để trực dịch nhưng ý nghĩa khác nhau xa. Cùng thế, tiếng Pháp "Etat" có thể dịch là gì, "quốc gia" hay "nhà nước"? Cụm từ Hán Việt "quốc gia" bao hàm những ý nghĩa khác

hắn với cụm từ Việt "Nhà nước". Vậy phải dịch ra sao? Đó là về ý nghĩa của từng từ. Ngoài ra còn cần phải chú ý tới văn phạm (hay nói nôm na như thế hệ trước đã dùng là "Mẹo") của cụm từ. "Mẹo" tiếng Pháp và "Mẹo" tiếng Việt không giống nhau cho nên không thể dịch "Etat de droit" là "Nhà nước pháp quyền" hay "Nhà nước pháp trị", dù là "Nhà nước pháp trị" cũng vẫn không ổn vì cái không chính xác của "Mẹo" tiếng Việt.

Muốn hiểu rõ cần phải có những định nghĩa mà định nghĩa lại chỉ là một qui ước của một hay nhiều người nào đó, không phải là đã hoàn toàn đúng hẳn. Tôi xin lấy một ví dụ: Tổ quốc Việt Nam ai cũng nói cả, ai cũng hiểu cả nhưng rồi cũng khác nhau, mỗi người có cái Tổ quốc VN của mình, của riêng mình. Nếu một ai đó đứng lên hô hào "Chúng ta hay hi sinh vì Tổ quốc Việt Nam", thì phải hiểu là hi sinh cho cái Tổ quốc VN theo quan niệm của người hô hào đó chứ không phải cho cái Tổ quốc VN nào khác. Vì vậy các cụm từ (...), các thuật ngữ của các lãnh vực đều phải được định nghĩa rõ ràng, càng chi tiết càng tốt, để cho mọi người bình thường có thể hiểu được nếu thực lòng muốn được có nhiều người đồng tình và (...) có tác dụng hữu ích (...) đưa nước Việt Nam vào quỹ đạo Tự do (...).

Cùng cần phải nêu lên một điều: ngôn ngữ trong luật, trong chính trị (...) không được phép hiểu một cách ngây thơ phiến diện. Cần xem xét kỹ cái bản chất chớ không nên chỉ tin vào hình thức.

- Ông Vũ Quốc Thúc nói "Nhà nước pháp quyền" đúng nhưng chỉ đúng theo quan niệm của ông Thúc.

- Chính quyền Hà Nội nói "Nhà nước pháp quyền" cũng đúng (...) theo quan niệm của chính quyền Hà Nội.

Chính vì đồng nhất hóa quan niệm của chính quyền Hà Nội với quan niệm của mình nên đã đi đến nhận định " *Phải chăng đã có một sự chuyển hướng về ý hệ và chính trị?*" và nêu các lý do làm cơ sở để nhận định. Các cơ sở đó thực ra là không có cơ sở và tất nhiên sẽ đi đến kết luận mơ hồ, điều rất ư là "lôgic". Và có lẽ ông Trần Thanh Hiệp nên thẳng thắn hơn nữa khi nói không có sự khác biệt về lập trường chính trị với ông Vũ Quốc Thúc. Theo tôi, có thể cùng mục tiêu nhưng (...) đã khác lập trường do nhận định khác nhau, đi đến biện pháp hành động khác nhau (...) đưa đến cùng kết quả?

(...) chớ nên quên quyền của người dân thấp cổ bé họng không nói được ý nghĩ của nó qua hệ thống truyền tin, báo chí (...).

Chừng nào VN chưa có được một bản Hiến pháp đầy đủ tính dân chủ, tự do đảm bảo Công lý, Nhân quyền thì "Nhà nước pháp quyền" hay "Nhà nước pháp trị" chỉ là một sự khoa ngôn xảo ngữ mà thôi (...)

Xin kính chúc quý báo mọi điều tốt đẹp.

Linh Vũ, 8 rue de la Vége, 75012 Paris

LTS. Xin cảm ơn ông Linh Vũ đã bàn rộng thêm về vấn đề đã được nêu lên trong bài viết của ông TTH và đã đồng ý với tác giả là phải "Nghĩ đúng, nói đúng để làm đúng". Nhưng rất tiếc là trong đoạn cuối của bức thư ông gửi Thông Luận, dường như vô tình ông đã chỉ lưu tâm đến "làm đúng" mà thôi, không cần "nghĩ đúng, nói đúng", vì ông đã không còn phân biệt "pháp quyền" với "pháp trị" nữa! Nghĩ và nói đã không đúng thì sao có thể làm đúng được? Còn trường hợp đã nghĩ đúng, nói đúng rồi mà cứ cố tình làm sai thì đó lại là một vấn đề khác, chưa được bàn tới trong bài viết của ông TTH..

Sổ Tay

Thạc sĩ

Xin long trọng báo tin buồn cho các cụ Nguyễn Cao Hách, Vũ Quốc Thúc và quý vị thạc sĩ: quý vị hết thiêng rồi. Trước đây cả nước quý nể quý vị, dĩ nhiên là vì nhân cách, khả năng của quý vị, nhưng đặc biệt là do sự nhìn nhận nơi quý vị một kiến thức uyên bác thể hiện qua học vị thạc sĩ rất hiếm thấy. Các vị đã là những tiếng nói đầy uy tín, những quyền lực tinh thần. Quý vị nói là phải đúng bởi vì quý vị là những thạc sĩ, những người đã vật lộn nhiều năm với sách vở và tài liệu, đã đầu tư rất nhiều chất xám. Điều quý vị nói ra có thể không đúng tuyệt đối, nhưng có nhiều triển vọng đúng hơn người khác, ít ra không sai. Quý vị đã có vai trò hữu ích trong xã hội, vai trò của những trọng tài có thẩm quyền trong các cuộc tranh cãi. Quý vị đã là những bảo đảm cho một trật tự tinh thần trong xã hội.

Nhưng ngày nay thì quý vị đã hết thời. Học vị thạc sĩ của quý vị chẳng còn hiếm hoi gì nữa. Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày nay nhan nhản những thạc sĩ. Không phải thạc sĩ giả mạo mà là thạc sĩ có bằng cấp hẳn hoi và được nhìn nhận chính thức.

Còn những quý vị khoa bảng lèm bèm khác - kỹ sư, cử nhân, tiến sĩ? Xin lỗi, mời quý vị đi chỗ khác chơi. Việt Nam ngày nay không phải có đủ, mà còn có thừa những người có bằng cấp như quý vị.

Tôi đọc báo và giật mình về tiến bộ văn hóa, giáo dục tại nước ta. Chỉ cần lấy một thí dụ: trong danh sách (chưa đầy đủ) 125 ứng cử viên vào Hội Đồng Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã có 100 vị tốt nghiệp đại học, nghĩa là 80%. Có ba vị thạc sĩ, các tiến sĩ, phó tiến sĩ, kỹ sư, bác sĩ, v.v... đếm không hết. Trong số 25 vị không tốt nghiệp đại học, có bốn vị tự xưng - vì có lẽ được tuyên xưng - là anh hùng, bốn hay năm vị đại tá công an, một số thành ủy viên, giám đốc, và ông Đặng Thế Hồng, viện trưởng Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thành Phố. Lý do tại sao ông viện trưởng Viện Kiểm Sát Nhân Dân không có, hay chưa có, bằng thạc sĩ luật vẫn còn là một bí mật đối với tôi. Tôi tự hỏi làm cách nào trong một khoảng thời gian ngắn ngủi như thế trình độ văn hóa của nhân sự chính trị nước ta có thể tiến một bước dài như vậy. Đâu còn là thời gian mà các bác sĩ đi học bổ túc văn hóa lớp 4, các giám đốc xí nghiệp đánh vần nghị quyết của đảng, các cán bộ chính trị giảng dạy về cuộc chiến "Một Răng - Một Rắc? [chú thích cho độc giả tối dạ: Iran - Iraq, được phiên âm là I-Răng - I-Rắc].

Hồi đi học tập cải tạo, tôi đã từng nghe các cán bộ quả quyết chắc nịch: "Đảng ta đã đánh thắng Pháp, thắng Mỹ thì không có

gì đảng ta lại không làm được". Câu nói ấy tôi vẫn ghi lòng tạc dạ, nhưng đào tạo ra các tiến sĩ, thạc sĩ đối với tôi vẫn còn là một vấn đề đòi hỏi thời gian chứ không phải chỉ có ý chí sắt đá mà một sớm một chiều có thể làm được.

Tôi làm to, Đảng làm được. Và đã làm xong! Các bạn có muốn biết phương thức không? Tôi lưỡng lự không biết có nên cho các bạn biết một cách khơi khơi điều mà tôi phải khổ công lắm mới tìm kiếm ra hay không. Nhưng thôi, cũng được. Xin bảo đảm những điều tôi tiết lộ sau đây là chính xác một trăm phần trăm.

Một cán bộ không cần có trình độ học vấn nào hết, nhưng phải được chi bộ đảng nhận là xuất sắc, có thể được gửi đi dự "đại học tại chức" trong vòng hai năm. Nói là "gửi đi" thì không đúng, từ ngữ chính thức là "đề bạt đi học đại học tại chức". Vì là đại học tại chức nên "sinh viên" này không cần đi đâu cả, vẫn ngồi tại chức, và tại chỗ. Thỉnh thoảng đi học một khóa. Sau hai năm, với thời gian đi học tổng cộng độ hai tháng, anh ta, hay chị ta, được bằng cấp đại học, cử nhân hay kỹ sư tùy ngành. Nếu có chí và có lý lịch tốt, anh hay chị này có thể được đề bạt theo học chương trình "sau đại học tại chức", đúng ra là tại chỗ, trong hai năm nữa. Và cũng vẫn như thế, sau một thời gian đèn sách thực sự (?) khoảng hai tháng là, a-lê-hấp, được bằng tiến sĩ hay thạc sĩ, tùy ngành. Dĩ nhiên cách học như vậy, 4 tháng thay vì hơn 10 năm để có bằng thạc sĩ, đòi hỏi rất nhiều nghị lực và ý chí, nên học vị được cấp phát không qua thi cử mà theo mức độ quyết tâm của các sinh viên do các chi bộ đảng đánh giá. Lối đào tạo này được gọi là "hệ tại chức".

Chính sách giáo dục và đào tạo độc đáo ấy đã đạt kết quả rực rỡ và đem lại cho nước ta trong một thời gian kỷ lục hàng ngàn, hàng vạn kỹ sư, cử nhân, tiến sĩ, thạc sĩ. Thật là một thời đại văn hóa cực thịnh cổ kim chưa có; ra đầu làng gặp cử nhân, về cuối phố gặp thạc sĩ.

Nó cũng đẻ ra những con người kiệt xuất phi thường. Như trường hợp ông chánh án Lê Thúc Anh. Lúc mới làm thẩm phán cách đây vài năm, ông chỉ có trình độ i-tò. Bây giờ ra ứng cử Hội Đồng Nhân Dân Quận Tân Bình, ông đã có tới hai bằng cử nhân luật và kinh tế. Một vĩ nhân như thế mà anh chàng Nguyễn Đan Quế không nhận ra, trước tòa dám chỉ mặt ông ta mà mắng: "Anh là đồ vô tư cách!". Hai mươi năm tù, đáng tội khinh mạn trí thức. Đoàn Viết Hoạt ngớ ngẩn không biết mình đang đứng trước một thần đồng, họa đến nơi rồi không lo bào chữa mà còn than phiền "thẩm phán chẳng hiểu gì về luật pháp cả, nói năng hạ cấp". Hai mươi năm tù! May nhờ tòa trên thương tình bớt cho 5 năm. Nhiều kẻ xấu mồm kháo rằng kiến thức luật pháp của ông Lê Thúc Anh chỉ có một câu "hai mươi năm tù".

Các vị khoa bảng, các vị đã sáng mắt chưa? Cuộc Đại Cách Mạng Văn Hóa Vô Học - xin lỗi Vô Sản - này sẽ còn dành cho quý vị nhiều ngạc nhiên lắm.

Phù Du

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó